



VĂN HỌC MỚI

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT



TƯỜNG NIỆM NHÀ THƠ **KIM TUẤN**

NGUYỄN VY KHANH • TRẦN VĂN TÍCH • NGUYỄN MINH TRIẾT
• TRẦN DANH THÙY • LÂM HẢO DŨNG • CHU THUY NGUYỄN
• THANH LAN • HOÀI ZIANG DUY • NGÔ NGUYỄN NGHIÊM • NGUYỄN
LƯƠNG BA • NGUYỄN HÒA TRƯỚC • CHU VƯƠNG MIỆN & M. LOAN
HOA SỬ • NGUYỄN LƯƠNG BA • SA CHI LỆ • NGUYỄN VĂN SÂM •
ĐỨC PHỔ • HOÀNG XUÂN SƠN • TRẦN THOẠI NGUYỄN • B.T. ÁO TÍM •
NGUYỄN KIẾN THIẾT • NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI • TRẦN PHỤC KHẮC
• NGUYỄN ĐỨC TÙNG • HUỲNH LIỄU NGẠN • VIÊN DUNG • PHAN
HẠ DU • TÂM THUỜNG ĐỊNH • LÊ HỮU MINH TOÁN • NGUYỄN DÌNH
PHƯỢNG UYÊN • PHAN CÔNG QUAN • MINH NGUYỄN • TÔN NỮ MỸ
HẠNH • THUẬN TÌNH • MÃ LAM • HỒ XOA • LÊ TUYẾT LAN • LÊ HẢO
• LÊ VĂN HIẾU • LÊ MINH HIỂN • NGUYỄN CẦN • TRỊNH BỬU HOÀI •
SCOTT NGUYEN • PHAN THÀNH MINH • TRẦN HẠ VI • PHAN NI TẤN
• NGUY THUYẾT •

THÁNG 2 **XUÂN NHÂM DẦN** • NĂM 2022 • SỐ

16



**PHÁT HÀNH MỖI 2 THÁNG / SỐ (1 NĂM 6 SỐ)
Năm thứ VI**

Điều hành: HÀ NGUYỄN DU

**Phụ tá: Vương Thư Sinh (VHT)
Thư ký & Bản thảo : Bạch Xuân Phê
Kỹ thuật NXB Phạm Hồng Thái**

**ISSN 2690 - 4276
Thư từ, bài vở, ngân phiếu xin gửi về:
(Văn Học Mới - Literature Magazine)**

**To: Ha Nguyen (Ha Nguyen Du)
10291 Arundel Ave.
Westminster, CA 92683 - 5821**

**vanhocmoi68@gmail.com
hanguyendu@gmail.com
<https://vanhocmoi.com>**

ĐẠI DIỆN PHÁT HÀNH

**Toronto: Nguyễn Vy Khanh <nguyenvykhánh@yahoo.com>
Vancouver BC: Nguyễn Đức Tùng <bachnguyen@shaw.ca>
Phan Ni Tấn <phannitan@yahoo.ca>
USA: Georgia: Đức Phổ <dducpho@gmail.com>
Nguyễn Thị Thảo An <thaoan2009@gmail.com>
Massachusetts: Lâm Chương <lamchuong495@gmail.com>
Louisiana: NgT Hồng Hải <nhattannguyen575@yahoo.com>
Dallas: Nguyễn Lương Ba <ba@nguyen.us>
Houston: Nguyễn Minh Triết <lnnt_2000@yahoo.com>
San Jose: Phạm Hồng Thái <thaihpam@gmail.com>
Paris: Trang Thanh Trúc <trangthanhtrucparis@yahoo.fr>
Germany Trần Văn Tích
Số ghi danh Quốc Hội Hoa kỳ: ISSN 2690 - 4276**



mục lục

VĂN HỌC MỚI SỐ 16

NGUYỄN VY KHANH	7	Những mùa Xuân và ...
BS.TRẦN VĂN TÍCH	22	Khí tiết của sử gia và ...
NGUYỄN MINH TRIẾT	27	Tản mạn về tuổi Dần
TRẦN DANH THÙY	43	'một thoáng' Vĩnh Khuê.
LÂM HẢO DỪNG	46	Mùa Xuân Trên Cao
CHU THỤY NGUYÊN	48	Thơ Chu Thụy Nguyên.
THANH LAN	50	Chân dung/thao thức
HOÀI ZIANG DUY	52	Tiểu sử văn học:
NGÔ NGUYÊN NGHIÊM	54	HOÀI ZIANG DUY, ...
HOÀI ZIANG DUY	60	một ngày một tình thân
NGUYỄN HÒA TRƯỚC	62	xuân đào trên đó
CHU VƯƠNG MIỆN		
& M. LOAN HOA SỬ	65	năm mới năm cũ
NGUYỄN LƯƠNG BA	67	BẢO: hợp tuyển thơ
SA CHI LỆ	74	còn lại gì
NGUYỄN VĂN SÂM	76	Đọc lại bài Văn Tế
ĐỨC PHỔ	84	đầu xuân
HOÀNG XUÂN SƠN	86	gieo gặt/Mùi của mùa
TRẦN THOẠI NGUYÊN	88	KỶ NIỆM ĐẸP
BT ÁO TÍM	91	ảnh ảo / MAI TÔI ĐI
NGUYỄN KIẾN THIẾT	94	bài học từ văn hóa cạp
NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI	102	Khúc tình của hai người
TRẦN PHỤC KHẮC	108	hòa tan cùng Thượng Đế
NGUYỄN ĐỨC TÙNG	110	cái hộp giấy
HUỲNH LIỄU NGẠN	113	hái hoa bắt bướm
VIÊN DUNG	115	mạch xuân
PHAN HẠ DU	117	cho em mùa xuân/lặng lẽ xa
TÂM THƯỜNG ĐỊNH	119	CỐI TRỐNG NHÀ THIỀN -
LÊ HỮU MINH TOÁN	126	xuân già

NGUYỄN Đ PHƯỢNG UYÊN	128 mẫu giao thừa
PHAN CÔNG QUAN	133 các vì sao
MINH NGUYỄN	135 nghệ sĩ lang thang
TÔN NỮ MỸ HẠNH	143 mật ngôn/người đi/mùa xuân
THUẬN TÌNH	146 tiếng dạ, tiếng thưa.../Đón xuân
MÃ LAM	148 tình yêu ta
HỒ XOA	149 Cafe và mưa
TRANG THƠ NHỮNG TÁC GIẢ	151
LÊ TUYẾT LAN	152 đa mang
LÊ HÀO	153 mưa tháng chạp
LÊ VĂN HIẾU	156 khúc ánh sáng
LÊ MINH HIỀN	158 mùa xuân em về
NGUYỄN CẦN	160 bài ca/ Một mai
TRỊNH BỬU HOÀI	162 Cảm thức mùa đông
SCOTT S NGUYỄN	165 ALICE MUNRO Nobel 2013
PHAN THÀNH MINH	178 Chợ nổi/ Mẹ & mùa xuân
TRẦN HẠ VI	180 một bức tâm thư
PHAN Nİ TẤN	184 ngày xuân con én
NGŨ THUYẾT	188 sông nước
TRANG CHIA BUỒN BT ÁO TÍM	196
TRANG CHIA BUỒN	197 NS TRẦN QUANG HẢI

6 * Văn Học Mới số 16 Xuân Nhâm Dần 2022



THƯ TÒA SOẠN
tạp chí văn học mới

Kính thưa quý thân hữu cùng quý tác giả
cộng tác với tạp chí Văn Học Mới

NHÂN DỊP TẾT NHÂM DẦN 2022
ĐẾN VỚI NGƯỜI VIỆT CHÚNG TA Ở KHẮP MỌI NƠI...

TOÀN BAN BIÊN TẬP TẠP CHÍ VĂN HỌC MỚI

TRÂN TRỌNG GÒI ĐẾN TOÀN THỂ QUÍ TÁC GIẢ
ĐÃ CỘNG TÁC ĐẮC LỰC VỚI TẠP CHÍ
CỦA CHÚNG TÔI. QUÍ TÁC GIẢ Ở KHẮP CÁC TIỂU
BANG CỦA HOA KỲ, KỂ CẢ
QUÍ TÁC GIẢ Ở TRONG NƯỚC...

KÍNH CHÚC TẤT CẢ QUÍ VỊ
CÙNG VỚI GIA ĐÌNH SANG NĂM MỚI 2022
ĐƯỢC SỐNG TRONG SỨC KHỎE VÀ BÌNH AN.
CẦU MAY MẮN ĐẾN VỚI
MỌI NGƯỜI CON DÂN VIỆT!!

TRÂN TRỌNG
TẠP CHÍ VĂN HỌC MỚI
(Riêng về số báo có chủ đề này bốn báo không có bài thì thật là thiếu sót lớn.
Xin chân thành cáo lỗi quý vị)

NGUYỄN VY KHANH

**Những mùa Xuân và chinh chiến trong thơ
Kim Tuấn**



Kim Tuấn tên thật Nguyễn Phước Vĩnh Khuê, hậu duệ đời thứ 5 của Tùng Thiện Vương Miên Thẩm, sinh năm 1938 tại Huế (nguyên quán Hà-Tĩnh), và mất ngày 11-9-2003 tại Sài-Gòn. Thơ ông xuất hiện trên báo-chí từ năm 1959, trên *Văn*, *Khởi Hành*, *Giữ Thơm Quê Mẹ*, *Thời Tập*,... Sĩ quan quân lực VNCH, từng làm thông dịch viên và phóng viên chiến trường - ký Vĩnh Khuê, sau 1975 dạy học (hiệu trưởng Trường Anh văn và dạy nghề Thăng Long từ 1977).

Thi-phẩm đã xuất bản:

Trước 1975: *Hoa Mười Phương* (chung với 13 tác giả khác; Trường Giang, 1959), *Ngàn Thương* (chung với Định Giang, 1961), *Dấu Bụi Hồng* (Pleiku: Minh Đức, 1971), *Thơ Kim Tuấn 1962-1972* (Gìn Vàng Giữ Ngọc, 1974).

Sau 1975: *Thời của Trái tim hồng* (NXB Sông Bé, 1990), *Tuổi Phượng hồng* (NXB Trẻ, 1991), *Tạ tình Phương Nam* (1994), *Thơ Lí và thơ ngắn* (NXB Văn Nghệ TPHCM, 2002).

Thơ Kim Tuấn bao gồm nhiều chủ đề: tình yêu, thiên nhiên và chiến tranh và dùng một số thể loại và ở mỗi thể loại, thơ Kim Tuấn có ngôn-ngữ riêng và độc đáo, nếu so với các nhà thơ thuộc thế hệ nhà văn trẻ của văn học miền Nam 1954-1975.

Văn điệu lãng đãng, nhẹ nhàng; mang nhiều hình ảnh đặc trưng của mỗi vùng đất mà ông viết (Cao nguyên, Miền Trung, Sài Gòn,...). Cái hay của thơ Kim Tuấn là nắm bắt được tính cô đọng của thể thơ năm chữ, và dàn trải tâm tình hơn ở những thể khác.

Thơ tình trong văn-học miền Nam trước 1975 không thể không nói đến Kim Tuấn, tác-giả Nụ Hoa Vàng Ngày Xuân - trích từ tập *Thơ Kim Tuấn* lời tỏ tình khá nhẹ nhàng, lời của hy vọng, lời chân chất của chốn quê, liếp dừa, đồng cỏ, nơi có mẹ già, có khung cảnh quê nhà nay phải xa lìa, vào Nam:

*“Anh cho em mùa Xuân / Nụ hoa vàng mới nở
Chiều Đông nào nhung nhớ / đường lao xao lá đầy
Chân bước mòn vĩa phố / Mắt buồn vin ngọn cây*

*Anh cho em mùa Xuân / mùa Xuân này tất cả
lộc non vừa trẩy lá / thơ còn thương cội đời
con chim mừng ríu rít / vui khói chiều chơi vơi*

*Đất mẹ gầy có lúa / đồng ta xanh mấy mùa
con trâu từ đồng cỏ / giục mõ về rộn khu
ngoài đê diều thả cánh / trong xóm vang chuông chùa
chiều in vào bóng núi / câu hát hò vắng đũa*

Tóc mẹ già mây bạc / trắng chờ trong liếp dừa
con sông dài mấy nhánh / cát trắng bờ quê xưa

Anh cho em mùa xuân / bàn tay thơm sữa ngọt
dãi đất liền chim hót / người yêu nhau trọn đời
mái nhà ai mới lợp / trẻ đùa vui nơi nơi...
hết buồn mưa phố nhỏ / hẹn cho nhau cuộc đời
Khi hoa vàng sắp nở / trời sắp sang mùa xuân
anh cho em tất cả / tình yêu non nước này
bài thơ còn xao xuyến / nắng vàng trên ngọn cây...”- 1961

Kim Tuấn còn nhớ và viết cho mẹ già với Gửi Mẹ Mùa

Xuân và bàng bạc hoặc rõ nét trong một số thơ khác. Rồi cả khi ngủ, giấc mơ đưa nhà thơ trở về quá khứ, vẫn với mẹ già, với chốn quê nhà, bờ sông - quê hương luôn đẹp với vui buồn không tả của tuổi thơ:

“Khi tôi trở về có con chim câu nằm trong tổ ấm. Dây thép gai hết rào quanh đồn phòng ngự và người lính đã trở về cày cấy ruộng xanh.

Khi tôi trở về có con diều bay đùa trong gió. Ở quê nhà, trên thảm cỏ xanh, có đứa trẻ để bụng lòi chấm rốn đen cười nụ thanh bình. Buổi chiều có con trâu rung mõ vu vơ như trong giấc mộng.

Khi tôi trở về hai tay nín tim lồng ngực. Giọng hát ru kéo lại dĩ vãng trầm trầm như chưa tắt thở. Có người rủ nhân loại đi xem địa ngục mà không ai trả lời.

Khi tôi trở về mẹ vừa tóc bạc. Đôi mắt nhìn vào tương lai và quên bao nỗi ưu phiền. Con cò lại bay trong đồng ruộng xanh. Lũy tre cúi xuống ưu tư cùng mùi khói un quen thuộc.

Khi tôi trở về tôi sẽ đi thăm bờ sông tuổi nhỏ, tôi sẽ buồn thăm những chuyện ngày xưa và sẽ khóc một mình - vì quê hương tôi bao lần đau khổ, bao lần đắng cay, bao nhiêu tủi hờn. Quê hương tôi ở đó. Quê hương tôi khi còn tuổi nhỏ, khi tôi lớn lên bằng tiếng ru hời. Quê hương tôi bao lần đau khổ, bao lần đắng cay, bao nhiêu tủi hờn.

Khi tôi trở về con chim kể lời ân ái. Bài hát vang xa và vũ khí sẽ xếp thành cầu vồng trong ngày cười. Nhà mới dựng xây, có tiếng trẻ khóc u oa chào đời. Có người đem tặng em bé quả bom nguyên tử, đứa trẻ đó cười và ôm nó ngủ như ôm quả bóng. Những dây phở sớm mai thức dậy cùng tiếng chim ca, lũ trẻ con mừng đời thịnh trị và tay yếu cổ võ ôm tương lai của mình.

Khi tôi trở về, khi tôi trở về cuộc đời xuôi chảy. Có bóng trăng xưa soi trên lối vườn, có rừng cây ốm vì nhiều thương nhớ, và khi thức dậy tôi tìm thấy tôi” (Những Điều Ghi Được Trong Giấc Ngủ, Thơ Kim Tuấn)

Tình yêu đôi lứa đã đến, để có những nhưng nhớ người tình nơi xa:

*“Ta ở trời Tây nhớ trời Đông
nhớ trong sợi khói bay phiêu bồng
có dăm hàng núi ngăn người đến
có một nguồn xa cách mấy dòng
Ta ở trời Tây nhớ trời Đông
nhớ quen trăm nỗi xót xa lòng
nhớ ta bỗng có men đời đắng
có chút buồn trong nỗi nhớ mong
Ta ở trời Tây nhớ trời Đông
nhớ như con nước trôi xuôi dòng
nhớ chim cánh mỗi bay về núi
nhớ một mình ta hoài ngóng trông
Ta ở trời Tây nhớ trời Đông
nhớ mưa trên những phiến tơ hồng
nhớ đôi sợi tóc chia đường gió
nhớ cội ta mù như hư không” (Nỗi Nhớ Âm Thẩm)*

Những quãng đường **chiến tranh** không hề cô quạnh
hằng ngày vẫn từng bước ngang qua, nay bỗng vui như mùa
xuân mở hội vì đã có tình yêu chờ đợi. Mùa xuân, hoa lá ngập
tràn nhắc nhở anh tình em vươn mãi.

Sân ga, ga nhỏ vẫn được các văn nghệ sĩ chiếu cố. Kim
Tuấn đã sống cái tình yêu lãng mạn đó của người đi người ở lại
với sân ga trong một chiều mưa bay:

*“Sân ga chiều mưa bay
Nhìn em không dám nói / Nhìn em không dám nói
Tình riêng dịu nhau sâu
Cầm tay em giá lạnh / Sân ga chiều mưa mau
Trời không thương hai đứa / Mưa giăng mờ chuyển tàu
Làm sao anh cúi mặt / Làm sao còn thấy nhau
Em ơi trời giá lạnh / Mưa giăng mờ chuyển tàu
Đèn thấp buồn ga nhỏ / Biết bao giờ thấy nhau
Kèn trầm run tiếng thở / Chiều đưa em lên tàu
Mưa sao bằng nước mắt / Em khóc chiều hôm nay
Tàu đi người ở lại / Buồn rưng rưng phương này
Tàu đi sâu để lại / Ga nhỏ còn mưa bay” (Chiều Mưa Bay,*

1961)

Chinh chiến không ngày về, nên có những mùa Xuân đã phải khác hơn, dù vẫn những nụ hoa đào, anh vẫn luôn sẵn sàng “cho em mùa xuân”, nhưng ở Nhìn Lại Mùa Xuân, một mùa Xuân, hoặc ở một thời điểm khác, lời đã nhuộm màu buồn của cách biệt, chia xa,... - như những gì đang xảy ra trên quê-hương lúc bấy giờ:

*“Đường đi dài bóng đổ / Mùa xuân xa chưa về
Chim trời bay mỗi cánh / Mây lưng chiều lê thê
Mắt em buồn vương vấn / Trăng xưa còn quên thê
Lúc nhớ nhà khói xóm / Lạnh lòng in trời quê
Mùa xuân hoa đào nở / Xa em sao không về
Núi rừng thôi thương nhớ / Nước mắt nhòa bóng đêm (...)
Xuân hồng đôi má thắm / Khóc thương ai mong chờ
Khóc thương người xa vắng / Giấc ngủ đầy mộng mơ
Mùa xuân không trở lại / Còn nhớ ai mong chờ
Tóc xanh màu tuổi trẻ / Em còn nhiều mộng mơ
Anh còn như mây trắng / Lang thang khắp phương trời
Gió sương phai màu áo / Chiều nhớ nhà chơi vơi
Lúc dừng chân xứ lạ / Chợt thấm yêu cuộc-đời
Bước mòn năm tháng cũ / Có gì đâu em ơi
Mùa xuân hoa đào nở / Anh thấm yêu cuộc-đời”
(Giữ Thơm Quê Mẹ, số 7&8, Xuân 1966, tr. 5)*

Những quãng đường chiến tranh không hề cô quạnh hằng ngày vẫn từng bước ngang qua, nay bỗng vui – dù trong tâm tưởng, như mùa xuân mở hội vì đã có tình yêu chờ đợi. Mùa xuân, hoa lá nhắc nhở anh tình em có đó, còn đó và vươn mãi. Thiên nhiên, hoa lá, cỏ cây ở Kim Tuấn thơ mộng nhưng hiện thực đời thường, không như thiên nhiên trong thơ Nguyễn Xuân Thiệp xa vắng và đầy mộng ảo của hội họa siêu thực.

Và trong Khách Lữ, Kim Tuấn đã nhấn nhủ người tình như chinh-phu ngày trước vì việc nước phải tạm phân ly, khác là

người nay tâm-thức không lối thoát:

*“hãy hôn lên đất và yêu đất
yêu phận người trong cảnh nhiều nhường
quảng gươm mà hát lời ta thán
thành quách xa mù đầu biên cương
biên cương khách lũ trên yên ngựa
hiu hắt rừng thiêng chiều khói bay
lênh đênh gió cuốn lên miền ngược
ta lơ phiêu bổng ta như mây
như mây che kín chân trời khuất
ta viễn phương còn đâu cố hương
đêm nào rượu tiễn đời luân lạc
cạn chén men nồng ta khôn khuây
hãy len như gió qua cành lá
hãy khóc giùm cho những hạt mưa
lỡ mai mưa khuất bên triền núi
lòng nhạt nhòa như tấm gương xưa
người cũng buồn như gương đã vỡ
mảnh em soi có thấy tâm hồn
ta soi thấy bóng đời đau khổ
thấy bóng đời hoen những vết thương
hãy quên đi nhé vui lên nhé
nào có hề chi bước lãng du
có sao em khóc khi từ biệt
ta vẫn một mình ta thiên thu”*
(Bách Khoa, số S* 420, 3-1-1975, tr. 74)

Mùa Xuân đã đưa đến cho tình yêu những hy vọng ngày mai, ngày vui, thì mùa Thu tình ái nhiều tiếc nuối, nhớ nhung:

*“Bây giờ mùa thu rồi phải không em
ai qua áo lụa tóc nhung mềm
gót chân thềm cỏ cành xao động
mắt cũng buồn theo mưa lá bay
Bây giờ mùa thu rồi phải không em
cây khô còn nhớ đứng bên thềm
rừng quen gió lạ mây giăng thấp*

tuổi đã buồn che kín bóng đêm
Bây giờ mùa thu rồi phải không em
có ai qua những phố không đèn
bóng trắng nào vương trên dòng tóc
bước đã chùng trên những lối quen
Bây giờ mùa thu rồi phải không em
cho anh trời giá buốt tâm hồn
nước xanh rồi cũng mù sông biển
đời đã trăm luân đã lớn khôn
Bây giờ mùa thu rồi phải không em
ru thêm giấc mộng đến êm đềm
ru em sâu kín như ngày tháng
em đã xa và ta bỏ quên” (Nói Với Mùa Thu; Văn số 139,

1-10-1969)

Nhà thơ đã đóng quân nhiều năm trên vùng Cao-nguyên, ông đưa không gian lạ lẫm của sương khói miền cao đến với người yêu thơ, trước những Vũ Hữu Định, Nguyễn Xuân Thiệp:

*“Sáng mai khi về em có khóc?
(vì nỗi buồn như một thói quen)
hai tay bưng mặt em nào thấy
những phố đầu hiu nhạt ánh đèn
Sáng mai khi về em có nhớ
phố núi âm thầm mưa bay ngang
phố núi chiều mưa anh trở lại
một đời như gió vẫn lang thang...”* (Chốn Biệt Mù).

Kim Tuấn sống nhiều năm với những phố núi Pleiku, Kontum, bài Buổi Chiều Ở Pleiku tả lại cuộc sống nơi không gian nên thơ đó dù chiến tranh vẫn thường xuyên châu chực:

*“Buổi chiều ở Pleiku những cây thông già đứng lên cùng
bụi mù*

*tiếng phi cơ, tiếng xe và tiếng súng
anh còn phút nào để nói yêu em
buổi chiều ở Pleiku không có mặt trời
chỉ có mưa bay trên đầu ngọn núi*

những đứa bạn về từ mặt trận xa
những đứa bạn đi áo đường bụi đỏ
những ngày mưa nghe bỗng lìa nhà
những ngày mưa âm thầm nhỏ giọt
những ngày mưa âm thầm đi qua (...)
Buổi chiều ở Pleiku có anh và nỗi buồn
có đêm, có ngày, có quan, có lính (...)
buổi chiều ở Pleiku có cà phê và bạn hiền
có biển hồ nước trong có lúc buồn soi mặt
ôi mặt mình sao bỗng gớm ghê
ôi đời mình sao nhìn muốn khóc
ta với ta xa lạ vô cùng
Buổi chiều ở Pleiku có gì hồi em
có nỗi cô đơn trong khói sương mù
có phố buồn hiu, có đêm giấu mặt
có giấc sầu dài trong cội thiên thu
có bức tường vôi ghi dấu đạn thù
có cuộc đời ta chìm trong khói lửa
kiếp người sao đã lãng du
buổi chiều ở Pleiku, buổi chiều nghe mưa bay trên đầu núi
buổi chiều như mọi buổi chiều
tiếng phi cơ, tiếng xe và tiếng súng
anh còn tiếng nào để nói yêu em” (Văn, số 155, 1-6-1970)

Hãy Nhớ Giùm Ta hào sảng tâm sự với người tình nơi
miền xuôi, với những nét tình tự và lãng mạn của những người
cảm thông được với thiên nhiên ngàn hoa cỏ giữa vẻ đẹp của đất
trời:

“Ở phương trời em nhớ giùm ta
nhiều đêm nằm gối bóng trăng tà
ngó quanh rừng núi mù cơn gió
lơ lửng trời cao ngày thoáng qua
Ở phương trời em nhớ giùm ta
chiều như tay khói náu vai nhà
ơ con cuốc gọi trong rừng vắng
nhìn lại đời ta lại với ta

Nhìn lại đời ta bỗng nhớ nhau
ai xưa từng bước nhỏ qua cầu
cho cây khô đứng trong mùa lạnh
cho lúc ta về mùa qua mau
Cho lúc ta về mùa ở lại
long lanh từng hạt võ hiên ngoài
biết đâu mưa khóc hay em khóc
còn giọt buồn riêng gửi đến ai
Còn giọt buồn ta gửi mắt em
như sông ra bể nước êm đềm
như sông bỏ lại đôi dòng sóng
lớp lớp sâu em đã lãng quên”.

Kim Tuấn trên đường hành quân, có lúc dừng chân để cho lòng lắng
động những tâm tình. Ở Bản Hét:

“Bản Hét ta chào mi đấy nhé
Chiều mưa che khuất núi đồi xa
Chiều mưa ta đứng trên đầu gió
Thương mình hơn những bóng mây qua
Bản Hét thương đời anh lính trẻ
Quanh năm chờ phép về thăm nhà
Quanh năm trấn thủ đời gian khổ
Hầm đất nhìn quanh ta với ta
Bản Hét những chiều không

pháo kích

Trời im nghe gió thổi qua mau
Rừng im nghe cánh chim xào xạc
Đồn im nghe súng bỗng đứng sâu
Bản Hét hành quân vùng Tam

Biên

Núi cao như dựng với sông liền
Rừng sâu màu lá xanh da mặt
Cơm sấy ăn sao nhớ mẹ hiền
Mẹ hiền phương đó con đầu núi
Bưng biển chưa hết trọn đời trai
Bưng biển đêm gối tay lên súng
Bỗng thấy thương thân, bỗng thở dài” (Trên Vùng Bản Hét).

Nhà thơ Lâm Hảo Dũng cũng từng đến Bản Hét và Ngày Về Banhet của họ Lâm nặng nề hiện thực chiến tranh, trong khi thơ Kim Tuấn đầy tâm tưởng – với chữ dùng được lặp lại như núi rừng trùng trùng điệp điệp, mà cũng như nỗi buồn ray rứt còn đó, ở một bài khác: Xuân Trên Đầu Núi:

*“Chiều qua biên giới xuân vừa đến
ngẩng mặt nhìn lên chòm núi xa
gió qua Lào Hạ mây giăng thấp
rừng lá chồi xanh bỗng nhớ nhà
nhớ nhà xa lắc phương trời đỏ
nhìn dưới đèo cao mây trắng bay
đêm có mình ta nơi đất lạ
nghe buồn như những thoáng men say
men say chất ngất chiều chưa khuất
Tây Bắc rừng xanh màu lá xanh
Tây Bắc người đi chưa trở lại
sông buồn con nước chảy loanh quanh
sông buồn con nước trôi ra biển
gửi mộng về xuôi nặng mối sầu
gửi mộng về xuôi đường dốc ngược
phương trời chinh chiến bao nhớ thương
thương nhau đêm gối tay trên đất
nằm giữa rừng hoang nghe gió qua
bóng cây xào xạc rung cành lá
ta có mùa xuân tuổi đã già”*

Chưa thoát khỏi rừng, cũng chưa thoát khỏi cuộc tình thời chiến chinh, Kim Tuấn đặc sắc con chữ lục bát trong Biên Giới Với Ta Và Rừng:

*“Khi về núi đứng trông theo
con sông nước cạn bên đèo khói mây
đỉnh cao chiều gió ngang mây
lên đèn sương phủ vòm cây nhớ rừng
mắt buồn giọt nhỏ rừng rừng
mưa bay xuống thấp lưng chừng lưng sâu
cỏ xanh màu lá hoa sầu*

đá xanh màu nhớ đêm sâu ngút ngàn”.

Kỷ Niệm (phổ nhạc tựa “Những bước chân âm thầm”) là một trong những tuyệt tác của Kim Tuấn – những bài năm chữ chứa đầy hình ảnh cùng tâm trạng, trong thơ đã có nhạc, chuyện đời thường mà trang trọng, diễm lệ. Ông cũng là nhà thơ sử dụng thể năm chữ tài tình và tự nhiên nhất thời văn học miền Nam:

*“từng bước từng bước thăm / hoa vòng rừng tuyết trắng
rặng thông già lặng cầm / hai đứa nhiều hồi tiếc
sương mù giăng mấy đôi / tay đan đầy kỷ niệm
mùa giữa mùa tháng năm / dật dờ cơn gió thổi
một tháng không trăng rằm / mây núi ôm trời thấp
giã rét về cặm cặm / cao nguyên mù đất đỏ
từng bước từng bước thăm / cúi đầu in dấu mỗi
tuổi trẻ buồn lặng cầm / núi nghiêng đầu thủ thi
từng bước từng bước thăm / hoa vòng rừng tuyết trắng
tuổi trẻ buồn lặng cầm / vút hồn hoang cỏ dại
từng bước từng bước thăm...” - Pleiku 1961*

Những bước chân tiếp nối đoạn đường chiến chinh, như Đường Đi Biên Giới:

*“Mai ra biên giới rừng xanh lá
đứng chồm núi cao nhìn mây bay
xa nhà ngắt ngưỡng dăm hơi thuốc
chiều xế hoàng hôn lạnh phủ đầy
Đường đi ngun ngút sương mù khuất
vút đỉnh trời xa rừng núi xa
gió hú đôi cây chân đá dựng
gھnh nghiêng thác đổ nổi thương nhà
Thương nhà ta uống với bầu rượu
nhớ bạn đành quên giữa mặt cười
đất đỏ bụi hồng thân chiến sĩ
mai về quê cũ biết còn ai?
Còn ai chinh chiến vui cùng lửa
súng ngó trời xanh mắt ngó rừng*

*đêm đốt đèn soi mình với bóng
phương trời em đó có rừng rừng” (Văn, số 166, 15-11-1970)*

Chiến tranh hiện diện - không thể nào khác, trong thơ Kim Tuấn nhưng không tàn bạo như đạn bom, chết chóc, thường nhẹ nhàng nếu không ẩn ý, lãng mạn hóa. Bài Kontum Kontum đã được sáng tác trong thời ngưng bắn và đăng trên tờ *Thời Tập* số 23 ra ngày 29-3-1975 chủ đề “Văn chương trước tình thế mới: tâm hồn và đất nước Tây Nguyên-Trung Việt” cũng là số tạp chí cuối cùng được phát hành, lúc đó hai miền Trung và Tây nguyên đã rơi vào tay bộ đội Bắc phương:

*“đi lên tuyến Bắc ngày nắng vàng
đất lồm hổ bom cày mặt lộ
nòng súng giường cao gồm núi xa
lũng thũng rừng tre anh lính bộ
... đi lên tuyến Bắc ngày ngưng bắn
đôi núi trơ, rừng cây cháy đen
căn cứ pháo binh dồn tấc đạn
xa nhà lính thú gõ leng keng
... đi lên tuyến Bắc qua Eo Gió
thăm bạn dãi dầu ải Ngõ Trang
bữa trưa cơm sấy dầm hồ rượu
bạn cười ta suốt đời lang thang
đi lên tuyến Bắc đường gập ghềnh
nhà trống vườn không trời mông mênh
áo trận rách bướm giày há mồm
bạn buồn - ta vốn cũng buồn tênh”-5-1974*

Ngày mai đây, những con én có thể làm nên mùa Xuân trên khắp miền đất nước? Nhà thơ như vẫn tin mỗi con én có thể tạo nên mùa Xuân cho chính mình, nếu nó biết đảm nhận cuộc đời, từng ngày, tồn tại như đang có mặt, nơi đây, hôm nay:

*“Người đã đến bên tôi / sao như mây cuối trời
sóng mù cơn biển động / nước buồn màu biển khơi
mắt buồn như chiều xuống / ta buồn như cuộc đời*

dấu chân ai thăm đến / gió mùa đi lãng du
ta nhìn ta xa lạ / ta nhìn ta mệt mỏi
ta nhìn ta khốn khổ / ta nhìn ta hận thù
ta còn gì để nhớ / ta còn gì đâu em
nổi sầu như trái chín / đêm bóng tối còn đầy
cõi nào ta đến đó / núi xanh mờ bóng mây
chim xa khu rừng vắng / ta không vui trọn ngày
ta không vui một phút / xin ngủ tròn giấc say
Người đã đến bên tôi / sao người không dừng lại
mưa chưa kín đường dài / mưa trên thêm đá cũ
mưa giọt buồn sớm mai / mưa như mưa nước mắt
ta với ta lạc loài / ta với ta tủi nhục
ta với ta trọn đời / ta có gì đâu em?

Người đã đến bên tôi / sao người

còn xa lạ

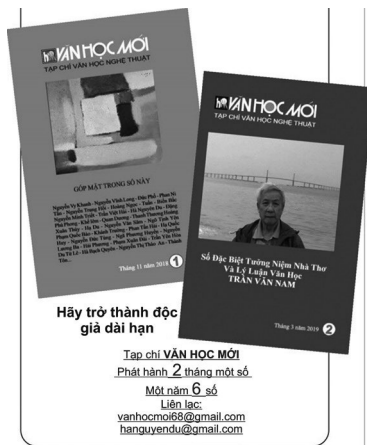
sao chẳng nói một lời / dù một lời nhỏ mọn
có gì trong trái tim / có gì sao chẳng nói
đêm đêm tuổi đời trăm / rêu xanh bờ dốc núi
bóng cây già lặng câm / với cành trơ lá đỏ
với em ta âm thầm / với em nghe mùa gió
ru giấc sâu vắng xa / ru giấc sâu mới lớn
thương ai bỗng lìa nhà / thương đêm còn ngủ lửa
thương mười năm đã qua” (Tôi Nói Với Tôi).

Quê nhà, đồng ruộng là những đề tài có mặt trong thơ Kim Tuấn như những bản khoả, lo lắng và trước khi cuộc chiến kết thúc vào tháng Tư 1975, nhà thơ đã Dặn Con – như tựa một bài thơ. Những dặn dò, ước mong mà đã như những lời tiên tri:

“Sau chiến tranh con nhớ về quê
phá rừng lập rẫy
trồng ngô khoai trên mảnh đất hiền
trồng lúa xanh trên đồng ruộng bỏ
trồng trái thơm trong vườn cỏ hoang
lợp mái tranh trong cội điều tàn
nhớ lượm xương những người đã chết
Sau chiến tranh con nhớ về quê

tay cuốc tay cày / thể tay cầm súng
bỏ những ngày cơ cực gian nan
bỏ phố xưa trở lại xóm làng
cày sâu cuốc bẫm / làm lấy mà ăn
đừng xin ai đồng bạc
đừng thềm làm tôi tớ cho ai
con hãy nhớ yêu núi rộng sông dài
nhớ ta là người không là loài vật
Sau chiến tranh con nhớ về quê
thấp nén nhang cho người đã khuất
lượm mảnh đạn trong vườn
rèn dao rèn cuốc / vỡ đất phá rừng
trồng thêm lúa mới
nhớ xây mồ cho người chết oan
lắp hố bom con nhớ rào làng
con nhớ quên những ngày tủi cực
nhớ ta là dân tộc Việt Nam” (Thơ Kim Tuấn, 1974).

NGUYỄN VY KHANH
Toronto, 15-1-2022



BS. TRẦN VĂN TÍCH

**Khí tiết của sử gia và thái độ
kiểm duyệt sáng suốt**



Sử gia Phạm Văn Sơn (1915-1978), cựu Đại tá trưởng Khối Quân Sử (Nghiên cứu), phòng 5, Bộ Tổng Tham Mưu, Quân lực Việt Nam Cộng Hòa.

(Xin cảm ơn nhị vị Nguyễn Vy Khanh và Lâm Văn Bé đã cung cấp thêm tài liệu để giúp tôi hoàn tất được bài viết này.)

Phần 1.- Giới thiệu tài liệu

Trong bộ Việt sử Toàn thư (Từ Thượng-Cổ đến Hiện-Đại), Tủ Sách Sử Học, ấn bản đầu tiên phát hành theo giấy phép số 951/XB cấp ngày 27-05-1960, Đại Nam in lại ở quốc ngoại, nơi trang 713, cố Đại tá Phạm Văn Sơn viết nguyên văn như sau : “Hơn nữa Pháp-quân đi đâu cũng hãm-hiếp phụ-nữ, cướp của giết người, nên càng khiến nhân-dân căm-hờn, sự cộng-tác của dân-chúng với kháng-chiến vì thế mà thêm chặt-chẽ. Sau này tướng Carpentier và Gambièze cố gỡ các lỗi lầm này bằng các

biện-pháp chính-trị nhưng đã quá muộn.“ Rồi tiếp đến trang 715, cố Đại tá lại viết nhắc lại lần nữa : “Nhưng Pháp-quân đi tới đâu tàn phá đến đâu, gieo căm-thù tang-tóc khắp nơi, Pháp-quân lại là quân xâm-lược thì cũng đủ là kẻ địch của nhân dân rồi...”.

Trong Tập 4 bộ Quân sử Quân lực Việt Nam Cộng Hoà trong giai đoạn hình thành 1946-1955 do Phòng 5 Bộ Tổng Tham Mưu thực hiện, Cơ sở Đại Nam tái bản ở quốc ngoại, nơi trang 61, cột trái, gần cuối trang, sử gia Phạm Văn Sơn lại viết : “Quân Pháp quen đánh dàn trận không quen với lối đánh quấy rối này (của Việt Minh, TVT chú). Họ hành quân mà không tìm thấy địch, khí hậu nóng bức đã khiến lính Pháp thêm nóng nảy, phạm nhiều hành động thất nhân tâm. Một tên lính Pháp nổi nóng có khi cả làng bị đốt, đàn bà con gái bị hiếp.”

Đại tá Phạm Văn Sơn nguyên là Trưởng ban Quân sử thuộc Phòng 5 Bộ Tổng Tham Mưu Quân lực Việt Nam Cộng Hoà. Sau ngày 30.04.75, Đại tá bị tù khổ sai cộng sản và hy sinh ngày 06.12.1978 tại trại K1 Tân Lập, Vĩnh Phú, Bắc Việt. .

Sách Việt sử Toàn thư in lần thứ nhất vào ngày 15.07.1960, nghĩa là thời Đệ Nhất Cộng Hoà.

Sách Quân lực Việt Nam Cộng Hoà trong giai đoạn hình thành cũng do Phòng 5 Bộ Tổng Tham Mưu thực hiện với sự đóng góp của nhiều sĩ quan và nhân viên dân sự. Phần Giới thiệu sách do Đại tá Hoàng Hữu Bân, Trưởng phòng 5 Bộ Tổng Tham Mưu chấp bút tại KBC 4002, ngày 6 tháng 8 năm 1972, nghĩa là thời Đệ Nhị Cộng Hoà. Ngoài ra sách còn liệt kê nhiều cơ quan cung cấp tài liệu quân sử trong số có Trung tâm Khai thác Tài liệu Hỗn hợp. Tên tiếng Anh viết tắt của Trung tâm này là CDEC. Hai năm 1966 và 1967 các chiến lược gia Hoa Kỳ bắt đầu chiến lược phản tấn công và bình định, đồng thời Mỹ cũng can thiệp mạnh mẽ hơn, cung cấp nhiều phương tiện tài chánh và quân sự hơn cho Việt Nam Cộng Hoà. MACV (Military Assistance Command in Vietnam) thiết lập và/hay củng cố bốn cơ sở quân báo hỗn hợp Việt-Mỹ mà bộ phận quan trọng là do phía Mỹ đảm trách : CDEC, Combined Document Exploitation Center, Trung tâm Khai thác Tài liệu Hỗn hợp Việt-Mỹ; CMEC, Combined Material Exploitation Center, Trung tâm Khai thác

Quân dụng Hỗn hợp Việt-Mỹ; CMIC, Combined Military Interrogation Center, Trung tâm Thẩm vấn Hỗn hợp Việt-Mỹ; CICV, Combined Intelligence Center Vietnam, Trung tâm Tình báo Hỗn hợp Việt-Mỹ. Cục Quân y bố trí tôi làm việc ở CMEC, Trung tâm Khai thác Quân dụng Việt-Mỹ, trụ sở bí mật đặt trong phi trường Tân Sơn Nhứt.

Phần 2. Chức năng của sử học và trách nhiệm của sử gia

Cả sử học lẫn văn học đều có cùng một đối tượng là mô tả con người trong cộng đồng. Nhà sử học có lương tâm luôn luôn là người vượt ra khỏi thời cuộc để có cái nhìn bao quát, là người tường thuật trung thực các biến chuyển liên quan đến từng thời đại để lưu lại cho đời. Trước tác lịch sử là trình bày chân lý của những sự kiện lịch sử để làm sáng tỏ các qui luật của lịch sử, khai thác tinh thần của lịch sử. Sử liệu xây dựng trên sự tồn tại của người thật việc thật, năm tháng, tên tuổi nhất nhất đều phải phù hợp với chân lý khoa học, không thể có một điểm hư cấu, một tý bịa đặt. Sử học dẫn thân theo con đường “khởi đi từ hiện thực xã hội hèn mọn nhất, từ ngôi chợ làng quê, từ cửa hàng con phố thị, từ cái quán của người cho vay nặng lãi để mà đi lên, qua từng ‘lớp lang’, từ thời gian địa lý chuyển sang thời gian xã hội” (À partir de la réalité sociale la plus humble, du marché de village, de l'échoppe citadine, de la boutique de l'usurier, à travers les 'plans étagés', du temps géographique au temps social. Pierre de Boisdeffre.- Histoire de la littérature française des années 30 aux années 80).

Thời gian xã hội trong khung thời gian vật lý 1945-1955 ghi nhận sự kiện lịch sử, hiện tượng có thực là quân đội Pháp trong Đoàn quân Viễn chinh, Corps Expéditionnaire, từng phạm nhiều hành động thất nhân tâm, cụ thể là từng hãm hiếp phụ nữ, cướp của giết người, đốt nhà dân chúng. Sử gia Phạm Văn Sơn đã viết như vậy. Viết một cách can đảm, thẳng thắn, cương trực.

Để tựa cho Tập Quân sử 4, vị Đại tá Trưởng phòng 5 Bộ Tổng Tham Mưu nhận xét rằng “Người viết đã viết trên một tinh thần vô tư và đã chứng tỏ thiện tâm trong việc biên khảo.”

Riêng về tình huống Đại tá Phạm Văn Sơn hy sinh trong tù cộng sản, một độc giả ký tên Trường Xuân Phú tử Hồ Quang, đã viết vào ngày 18.05.2010 : “Đại Tá Phạm Văn Sơn tuyệt thực trong nhà kỷ luật, chấp nhận cái chết, vì muốn đòi quyền lợi cho các anh em tù nhân chính trị khác được hưởng đúng theo quy chế của một tù binh theo luật quốc tế, tuy kết quả không như ông mong muốn, nhưng dấu sao cũng làm cho những anh em còn sống được dễ thở hơn...Đại Tá Sơn chịu chết để cho anh em chúng tôi sống...”.

Phần 3.- Chính sách kiểm duyệt sáng suốt ngày trước và thái độ phủ nhận ngày nay



Các tác phẩm của Sử gia Phạm Văn Sơn đều được xuất bản dưới chế độ Việt Nam Cộng Hoà. Dưới chế độ này có thời gian có một Hội đồng Kiểm duyệt. Sách Việt sử Toàn thư ghi rõ ở trang chót là sách xuất bản theo Giấy phép Xuất bản số 951/XB cấp ngày 27.05.1960 của Hội đồng Kiểm duyệt.

Tuy nhiên Hội đồng Kiểm duyệt đã chấp nhận để người viết sử hoàn tất chức năng của mình. Tình trạng nước Pháp giúp đỡ nước Việt Nam trong giai đoạn 1945-1955 thực ra chỉ là với thái độ đế quốc thực dân. Một số trang thuộc bộ Việt sử Toàn thư đã sử dụng trung thực các từ ngữ như vậy (trang 704 : từ “đế quốc”, trang 717 : từ “thực dân”).

Thay vì dùng quyền pháp định để đục bỏ những từ ngữ hay những đoạn văn được xem như bất lợi cho phe quốc gia, Hội đồng Kiểm duyệt đã sáng suốt thừa nhận các đoạn văn và các từ ngữ liên hệ.

Mấy chục năm sau và ở hải ngoại, một số người Việt không có thái độ sáng suốt, hợp lý đó. Trước hết những người

thuộc giai đoạn 1945-1955 sinh ra và trưởng thành trong các vùng đô thị hoàn toàn bác bỏ các hành động thất nhân tâm được qui cho quân đội viễn chinh Pháp. Hơn nữa, họ cho rằng đó là tuyên truyền của cộng sản. Có người nặng lời qui tội cho cố Đại tá Sử gia Phạm Văn Sơn là ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản, còn Hội đồng Kiểm duyệt thì bị kết án là sơ sót, không ngăn chặn hữu hiệu những hành vi tư tưởng trái với quy định của luật pháp. Những người sống trong vùng lãnh thổ rộng lớn ngoài các đô thị hạn hẹp là chứng nhân và họ tường thuật những sự việc, những sự kiện mà họ đã sống trực tiếp qua thu thập kinh nghiệm bản thân. Trong số những sự kiện này có chuyện lính Pháp nhất là lính gốc Châu Phi và lính thuộc đoàn quân Lê Dương hãm hiếp phụ nữ, giết người vô tội, đốt nhà dân chúng còn những người lính gốc Việt Nam thì có thói quen thô phỉ như bắt sống vịt, bắn què gà khi tham gia hành quân gọi là tiểu cộng, chống Việt Minh. Ngay tại thủ đô Hà Nội, ngày Quốc khánh Pháp 14.07 hằng năm là dịp để lính Châu Phi và lính Lê Dương uống rượu say bí tỉ rồi đi lang thang khắp phố phường Hà Nội và công khai công sức tu sĩ đối với phụ nữ đồng hương của chúng ta nhưng không có bất cứ giới chức chính trị hay tổ chức an ninh nào có thái độ đối phó cả. Cũng có người biện bạch rằng chiến tranh là thế, làm sao thoát khỏi thiệt hại cho dân chúng được. Quân đội Mỹ, quân đội Anh v.v.. cũng vậy thôi. Lý luận như vậy là sai lầm bởi vì vấn đề không phải là chấp nhận tội ác chiến tranh nói chung mà vấn đề là có những người Việt Nam phủ nhận tội ác của Corps Expéditionnaire nói riêng. Bài Tựa Tập 4 Quân sử viết : “Còn quân sử, không những chỉ viết riêng về chiến sử mà (còn, TVT thêm) viết chung về cách hoạt động quân sự, nghiên cứu tỉ mỉ, chính xác và nếu viết được đầy đủ sẽ là những kinh nghiệm quý để cho quân nhân thuộc mọi ngành khai thác và thích dụng.”

Kể chấp bút những dòng này đã khai thác quân sử theo tinh thần Tập 4 Quân sử mà tác giả Chủ biên là cố Đại tá Phạm Văn Sơn thuộc Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà

TRẦN VĂN TÍCH



NGUYỄN MINH TRIẾT

Tản mạn về tuổi Dần và một số danh nhân Việt Nam tuổi Dần trong lịch sử

Tuổi Dần là con giáp đứng thứ ba trong 12 con giáp. Dần cầm tinh con cọp, cũng còn được gọi bằng nhiều danh xưng khác nữa như Hổ, Hùm, Ông Ba Mươi, Chúa Sơn Lâm... Hổ được ví như “Chúa Sơn Lâm”, chúa tể của núi rừng, có sức mạnh và hung hãn đối đầu với tất cả kẻ thù. Do đó, không một thế lực nào có thể vượt qua được sức mạnh của hổ. Hổ hay cọp là con vật tượng trưng cho sự quyền uy, mạnh mẽ, nhanh nhẹn và bản lĩnh.

Hổ là động vật có thật và gần như là duy nhất được người ta sánh đôi với rồng - một loài vật hư cấu tượng trưng cho quyền năng của tự nhiên. Hổ là một trong những linh vật có sức mạnh to lớn đứng thứ 2 sau Rồng và thường gắn liền với Rồng như cặp bổ trợ sức mạnh cho nhau. Thời phong kiến ở một số nước phương Đông, Hổ cùng với Rồng là biểu trưng cho vương quyền. Vì vậy, hình ảnh Hổ và Rồng xuất hiện khá phổ biến trong các cung cấm.

Hình tượng hổ cũng thường xuất hiện nhiều trong kiến trúc chùa chiền, đình miếu ở Việt Nam vì người xưa quan niệm, hình tượng hổ trấn giữ cửa vào thì tà ma không dám xâm nhập. Từ rất lâu trong tín ngưỡng dân gian Việt, hổ được coi là con vật linh thiêng, bởi thế mà danh xưng của nó cũng được thần thánh hóa bằng những cái tên như *ngài, ông...* Rất nhiều gia đình có tục thờ *Ông Ba Mươi* như một cách để cầu công danh, mang lại sự may mắn. Tranh Ngũ hổ của dòng tranh

dân gian Hàng Trống đất Thăng Long trở thành dòng tranh thờ nổi tiếng. Hình tượng hổ còn xuất hiện rất nhiều trong các tác phẩm mỹ thuật Việt Nam nổi tiếng khác. Trong một số lãnh vực đặc biệt như lãnh vực quân sự thời hiện đại hình ảnh con hổ cũng được dùng để biểu tượng cho sức mạnh của các đơn vị võ trang, các loại vũ khí...

Trong ngôn ngữ, chữ “Hổ” trong Hán tự có nghĩa là dọa nạt, trong tiếng Việt chữ “hùng hổ” được xuất phát từ ý nghĩa này nên “hùng hổ” ngoài nghĩa hùng hăng, dữ dội còn có ý đe dọa như trong “ra oai hùng hổ”. Trong văn hóa dân gian, câu chuyện về “Hùm thiêng Yên Thế” nhắc chúng ta về lòng yêu nước của Hoàng Hoa Thám. Chuyện “Trí khôn của ta đây” nhắc về câu chuyện trí tuệ chiến thắng sức mạnh. Tục ngữ “Hổ dữ chẳng nở ăn thịt con” nói về tình yêu bao la cha mẹ dành cho con và trong năm mới, ai ai cũng mong muốn con cháu giỏi giang, làm vinh hiển gia đình, đất nước như câu: “Hổ phụ sinh hổ tử”.

Trong lãnh vực phong thủy, hổ cũng hiện diện ở vị thứ ba trong 12 con giáp, và đứng ở phương Đông, cung Dần, góc vuông thứ nhất của môn toán học tử vi. Người tuổi Dần biểu trưng cho những người có bản lãnh, cứng rắn, lạnh lùng, thường thiên về lý trí nhiều hơn tình cảm, tôn trọng lễ phải và rất nghĩa khí. Người tuổi Dần luôn có ý chí phấn đấu mạnh mẽ, họ không bao giờ sợ hãi, khuất phục trước công việc khó khăn nào, càng khó khăn họ càng vươn dậy mạnh mẽ, không bao giờ ngán ngại, lùi bước. Quan điểm của những người này là “khó khăn, nguy hiểm bao nhiêu thì chiến công càng vang dội, hãnh diện bấy nhiêu”. Con giáp này thường bị cuốn hút bởi những thứ quyền lực, địa vị cao sang và quyền quý, họ sẽ không làm những công việc tầm thường, vô ích, không đem lại cho mình tiếng tăm.

Người tuổi Dần cũng có trí nhớ tốt và tinh thần ham học hỏi, điều đó giúp cho họ thu thập được thông tin, kiến thức ở bất kỳ đâu. Với con mắt nhìn xa trông rộng, những người tuổi này có thể nhìn nhận, phân tích vấn đề một cách logic, khoa học. Người tuổi Dần có đặc trưng với khả năng phản ứng nhanh trong nhiều trường hợp khác nhau, vì thế thích hợp để làm lãnh

đạo hoặc người dẫn đầu. Đối với những việc cần quyết định, họ quyết mạnh mẽ, cương nghị, thể hiện tâm thế thẳng thắn, bộc trực và công tâm. Người tuổi Dần cũng được đánh giá là người trung thành, thường xuyên làm đúng chức trách của mình. Trong công việc, họ tập trung, tư duy cao độ, thường không bị tác động bởi ngoại cảnh. Họ coi trọng danh dự và chữ tín của mình, có trách nhiệm với công việc và với mọi người xung quanh. Vì vậy, tuổi Dần thường hay ra tay bảo vệ những con người yếu đuối, khổ cực.

Tuy nhiên, nhược điểm của người tuổi Dần là đôi khi họ hơi nóng tính, bảo thủ, cái tôi cá nhân lớn, cản trở một số cơ hội thăng tiến hay làm mất lòng người khác. Đôi khi, vì quá đề cao lý trí, họ bị cho là lạnh lùng, khó gần, khó tiếp xúc. Tuy nhiên, nếu đã tìm hiểu người tuổi Dần sẽ thấy họ cao thượng, có uy tín, đã nói là làm và luôn tích cực hướng về phía trước. Ngoài ra, người tuổi Dần cũng hay đa nghi, hay dao động, nên đôi khi dễ đưa ra những quyết định vội vàng. Họ dễ xúc động, dễ nổi giận vì nguyên nhân nào đó, mỗi cơn nóng giận đi qua, hậu quả nó để lại không thể lường trước. Cho nên, điều mà những người tuổi Dần phải mất cả đời để học đó là học cách tự kiềm chế bản thân.

Với tất cả những ưu điểm và nhược điểm đó, con hổ hay cọp đã trở thành một biểu tượng trong nền văn hóa cổ phương Đông, tượng trưng cho sức mạnh, uy quyền của vị tướng quân dũng mãnh, can trường, oai phong lẫm liệt hoặc những cá nhân tài năng xuất chúng. Truyện Tam quốc có “Ngũ hổ tướng” gồm Quan Vũ, Trương Phi, Triệu Vân, Mã Siêu, Hoàng Trung đã trở thành đề tài bàn luận hàng mấy thế kỉ chưa dứt. Nguyễn Du trong Truyện Kiều cũng dùng hình tượng hổ để miêu tả Từ Hải với “Râu hùm hàm én, mày ngài” để chỉ tướng mạo uy dũng phi thường của bậc anh hùng hoặc “Trống hùm mở giữa trung quân” để chỉ nơi ở của Từ Hải.

Theo quan niệm của tử vi phương Đông, người

con trai sinh tuổi Dần thường có tư chất thủ lĩnh, tướng mạo oai phong, tính cách nóng nảy, quyết đoán, can trường, kiêu hãnh, đầy đam mê, nhân hậu. Trên thế giới có nhiều danh nhân tuổi Dần xuất chúng, sự nghiệp lẫy lừng như Euclide (Canh Dần, 330-257 tr.CN), Francois Reblais (Giáp Dần, 1494-1553), Tướng Tokugawa Ieyasu (Nhâm Dần, 1542-1616), Hegel Goerg Wilhelm Friedric (Canh Dần, 1770-1831), Karl Mark (Mậu Dần, 1818-1883), Tôn Trung Sơn (Bính Dần, 1866-1925, Tướng De Gaulle (Canh Dần, 1890-1970),... Trong lịch sử Việt Nam cũng không thiếu những danh nhân tuổi Dần thể hiện đúng những tánh cách người tuổi Dần như đã trình bày ở phần trên và họ đã tạo được những ảnh hưởng quyết định tới tiến trình lịch sử Việt Nam mà sau đây là một số tiêu biểu:

1/. **Trần Thủ Độ** sinh năm **Giáp Dần** (1194) là công thần sáng lập triều Trần, là một người quyết đoán lại giỏi ứng biến và nhiều mưu lược, đã thực hiện thành công việc đoạt ngôi vua triều Lý về tay triều Trần bằng việc đạo diễn cho vua Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh để lập nên nhà Trần. Sau đó, Trần Thủ Độ với tài năng chánh trị và quân sự xuất chúng đã trực tiếp lãnh đạo công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước trong những năm đầu thời kỳ triều nhà Trần. Cuộc đời và sự nghiệp của ông gắn liền với nghiệp đế của họ Trần, với quá trình khôi phục và phát triển kinh tế xã hội Việt Nam từ đồng tro tàn của triều Lý vào thế kỷ XIII.

Ông không những giỏi về chánh trị mà còn là một người có đầu óc tổ chức, phát triển kinh tế đất nước. Ông đã cho phép chuyển công hữu thành tư hữu bằng việc cho phép người dân được mua ruộng để tự canh tác. Ông không chỉ bán ruộng cho những người nông dân mà ông còn cho củng cố đê điều, đắp đê ngăn nước mặn, đào sông khai thông đường thủy, đường bộ. Trần Thủ Độ huy động không chỉ sức dân mà còn lệnh cho binh lính phải tham gia làm thủy lợi. Dưới sự quản lý và chỉ đạo của Trần Thủ Độ, kinh tế Đại Việt đã phát triển mạnh mẽ, việc buôn bán giao lưu bằng đường bộ, đường sông

rất thuận lợi, không những thế ông còn chú trọng mở các thương cảng ven sông, ven biển để đẩy mạnh việc giao thương buôn bán trong nước và ngoài nước.

Không chỉ chú trọng phát triển kinh tế mà ông còn chủ trương phát triển Nho học. Trần Thủ Độ tâu vua cho xây Quốc Tử Giám, đẩy mạnh việc thi cử để tuyển chọn hiền tài cho đất nước. Ông cũng cho soạn bộ *Quốc triều Hình luật* ghi rõ các khung bậc, thể thức của luật hình. Không chỉ là người đề ra các tư tưởng pháp trị, ông còn để lại cho đời sau tấm gương về tính thẳng thắn, nghiêm túc trong việc thi hành luật. Đối với ông, luật pháp không phân biệt giàu nghèo, sang hèn, bất cứ ai, dù là đối tượng nào, ở vị trí nào đi chăng nữa, nếu vi phạm luật pháp đều bị xử lý theo đúng quốc luật đã ban hành.

Năm 1234 ông được thăng tới Thống quốc Thái sư (Tể tướng), trở thành trụ cột của triều Trần. Khi giặc Nguyên xâm lược Đại Việt lần thứ nhất, ông là linh hồn của cuộc kháng chiến với câu nói bất hủ, khảng khái, thể hiện ý chí của một hình tượng Trần Thủ Độ anh hùng, bất khuất, tài năng, quả cảm: *“Đầu thần chưa rơi, xin bệ hạ đừng lo”*. Đánh giá về Trần Thủ Độ xưa nay vẫn có nhiều cách nhìn nhận khác nhau; nhưng không thể phủ nhận được công lao to lớn của ông với Vương triều Trần và nhà nước Đại Việt.

2/. **Vua Trần Thái Tông** tức **Trần Cảnh** sinh năm **Mậu Dần** (1218) là vị vua đầu tiên của nhà Trần, tên thật là Trần Bồ, sau đổi thành Trần Cảnh. Ông trị vì từ năm 1226 tới năm 1258, sau đó làm Thái thượng hoàng cho đến khi qua đời.

Ông là người nhân hậu, thông minh, bản lĩnh, lúc lên 8 tuổi ông được người chú họ là Điện tiền Chỉ huy sứ Trần Thủ Độ lúc đó đang cai quản lực lượng cấm vệ hoàng cung tiến cử ông vào hầu hạ cho nữ hoàng nhỏ Lý Chiêu Hoàng trạc tuổi ông. Đầu năm 1226, Trần Thủ Độ dàn xếp hôn nhân giữa Lý Chiêu Hoàng với Trần Cảnh rồi ép Chiêu Hoàng nhường

ngôi cho chồng là Trần Cảnh, tức vua Trần Thái Tông.

Tần vương phong Trần Thủ Độ làm Thái sư, và Chiêu Hoàng làm Chiêu Thánh Hoàng hậu. Năm hai mươi tuổi, vì không sinh được dòng dõi kế nghiệp cho nhà Trần, Trần Thái Tông bị Trần Thủ Độ buộc vào thế phải phế Chiêu Hoàng xuống làm công chúa, và lấy vợ của anh trai Trần Liễu là Thuận Thiên khi ấy đang có thai với Trần Liễu 3 tháng lên thay. Việc này đã khiến Trần Liễu làm loạn nhưng cuối cùng bị thất thế, Trần Thủ Độ muốn thủ tiêu Trần Liễu nhưng Thái Tông can thiệp, tha chết cho anh mình.

Vốn là con người nhân hậu, người con trai hai mươi tuổi ấy đã phản đối kịch liệt vì ý thức được những chuyện thị phi trong triều đình, cũng như biết rõ chánh tà và luân thường đạo lý. Thế nhưng, rơi vào cái thế, quyền hành vẫn còn nằm hết trong tay Thái sư Thủ Độ, Trần Thái Tông có muốn làm khác cũng không được. Cuối cùng, khi không thể chịu nổi sự bất lực, đau khổ, vua Trần Thái Tông đã quyết bỏ ngai vàng, lên núi Yên Tử, tìm về cửa Phật. Thế nhưng, sanh vào đúng thời nghiệp đế vương không thể thay thế được, vua đành phải xuống núi, miễn cưỡng trở về mà tiếp tục ngôi vua.

Dưới triều đại của ông, cùng với Thái sư Trần Thủ Độ, vua Trần Thái Tông đã tiến hành cải tổ mọi lãnh vực chánh trị, kinh tế, quân sự, văn hoá, tôn giáo, luật pháp, hành chánh, đồng thời khuyến khích nông, thương nghiệp và phát triển nền giáo dục Tam giáo đồng nguyên. Ông cũng cải tiến quân đội trở thành hùng mạnh để bảo vệ bờ cõi, ngăn chặn quân Chiêm Thành cướp phá vùng biên cương phía Nam. Trong thời gian đó, trên phía bắc Đại Việt, dân tộc Mông Cổ cũng đã trỗi dậy thành một đế quốc quân sự rộng lớn. Năm 1258, tướng Mông Cổ đem quân tấn công Đại Việt. Vua Trần Thái Tông đích thân tham gia chỉ huy nhiều trận, có mặt cả ở mọi nơi nguy hiểm, khiến quân sĩ đều nức lòng chiến đấu. Kết quả, quân dân ta đã đánh tan quân xâm lược, giặc Mông Cổ tháo chạy về Tàu. Lãnh đạo toàn dân chiến thắng được đội quân hùng mạnh nhứt thế giới này, vua

thật sự xứng danh là một vị Vua Anh hùng.

Không lâu sau chiến thắng, ông nhường ngôi cho Thái tử Hoảng, tức vua Trần Thánh Tông, và được tôn làm *Hiển Nghiêu Thái Thượng Hoàng Đế*. Tuy vậy, Thượng hoàng vẫn có ảnh hưởng lớn đến việc triều chánh cho đến khi mất năm 1277.

Kể từ ngày nhường ngôi cho con, ông dành thì giờ để chuyên tâm về Phật pháp, sống đúng với tư chất của con nhà thiền, trở về thật với tâm nguyện và con người vốn xưa của Trần Thái Tông. Từ hồi còn rất nhỏ đã say mê Phật pháp, và đặc biệt từ nỗi khổ đau, bất lực và dằn vặt nội tâm sau những thị phi do Trần Thủ Độ sắp đặt, chí xuất gia trong Trần Thái Tông đã đi đến quyết tâm. Cho nên, khi lui về làm Thái Thượng Hoàng, Trần Thái Tông dành hết tâm huyết cho việc nghiên cứu Phật pháp, trở thành một trong những cư sĩ uyên thâm trác việt bậc nhất trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, có ảnh hưởng rất lớn đối với sự ra đời thiền phái Trúc Lâm Yên tử, giáo hội thống nhất đầu tiên của đạo Phật tại Việt Nam – vào cuối thế kỷ XIII.

Không chỉ là vị Vua anh hùng, Trần Thái Tông còn là nhà văn xuất sắc. Ông đã để lại một số tác phẩm văn học giá trị về pháp chế và giáo dục. Về thiền học, Trần Thái Tông còn là một Thiền sư có tầm cỡ, để lại nhiều tác phẩm Phật học có giá trị lớn, khoáng đạt khí chất nhà thiền, như *Thiền Tông Chỉ Nam*, *Kim Cương Tam-muội Kinh Chú Giải*, *Lục Thời Sám Hối Khoa Nghi*, *Bình Đẳng Lễ Sám Văn*, *Khóa Hư Lục*, *Thi Tập*.

Vua Trần Thái Tông qua đời vào năm 1277, thọ 59 tuổi. Ông quả thật là một vị Minh Quân và cũng là người Phật tử thuần thành thâm chứng Phật đạo.

3/. Thiền sư Tuệ Trung Thượng Sĩ sinh năm **Canh Dần (1230)**, tên thật là Trần Tung (hay Trần Quốc Tung), là con trưởng của An Sinh Vương Trần Liễu, anh ruột của Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn. Ông là một nhà quân sự, một thiền sư Phật giáo Đại thừa đời Trần.

Ông từng cầm quân 2 lần đánh bại Nguyên-Mông xâm lược Đại Việt năm 1285 và 1287. Sau khi kháng chiến thành công, ông được phong chức Tiết độ sứ cai quản phủ Thái Bình. Nhưng không lâu sau ông xin thoái chức và lui về ấp Tịnh Bang lập Dưỡng Chân trang để tu học Pháp Thiền. Thời trẻ, ông không thích công danh, chỉ ham nghiên cứu về Thiền. Sau, ông học đạo với thiền sư Tiêu Dao, vừa thực hành giải thoát tâm trong đời sống gia đình theo hình thức cư sĩ, vừa đảm trách các công việc xã hội mà triều đình giao phó. Do đó, ông nhận rõ chân tánh cuộc đời và chọn lối sống hòa ái, tự tại. Tư tưởng chánh của Tuệ Trung Thượng sĩ thể hiện qua lời đáp dành cho câu hỏi tông chỉ thiền là gì của vua Trần Nhân Tông: *“Hãy quay về tự thân mà tìm lấy tông chỉ ấy, không thể đạt được từ ai khác”*

Ông là đạo huynh của vua Trần Thánh Tông, là người hướng dẫn vua Trần Nhân Tông vào cửa Thiền và có nhiều ảnh hưởng đặt nền móng cho sự phát triển Thiền phái Trúc Lâm ở Đại Việt thế kỷ 13 – 14. Nhiều áng thơ-bài kệ do ông sáng tác được tập trung trong *Thượng Sĩ Ngũ Lục* rất nổi tiếng. Ông viên tịch vào năm 1291, thọ 61 tuổi.

4/. **Lê Văn Hưu** sinh năm **Canh Dần (1230)**, Danh sĩ, sử gia thời Trần, quê quán Thanh Hoá. Nổi tiếng uyên thâm và giàu chí tiến thủ, đỗ Bảng nhãn (sau Trạng Nguyên) khi mới 17 tuổi. Sau khi thi đỗ, ông được giữ chức Kiểm pháp quan trông coi hình luật rồi thăng lên làm Thượng thư Bộ Binh (tương đương Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thời nay). Ở chức vụ cao nhất trong quân đội này lúc đó, chắc chắn Lê Văn Hưu có nhiều đóng góp cho quân đội trong hai cuộc chiến chống quân Nguyên Mông, nhất là trong cuộc chiến lần thứ nhất mà ông góp phần lãnh đạo.

Đến đời Trần Thánh Tông, ông được sung chức Học sĩ Viện Hàn lâm kiêm Giám tu viện Quốc sử, đảm trách biên soạn bộ *Đại Việt sử ký* đồ sộ. Việc cho biên soạn Đại Việt sử ký cho thấy nhà Trần rất chú trọng đến việc ghi chép lịch sử, thể hiện ý thức sâu sắc của vương triều đối với sự phát triển lịch sử

văn hóa nước ta. *Đại Việt Sử ký* là bộ quốc sử đầu tiên của nước ta ghi lại những việc cốt yếu trong một thời gian lịch sử dài gần 15 thế kỷ, từ thời Triệu Đà tức từ năm 136 trước Công nguyên đến thời Lý Chiêu Hoàng năm 1225, tất cả gồm 30 quyển. Khi hoàn thành vào năm 1272 Lê Văn Hưu được vua Trần Thánh Tông xuống chiếu ban khen. Ngoài việc soạn bộ sử, ông cũng là thầy học của nhiều hoàng thân, tướng lĩnh nhà Trần trong đó có Thượng tướng Trần Quang Khải, một trong những danh tướng của cuộc chiến chống Nguyên Mông.

Từ bộ Quốc sử đầu tiên này, các sử quan ở các triều đại sau đã biên soạn lại và bổ sung những giai đoạn lịch sử tiếp theo. Năm 1455, đời vua Lê Nhân Tông (1278 - 1293), sử quan Phan Phu Tiên được vua giao cho biên soạn *Đại Việt sử ký tục biên*, ghi chép sự việc từ đời Trần Thái Tông (mở đầu nhà Trần - năm 1218) đến Lê Lợi chiến thắng quân Minh phải rút về nước (năm 1427) gồm 10 quyển, tức viết nối tiếp *Đại Việt sử ký* của Lê Văn Hưu đời Trần.

Hai bộ sách này nay đã thất truyền nhưng nhờ đó mà hai trăm năm mươi năm sau đời vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497), vào năm 1479, vua sai sử quan Ngô Sĩ Liên tu soạn “*Đại Việt Sử ký toàn thư*”. Sử gia Ngô Sĩ Liên đã dựa vào hai bộ sử của Lê Văn Hưu và Phan Phu Tiên, tức “lấy hai bộ sách của tiên hiền ra, hiệu chỉnh, biên soạn” thành bộ *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, và thêm vào một quyển “ngoại kỷ” và “Tam triều bản kỷ” (gồm 3 triều: Lê Thái Tổ (1428 – 1433), Lê Thái Tông (1433 - 1442); Lê Nhân Tông, (1442 - 1459); tất cả gom thành 15 quyển, hoàn thành vào năm 1479 dưới thời Lê Thánh Tông. Trong bài tựa tác phẩm *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, Ngô Sĩ Liên viết: “*Lê Văn Hưu là người chép sử giỏi đời Trần, Phan Phu Tiên là bậc cổ lão của Thánh triều ta, đều vâng chiếu biên soạn lịch sử nước nhà...Ta không tự nghĩ sức học kém cỏi, lấy hai bộ sách của các bậc tiên hiền làm trước đây sửa sang lại, thêm vào một quyển “Ngoại kỷ” gồm một số quyển gọi là “Đại Việt Sử ký toàn thư”.*

Qua đó có thể kết luận, dù nước ta có lịch sử mấy ngàn năm, nhưng để biên chép lại, thống nhất lại trong một bộ quốc sử thì phải tới thời Trần mới có. Và nhà sử học đầu tiên biên soạn quốc sử chánh thống là Bảng nhãn Lê Văn Hưu.

5/. Ngô Thì Nhậm sinh năm **Bính Dần (1746)**, còn gọi là Ngô Thời Nhiệm, là danh sĩ, nhà văn thời Lê mạt và Tây Sơn, người có công lớn trong việc giúp triều Tây Sơn đánh lui quân Thanh. Ông xuất thân gia đình vọng tộc chốn Bắc Hà, là con Ngô Thì Sĩ, quê ở Thanh Oai-Hà Tây, truyền thống gia đình văn học và tư chất thông minh, tài trí hơn người. Năm mười một tuổi, cậu bé Nhậm xin cha cho mình lấy cái tên là “Nhậm” thay cho cái tên “Phó” mà cậu mang từ lúc mới lọt lòng. Nhậm nghĩa là nhận lấy nhiệm vụ, là gánh vác việc đời. Bên cạnh chí hướng đó, Nhậm còn có một niềm say mê nghiên cứu không lúc nào giảm sút. Lúc mười sáu tuổi, Nhậm đã hoàn thành bộ *Việt sử toát yếu*, rồi mấy năm sau, liên tiếp cho ra đời các bộ *Tứ gia thuyết phả*, *Hải đông chí lược*, v.v... Danh tiếng của Nhậm sớm đã lừng lẫy khắp nơi.

Năm 1768, ông thi đỗ Giải nguyên, rồi năm 1775 lấy Tiến sĩ tam giáp. Sau khi đỗ đạt, ông được bổ làm quan ở bộ Hộ dưới triều Lê - Trịnh, được chúa Trịnh Sâm rất quý mến. Năm 1778 làm Đốc đồng Kinh Bắc và Thái Nguyên. Không phụ lòng tin yêu của Trịnh vương, Ngô Thì Nhậm dâng nhiều kế sách hay trong đạo trị nước, trong đó có các bài biểu nổi tiếng như Giáo nghị, Pháp nghị và Chính nghị. Tuy nhiên, do triều đại Lê - Trịnh đang ở vào thời suy vi, nên dù rất khen kế sách của ông, Trịnh Sâm cũng không thể áp dụng nó vào thực tế.

Với tư tưởng lấy trung làm đầu, khi Nguyễn Huệ mang quân ra đất Bắc lần thứ nhất, Ngô Thì Nhậm đã từng gọi Nguyễn Huệ là giặc, từ bỏ đất kinh kỳ đi “*lánh nạn*”, không hợp tác. Nhưng khi Nguyễn Huệ ra Bắc lần thứ hai năm 1788, xuống lệnh “cầu hiền” tìm kiếm quan lại của triều cũ, danh sĩ Bắc Hà mới ra đầu quân cho nhà Tây Sơn, mới chỉ có một ít

người như Trần Văn Kỉ, Ngô Văn Sở và Đặng Tiến Đông. Tới thời điểm này cả vua Lê lẫn chúa Trịnh đều đã sụp đổ. Năm 1788, khi Nguyễn Huệ ra Bắc lần hai, xuống lệnh “Cầu Hiền” lần nữa Ngô Thì Nhậm cùng nhiều danh sĩ Bắc Hà khác trong đó có Phan Huy Ích, Bùi Dương Lịch; các tiến sĩ Ninh Tồn, Nguyễn Thế Lịch, Nguyễn Bá Lan; Đoàn Nguyễn Tuấn (anh rể Nguyễn Du); Nguyễn Huy Lượng... đã ra đầu quân cho nhà Tây Sơn. Khi được Ngô Thì Nhậm giúp sức, Nguyễn Huệ rất mừng và phong cho ông chức Tả thị lang bộ Lại, sau lại thăng làm Thượng thư bộ Lại - chức vụ cao cấp nhất trong Lục bộ. Lúc đó, Ngô Thì Nhậm đã nhận được lòng tín nhiệm tuyệt đối của Nguyễn Huệ. Trước khi về lại Phú Xuân, Nguyễn Huệ giao cho ông cùng Ngô Văn Sở, Nguyễn Văn Dũng, Trần Thuận Ngôn cai quản toàn bộ mười một trấn Bắc Hà.

Cuối năm Mậu Thân (1788) do vua Lê Chiêu Thống cầu viện, 29 vạn quân Thanh kéo sang Đại Việt, với chiêu bài diệt Tây Sơn dựng lại nhà Lê. Ngô Thì Nhậm đề xuất kế lui binh về giữ phòng tuyến Tam Điệp - Biện Sơn (Ninh Bình) góp phần làm nên chiến thắng của nhà Tây Sơn.

Năm 1790, vua Quang Trung đã giao cho Ngô Thì Nhậm giữ chức Binh bộ thượng thư. Tuy làm ở bộ Binh, nhưng Ngô Thì Nhậm chánh là người chủ trì về các chánh sách và giao dịch ngoại giao với Trung Hoa. Ông là người đứng đầu một trong những sứ bộ ngoại giao sang Trung Hoa.

Năm 1790, Nguyễn Huệ mất, nhà Tây Sơn suy sụp rất nhanh vì nội bộ chia rẽ, giết hại lẫn nhau, cuối cùng bị Nguyễn ánh tiêu diệt. Ông lui về nghiên cứu Phật học nhưng ông và một số quan viên triều Tây Sơn như Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân... vẫn bị bắt giải về Hà Nội để bị xử phạt đánh bằng roi đến chết tại Văn Miếu Quốc Tử Giám. Đó là ngày mồng 9 tháng 3 năm 1803, ông vừa tròn 57 tuổi.

6/. Công chúa Lê Ngọc Hân, sinh năm **Canh Dần** (1770). Bà là con vua Lê Hiển Tông, mẹ là Chiêu nghi Nguyễn

Thị Huyền, chưa đầy 10 tuổi, công chúa chẳng những đã giỏi cầm, kỳ, thi, họa mà còn thuộc lầu kinh điển, thông thạo âm luật, giỏi thơ văn cả Hán lẫn Nôm. Càng lớn, công chúa càng xinh đẹp, nét na, duyên dáng, đức hạnh, được tiếng thơm khắp hoàng cung.

Năm 1786, tướng nhà Tây Sơn là Nguyễn Huệ ra Bắc với ý muốn “phù Lê diệt Trịnh. Diệt xong họ Trịnh, Nguyễn Huệ tới yết kiến vua Lê Hiển Tông. Do sự mai mối của tướng Bắc Hà vào hàng Tây Sơn là Nguyễn Hữu Chỉnh, Ngọc Hân vâng mệnh thành hôn cùng Nguyễn Huệ. Khi đó bà mới 16 tuổi, còn Nguyễn Huệ đã 33 tuổi và có chánh thất là Phạm Thị Liên.

Năm 1788, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế trước khi ra Bắc để diệt quân Thanh, lấy niên hiệu Quang Trung, phong Ngọc Hân làm Hữu cung Hoàng hậu do chánh thất Phạm thị đã được phong làm Chánh cung Hoàng hậu. Năm sau 1789, sau khi đại thắng quân Thanh, Nguyễn Huệ lại phong bà làm Bắc cung Hoàng hậu. Bà có hai con với Nguyễn Huệ là Công chúa Nguyễn Thị Ngọc Bảo và Hoàng tử Nguyễn Quang Đức

Cuộc hôn nhân giữa Nguyễn Huệ và Ngọc Hân công chúa ban đầu là từ ý đồ chánh trị nhưng sau một thời gian sống cùng nhau, Ngọc Hân đã chinh phục hoàn toàn người đàn ông dũng mãnh. Nguyễn Huệ vô cùng tôn trọng, nâng niu Ngọc Hân và luôn hỏi ý kiến bà về những ứng xử cần thiết với triều đình nhà Lê. Thế nhưng, cuộc sống hôn nhân của Ngọc Hân công chúa và hoàng đế Quang Trung chỉ kéo dài trong 6 năm. Năm 1792, Quang Trung đột ngột băng hà, bà sống trong nhung nhớ đến héo mòn nên cũng chỉ sau đó 7 năm tức năm 1799 bà qua đời khi mới 29 tuổi.

Tác phẩm văn học của bà có bài “*Ai tư vãn*” bằng quốc âm dài 164 câu song thất lục bát để khóc chồng, lời lẽ lâm ly bi thiết. Đây là tiếng nói chân tình của Lê Ngọc Hân đối với người chồng anh hùng dân tộc Quang Trung-Nguyễn Huệ.

7/. Phan Huy Chú sinh năm **Nhâm Dần (1782)** là nhà thơ - nhà bác học thế kỷ XIX, tự là Lâm Khanh hiệu Mai

Phong, người làng Thụy Khê, tỉnh Hà Tây. Ông xuất thân trong gia đình có truyền thống khoa bảng, là con trai thứ ba của Lễ bộ Thượng thư, tiến sĩ Phan Huy Ích. Ông nội là tiến sĩ Phan Huy Cận, ông ngoại là Ngô Thì Sĩ, cha là Phan Huy Ích, bố vợ là Nguyễn Thế Lịch, bác là Ngô Thì Nhậm, chú là Phan Huy Ôn, anh là Phan Huy Thực.

Ông được cha mẹ nuôi dạy chu đáo, lại từng được Ngô Thì Nhậm (cậu ruột) rèn dạy từ lúc 6 tuổi;https://vi.wikipedia.org/wiki/Phan_Huy_Ch%C3%BA#cite_note-6 hiếu học, giỏi ứng đối, nổi tiếng hay chữ từ nhỏ, nhưng hai lần thi Hương (Đinh Mão 1807 và Kỷ Mão 1819) ông chỉ đỗ Tú tài. Kể từ đó, ông thôi việc thi cử, chỉ chuyên tâm vào việc nghiên cứu và trước tác. Tác động của dòng dõi tài danh, hiếu học và những quan hệ trí tuệ đã ảnh hưởng rất lớn đến tinh thần, tính cách của Phan Huy Chú. Tất cả những yếu tố đó đã làm Phan Huy Chú thành một nhà bác học, danh nhân văn hóa Việt Nam, với tài danh lỗi lạc về bách khoa thư.

Bộ sách *Lịch triều Hiến chương loại chí*, gồm 49 quyển với 10 năm biên soạn là công trình biên khảo đồ sộ ông soạn xong năm 1821 được coi như bộ bách khoa toàn thư đầu tiên ở Việt Nam. Ngoài ra, ông còn biên soạn các cuốn sách khác như: *Hoàng Việt dư địa chí*, ghi chép về địa lý Việt Nam, *Hoa thiếu ngâm lục*, tập thơ đi sứ sang Trung Hoa, *Hải trình chí lược*, hay còn gọi là Dương trình ký kiến, ghi chép những điều trông thấy lúc đi Batavia-Indonesia, và *Hoa trình tục ngâm*.

Về quan trường, vua Minh Mạng biết tiếng ông hiếu học hay chữ và giỏi ứng đối nên năm 1821, triệu ông vào kinh cho làm Biên tu ở Viện Hàn lâm. Năm 1825, ông được sung làm Phó sứ sang Trung Hoa. Khi về, được làm Phủ thừa phủ Thừa Thiên, rồi thăng Hiệp trấn Quảng Nam (1829). Ít lâu sau, ông bị giáng vì phạm lỗi, được điều động về Huế giữ chức Thị độc ở Viện Hàn lâm.

Năm 1831, Phan Huy Chú lại được sung làm Phó sứ sang nhà Thanh (Trung Hoa). Nhưng khi về nước, thì cả đoàn sứ bộ đều bị giáng chức vì tội “lộng quyền”, riêng ông bị cách chức. Năm sau (1832), ông bị cho làm phục dịch trong phái bộ sang Batavia, Indonesia để lập công chuộc tội. Trở về (1834), ông được bổ làm Tư vụ bộ Công. Sau đó, vì chán chốn quan trường, ông cáo bệnh xin về hưu làm nghề dạy học và soạn sách cho đến khi mất vào năm 1840, thọ 58 tuổi.

8/. Đỗ Thúc Tịnh sinh năm **Mậu Dần (1818)** danh tướng nhà Nguyễn, mưu lược, dũng cảm, văn võ song toàn, quê Quảng Nam. Cha Đỗ Thúc Tịnh là ông Đỗ Như Tùng, tự là Mậu Hiên, đỗ Tú tài, được bổ làm Tri huyện An Định; mẹ ông là bà Đinh Thị Thoại. Tuy cha làm quan nhưng nhà ông Tịnh vẫn thuộc diện nghèo. Dù vậy ông vẫn rất chăm học.

Năm 1846 thời Thiệu Trị ông thi đỗ Cử nhân và năm 1848 dưới thời Tự Đức ông thi đỗ Tiến sĩ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân, Đệ tứ danh, và được bổ làm Biên tu. Năm 1850 ông được cử làm Thự Tri phủ Thiệu Hóa (Thanh Hóa), nhưng chỉ mấy tháng sau ông xin về vì mẹ ốm nặng. Mẹ mất, ông ở nhà thọ tang ba năm.

Năm 1853 Đỗ Thúc Tịnh được bổ làm Tri phủ Diên Khánh (Khánh Hòa). Khi đến nhậm chức, thấy đất Diên Khánh bỏ hoang khô cằn, lại thêm nạn cọp thường quấy hại ông bèn tìm mọi cách mộ dân phiêu dạt đến khẩn hoang, tổ chức lại đời sống và sản xuất, bày kế bẫy cọp, sửa sang đường sá, cấp công cụ, trâu bò, mở rộng khai hoang, mộ dân lập ấp. Dân Diên Khánh được hưởng ân đức ấy, đương thời người ta gọi ông là “Đỗ phụ” (người cha họ Đỗ).

Năm 1854 có chỉ triệu ông về kinh làm Giám sát Ngự sử, nhưng vì dân làm đơn xin lưu lại, nên nhà vua đổi ông sang hàm Thự Thị độc, cho giữ chức vụ cũ. Năm 1855, lại có chiếu bổ ông làm Viên ngoại lang bộ Binh, nhưng lần này quan

tỉnh thấy việc mộ dân lập ấp đã sắp xong, xin cho lưu lại làm nốt. Khi việc xong, quan tỉnh tâu lên, ông được thăng chức Hồng lô Tự khanh. Năm 1856, ông được thăng chức Án sát tỉnh Khánh Hòa, đến năm 1858 lại được thăng bổ Bố chính. Cùng năm, được cử làm Phó chủ khảo Trường thi Hương Gia Định. Năm 1860, triều đình đưa Đỗ Thúc Tịnh về kinh, giữ chức Biện lý bộ Binh, năm sau thăng Hữu Thị lang.

Sau khi Pháp chiếm 3 tỉnh miền đông Nam Kỳ, ông tâu xin nhà vua cho ông vào Nam và được bổ nhiệm làm Khâm sai Quân vụ với nhiều quyền hạn trong việc tổ chức kháng Pháp. Tại đây, ông hiệu triệu và chiêu mộ quân binh. Chỉ trong vòng vài tháng số người quy tụ lên đến hàng ngàn. Ông tổ chức quân thành thành đội ngũ, mua sắm chiến liệu... và lãnh đạo quân dân đoàn kết chống giặc, lập được nhiều trận thắng. Song song, ông kết nối và trợ giúp đắc lực các phong trào kháng chiến của Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Võ Duy Dương... để cùng quân triều đình chống quân Pháp, trong đó xuất sắc nhất là chiến công đốt cháy tàu chiến *Esperance* của Pháp tại vòm Nhật Tảo năm 1861.

Đang khi đang tập trung sức cho việc đánh đuổi giặc Pháp, thỉnh linh ông lâm bệnh và mất ngày 26 tháng giêng năm Nhâm Tuất (1862) tại quân thú Vĩnh Long, lúc mới 45 tuổi. Vua Tự Đức tỏ lòng thương tiếc và truy tặng ông hàm Tuấn vũ và đưa ông về an táng ở Quảng Nam. Cuộc đời làm quan của Tuấn phủ Đỗ Thúc Tịnh chỉ vồn vện hơn 10 năm nhưng Ông được mến trọng, cảm phục bởi có công lớn trong khai hoang lập ấp tại các tỉnh miền Nam và những chiến tích trong việc chống Pháp.

9/. Nguyễn Nhược Thị Bích sinh năm **Canh dần** (1830) là nữ học sĩ thời Nguyễn, quê Ninh Thuận, là con gái thứ 4 của ông Nguyễn Nhược Sơn, nguyên là Bố chánh tỉnh Thanh Hóa và bà Thục nhân họ Nguyễn.

Nhờ tư chất thông minh lại vừa xinh đẹp và được

đi học từ nhỏ nên Nguyễn Nhược thị sớm nổi tiếng văn chương. Lại thêm được Phụ chính đại thần Lâm Duy Nghĩa tiến cử, năm 18 tuổi bà được tuyển vào cung. Bà được vua Tự Đức mến mộ nên cho sung chức Thượng nghị Viện sử để dạy học trong cung. Sau đó, bà lần lượt được phong Cửu giai Tài nhân, Bát giai Mỹ nhân, rồi Thất giai Quý nhân. Năm 1868, bà được tấn phong là Lục giai Tiệp dư. Trong thời gian này, bà được cử làm thầy dạy cho Đồng Khánh khi ông chưa lên ngôi. Vua Tự Đức rất tin cậy bà nên thường cho cùng đi trong những buổi vua đến vấn an và trao đổi riêng với mẹ là Thái Hậu Từ Dũ về công việc trong triều, trong hoàng tộc và cả những diễn biến của tình hình đất nước, nên một thời gian sau, Tiệp dư Nguyễn Nhược thị trở thành Bí thư cho Thái hậu Từ Dũ, nhờ vậy bà biết được nhiều điều trao đổi giữa Thái hậu và vua Tự Đức. Sau khi vua Tự Đức qua đời (1883) mọi ý chỉ, sắc dụ của Lương Tôn cung (chỉ Hoàng Thái hậu Từ Dũ và Chánh phi Trang Ý) đều do một tay bà soạn thảo.

Từ năm 1868, bà Tiệp dư Nguyễn Nhược thị, phụ trách dạy các hoàng tử, trong đó có 3 người sau này trở thành vua là: Kiến Phúc, Hàm Nghi, Đồng Khánh. Năm 1892, bà được Thái hoàng thái hậu Từ Dũ tấn phong làm Tam giai Lễ tấn đứng thứ ba trong hậu cung, lại được lương cung thái hậu yêu chiều.

Năm 1909, bà qua đời tại Huế thọ 79 tuổi. Bà để lại một số bài thơ chữ Hán và tác phẩm Hạnh thực ca danh tiếng, gồm 1036 câu thơ lục bát mượn tích truyện vua Đường Huyền Tông ở Trung Quốc bỏ kinh đô, chạy vào đất Thục để tránh loạn An Lộc Sơn mà qua đó nói về tình hình đất nước với những biến cố từ khi quân Pháp đánh chiếm Việt Nam cho đến khi Thành Thái lên ngôi vua, qua đó nói về tình hình đất nước. Đây là một tác phẩm có giá trị lớn về sử liệu và văn học.

NGUYỄN MINH TRIẾT

12/2021

Nguồn: Internet

TRẦN DANH THÙY

‘một thoáng’ VĨNH KHUÊ



Năm học 1982-1983, tôi được Sở Giáo dục TP.HCM điều động từ trường Phổ thông Cấp 3 (bây giờ là trường Trung học phổ thông) Nguyễn Trãi - ngôi trường tôi đã ‘mài đũa quần’, ‘ngồi dưới ngó lên’ suốt 7 năm trung học trước khi trở về làm cái việc ‘gõ đầu trẻ’, ‘đứng trên nhìn xuống’ - đến Phòng Giáo dục Quận 4 (PGD Q4). Tại đây, tôi hân hạnh gặp anh **Nguyễn Phước Vĩnh Khuê**, thường được anh em đồng nghiệp gọi là **Vĩnh Khuê**, làm việc như một trong những chánh văn phòng của đơn vị này (**chánh văn phòng** có nghĩa là người đứng đầu một văn phòng của một đơn vị có nhiều văn phòng, chứ không phải là **trưởng phòng** là người đứng đầu của PGD Q4), người mà sau đó, tôi biết chính là nhà thơ **Kim Tuấn**, tác giả hai bài-thơ-năm-chữ rất hay là “**Nụ hoa vàng ngày xuân**” và “**Kỷ niệm**” đã được hai nhạc sĩ nổi tiếng **Nguyễn Hiền** và **Y Vân** phổ thành hai bản nhạc “**Anh cho em mùa xuân**” và “**Những bước chân âm thầm**” khiến cho hai bài thơ trở nên nổi tiếng. Và ngược lại, hai bài thơ sau khi được phổ nhạc cũng đã khiến cho giới yêu nhạc thêm yêu mến nhạc của hai nhạc sĩ này hơn.

Thực sự thì tuy làm việc với nhau cùng một đơn vị khoảng 4 năm học nhưng tôi rất ít khi có dịp tiếp xúc với anh **Vĩnh Khuê** do công việc của chúng tôi rất khác nhau, thậm chí không liên quan gì với nhau. Thi thoảng, chúng tôi mới gặp nhau

tại văn phòng của đơn vị, hỏi thăm nhau vài ba câu về sức khỏe, công việc... thế thôi. Thậm chí, tôi còn không biết anh từng là quân nhân của Sài Gòn cũ. ☺

Thế nhưng, mỗi khi có dịp gặp **Vĩnh Khuê**, dù là tại bàn làm việc của anh hay ở quán cà phê cóc ngay trước cửa đơn vị của chúng tôi, những ca từ của **Anh cho em mùa xuân (ACEMX)** và **Những bước chân âm thầm (NBCÂT)** lại dậy lên trong lòng người yêu nhạc trong tôi.

Trong số 22 bài thơ được phổ nhạc của **Vĩnh Khuê**, tức **Kim Tuấn** - cùng với **Tiếng thu của Lưu Trọng Lư-Phạm Duy** và **Chiều của Hồ Dzếnh-Dương Thiệu Tước** - đó là hai bài thơ mà giữa thi sĩ sáng tác và nhạc sĩ phổ nhạc, theo tôi, là một trong những kết nối thành công rực rỡ giữa thơ-năm-chữ và tân nhạc Việt vì sự giao thoa giữa thơ và nhạc đã đạt được những đỉnh cao nghệ thuật. Nhạc hóa thơ và thơ hòa nhạc tạo thành một mối giao duyên nghệ thuật tuyệt vời.

Mỗi độ xuân về, trong muôn vàn sắc xuân tươi thắm và tiếng nhạc rộn ràng đón chào năm mới, bên cạnh những thanh âm tươi vui, rộn ràng người yêu nhạc không thể không cảm thấy phấn khích khi nghe khúc nhạc tango :

“Anh cho em mùa xuân
Trẻ nò đùa khắp trời
Niềm yêu đời phơi phới
Bàn tay thơm sữa ngọt
Dải đất hiền chim hót
Mái nhà xinh kề nhau...” (ACEMX)

Hay trong một tâm trạng cô đơn nào đó, lòng ta sẽ trải nghiệm những cảm xúc buồn bã, thối thía khi nghe khúc nhạc chậm buồn:

“Từng bước từng bước thẳm
Khi người yêu không đến
Tuổi xuân buồn lặng câm
Đi trong chiều mưa hoang
Đời biết ai thương mình...” (NBCÂT)

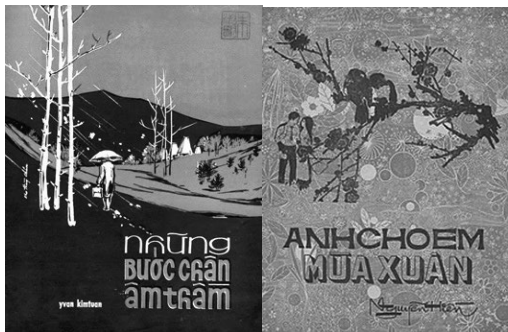
Những cảm xúc buồn vui lẫn lộn khi nghe những ca từ của hai bản nhạc được phổ từ hai bài thơ của **Kim Tuấn** đã trở

thành những tiếng lòng của những tâm hồn lãng mạn mà nhân ái mỗi khi đã được gieo vào tâm hồn người yêu nhạc sẽ còn đọng lại mãi với thời gian.

Năm 2003, khi tôi đang phải lo chuyện ‘cơm áo’ với vài người bạn ngoài thị trường tự do thì nghe tin trẻ *anh Vĩnh Khuê* đã không còn “mùa đông nào nhưng nhớ” và không còn đếm “từng bước từng bước thăm” trên thế gian này.

Hôm nay, được viết bài tưởng niệm anh, lòng tôi lại dậy lên âm hưởng của *Anh cho em mùa xuân* và *Những bước chân âm thầm* đã gợi mở, chan hòa, thăng hoa Nụ hoa vàng ngày xuân và *Kỷ niệm của một nhà-thơ-năm-chữ* đồng hương hiền lành, dễ mến...

Saigon, 10/01/2022 –
TRẦN DANH THÙY





LÂM HẢO DŨNG

Mùa Xuân Trên Cao

Tôi nhớ mùa xuân ấy Biển Hồ
Khí trời tôi thở khí trời thơ
Tôi nghe tôi rất thèm yêu lắm
Dù chỉ vu vơ chỉ hững hờ

Tôi hẹn chờ em ở Suối con
(Cái tên nghe dễ ghét vô cùng)
Ngồi đây ta ngắm trời cao thấp
Mặt sóng lô nhô lượn nổi dòng

Tóc em dài chắc biết tôi thương
Cánh hoa chùm gọi nở bên đường
Giục tôi quay quắt hồn quê cũ
Rồi cũng đau tê biệt núi rừng

Tôi lữ hành ngủ đậu nơi đây
Mai đi về biển một đôi tây
Khi đêm bên thác sâu cây cối
Thèm bát canh rau đắng mẹ gầy

Ôi giữa mùa xuân bên gái xuân
Sao tôi lãng mạn rất đau lòng
Nhà ai khói lượn mà tôi ngỡ
Khói súng rền vang Tết Mậu Thân

Tôi nhớ mùa xuân ấy Biển Hồ

Trong hồn thanh tịnh bóng mây đưa
Một bấy con gái đi giung giẻ
Để tóc ơ hờ kết mộng chưa?

Đất đỏ miền cao in dấu chân
Đời bôn ba mấy cũng yêu lắm
Có khi mưa ướt trên vai áo
Còn ngỡ sương đêm tiếng gọi thầm

Dốc soài đồi cao nắng mới lên
Em duyên dáng mộng để tôi nhìn
Hôm nay ngày hẹn mây và gió
Dừng để trăng buồn mưa giữa xuân

Em ở đầu kia cuộn chỉ thần
Thoáng nghe tàn bạo tiếng thời gian
Chùng đời năm nữa khi rời lính
Tôi sẽ lên rừng sống ẩn thân

Khoảng cách là con tim nhát gan
Cứ chờ cứ ngắm để hoang mang
Hoa trôi còn gửi hương cho nước
Em gửi cho tôi chiếc lá vàng...

Từ ấy xuân sâu trong trí tôi
Cái đời trận mạc cũng xa xôi
Về xuôi ngó lại bàn tay trắng
Chỉ thấy lơ mơ bóng một người

Xe đổ đèo ở dốc Mang Yang
Tìm đâu trong kỷ niệm điêu tàn
Cơm nhà binh ấy nuôi tôi sống
Tình của em cho sưởi ấm lòng...

LÂM HẢO DŨNG

kỷ niệm ngày rời xa Pleiku 1-1974

CHU THỤY NGUYỄN

Môi tháng giêng

1.
cánh đồng người
mưa hạt giống
buồn thất thu

tiếng độc huyền
gieo rỏ mộng
gặt sa mù

họ ở lại
nơi tuyết tự
đàn bướm xanh

tôi dặt tôi
qua đầm lầy
mơ chút gió

những chùm nho
cây dựa tuyết
mộng tươi nguyên

khu phố chiều
màu ký ức
thở mộng du

mùi hầm rượu
mùi tình nhân
môi tháng giêng.

2. Nơi hành hương cho giống loài thiên di.

1.
tươi chút nước
những chùm bông
màu tơ tưởng

2.
người hẹn tuyết
tuyết ơ thờ
chẳng muốn rơi

3.
nhớ tiếng gió
hú bạt đời
thời ngang dọc

4.
em từ tranh
đã bước ra
giữ đời tôi

5.
tiếng chim lạc
dắt tôi về
hiên cổ tích

6.
cành nguyệt quế
bỗng ngát hương
mưa thụ tạo

7.
như đám mây
nơi khí khái
thuở hẹn thề.

Tháng Chạp năm Tân Sửu.
CHU THỤY NGUYỄN

THANH LAN

Chân dung

Em không có dáng dấp như mơ
Không có hồ thu trong đôi mắt
Không có làn môi gầy vương vấn
Không có mái tóc dài như tơ

Em không có giọng nói trong veo
Không có tiếng cười ròn như reo
Ngó tay tháp bút em không có
Tay học đi về, chẳng ai theo

Gia đình em cũng chẳng ung dung
Vén khéo là công mẹ vun trồng
Ba em làm lụng suốt năm tháng
Vất vả lo toan nỗi con đồng.

Không đẹp không giàu chính là em
Nhưng em chẳng lấy thế làm phiền
Cái đẹp cái giàu đâu bền mãi
Một tâm hồn đẹp mới là tiên.

Em muốn sẽ là một bà tiên
Nhân ái bao dung và dịu hiền
Từ trại mồ côi đến bệnh viện
Ánh mắt reo vui đón bước em

Thao Thức

Anh trăng lấp lánh ngoài song cửa
Muốn đến cùng em giữa đêm buồn
Gió xa rồi gió không về nữa
Cành lá nằm im bóng bên tường

Đêm nay cảnh vật như tranh vẽ
Chẳng hề lay động chẳng hề than
Anh trăng vắng vắng mông lung thế
Vỗ về giấc ngủ cho trần gian.

Mai sẽ xa rồi hỡi ánh trăng
Thao thức mình em có biết chăng?
Cho em nhắn gửi lời ly biệt
Dòng song bước bạc sóng lặn tan.

Một thời thơ ấu để nào quê
Về nơi thành phố vụn ánh đèn
Nhớ về quê ngoại, khu vườn cũ
Nhớ ánh trăng thanh đến thăm em.

THANH LAN (ca sĩ)

HOÀI ZIANG DUY



Nhà văn Hoài Ziang Duy
(Ảnh tư liệu tác giả)

Tiểu sử văn học: HOÀI ZIANG DUY

Nhà văn nhà thơ, sinh năm 1948 tại Châu Đốc

Khởi viết từ năm 1965 trên các báo Tia Sáng, Ngày Mới, Dân Ta, Sóng Thần, Sống, Tiền Tuyến, các tạp chí Văn Học, Trình Bày.

Cộng tác với: Văn Học, Hợp Lưu, Làng Văn, Văn Tuyến, Thư Quán Bản Thảo, Ca Dao, Trẻ, Văn Hoá Việt Nam, Ngôn Ngữ, Văn học Mới,... và các web Da màu, Sáng Tạo, Chim Việt Cành Nam, Quên Bút...

Định cư tại Hoa Kỳ. Làm việc cho USPS. Hiện đã nghỉ hưu.

Tác phẩm ở hải ngoại:

* Ông Tướng sang sông (truyện. Alpha xb 1999)

* Lối đi dưới lá đời thà như mưa (thơ. Thân Hữu xb 2007)

* Bốn ngàn năm chen lấn (truyện. Thư Ấn Quán xb 2010 * Những bài thơ tháng 4 (CD. Thân Hữu 2014)

* Còn không chốn quay về (tự truyện. Thân Hữu xb

2017)

* Đứng tựa bên đời (thơ. Hiện Diện xb 2019)

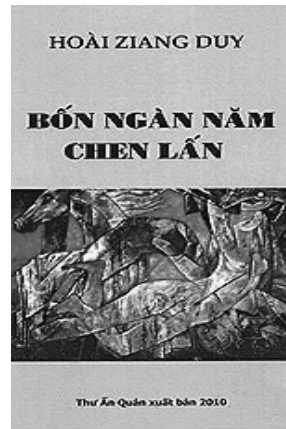
Góp mặt trong:

- . Tuyển tập 14 tác giả (Văn Tuyển xb 2000)
- . Thơ miền Nam trong thời chiến (Thư Ấn Quán xb 2007)
- . Văn miền Nam trong thời chiến (Thư Ấn Quán xb 2009)
- . 14 tác giả, mỗi người một vẻ (Lương Thư Trung. Trê (Dallas) xb 2012)
- . Bình Long Anh Dũng, Nhận diện anh hùng (DVD Dân Sinh Media 2012)
- . Người đồng hành quanh tôi. Tác giả, tác phẩm (tập 5). Ngô Nguyên Nghiễm
- . ARVN Soldiers Poetry. Nguyễn hữu Thời (Tiếng Quê Hương xb 2016)
- . Poems of the losers & song ngữ Anh Việt, NHThời (Sống xb 2019)
- . 44 năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại (1975- 2019) Mở Nguồn xb 2019
- . Trăm Cây Nghìn Cành (Triều hoa Đại) Văn Học Mới xb2020

Tác phẩm tiêu biểu: HOÀI ZIANG DUY



ISBN 0-9635574-8-3 Tranh
bìa: Hs Nguyễn Quốc Tuấn



ISBN 0-9713982.4-0 Tranh
bìa: Hs Nguyễn Quốc Tuấn

NGÔ NGUYỄN NGHIÊM

**HOÀI ZIANG DUY, biểu tượng một
văn phong hiện thực đầy sáng hóa**

Tập tuyển truyện Ông Tướng Sang Sông của nhà văn Hoài Ziang Duy bay qua nửa vòng trái đất, như một hạnh ngộ mang đầy vẻ chân tướng, chuyển tận tay tôi vào một buổi chiều tháng 5/2002. Sự xúc động đầu tiên, tưởng tượng cầm chắc tín hiệu tinh khôi của một hiền giả văn nghệ phố núi quê xưa, văn cuộn tròn tâm thức trong một định nghiệp văn chương.

Hình ảnh của 40 năm thoảng qua như gió thoảng, là hình ảnh chân phương cùng nhau bơi ngược dòng đời tụ tán trong môi trường cuồng tín nghệ thuật. Bước trên tuổi trẻ, phong lưu ngất ngưỡng trên từng trang giấy mê hoặc kỳ diệu của từng tạp san tự lực, phải chăng là bước đầu cho định kiếp người làm văn nghệ? Một định kiếp chỉ được suy ngẫm trong giai đoạn này, mái tóc bắt đầu bạc phếch, ngời xuôi dòng về dĩ vãng cũng chỉ ghi nhập lại bóng dáng một thời vẫy vùng xa xưa, Một thời, mà trên viền áo trắng còn vương vấn chiếc phù hiệu học trò, và tất cả bằng hữu văn nghệ đều ngất ngưỡng trên từng câu thơ, từng đoạn tùy bút của một thời để nhớ để thương... Tài hoa không hiển hiện đột biến, nhưng ít nhất cũng báo hiệu rằng tia sáng là của ngày mai. Vài tia sáng đầu đời như thế buộc chặt tư hướng sáng tạo định mệnh cho vài hiền giả sau này, mà Hoài Ziang Duy là một tia sáng ấm áp định kiếp đó.

Đọc và nghiền ngẫm, ngoài vài ý tưởng tán thán gởi sang nhà văn, tôi chợt trùng điệp hòa đồng khi đọc qua ý tưởng của Phạm Thăng trong lời bạt giản dị, chân tình nhưng thật rõ nét hồn quê trong con tim. *“Tôi xếp sách lại mà lòng băng khuâng. Các truyện ngắn của Hoài Ziang Duy đầy tình người quá... Và niềm vui thứ hai khi tôi đọc đến những dòng chữ nói về quê nhà*

thân thương, Tác giả đã viết: Là người ai không có quê hương để nhớ nhung, ấm lòng. Quê tôi có cây cầu sắt bắt ra sông, không có tên, họ gọi là cầu Quan, chỉ để dành riêng cho quan chức thuộc địa mỗi chiều ra hóng gió nghe hòa nhạc. Thuở nhỏ chúng tôi lội dưới chân cầu, những khi trống vắng, leo lên. Cái quần xà lỏn trên thân thể gầy còm, đứng tổng ngổng dưới trời thanh, gió mát. Nhìn lên trời cao, mơ một ngày công hầu khanh tướng. Tuổi thơ tôi bắt đầu từ đó.”

Quả thật, vịn tuổi thơ đứng dậy với nhiều mộng ước, mà là mộng ước của một nhà văn, thì thật tình công hầu khanh tướng như suy nghĩ ngày xưa, có màng gì với một tài năng, một người viết văn làm thơ rất sớm như anh Phạm Thăng nhận định. Và Hoài Ziang Duy đã vượt qua những đoạn đường gian lao bước rục rở trên một văn phong hiện thực đầy sáng hóa .

Nhà văn lập dựng nhân vật, thường diễn tả bằng tư hướng đối thoại nặng tính tính truyện giữa nội tâm. Thẩm lạng đào bới li ti từ khe hở kỷ vãng, để đưa đến nhận định hiện trạng so sánh của suy tư, chất ngất trên lộ trình đi qua. Mà giữa dĩ vãng và hiện thực như đang xoay ngược bản thể trên từng bước di chuyển cho chân lý trong đời sống. Dàn trải tâm thức đời thường trên từng nhân vật, là lối diễn dịch phân tâm cho ngôn ngữ văn chương của Hoài Ziang Duy. Một phong cách nhào nặn tinh vi của từng chuyển biến đối lập của nội tâm, li ti, sâu sát, hóa thân trên hoàn cảnh hóa thân đột biến, (đời thường mà nhân vật trôi dạt trong cảm ngộ). Sự cảm ngộ giữa lý trí và giữa đầy dẫy những ngộ nhận, để làm lộ ra chân tướng hiện thực. Nhân vật trong từng câu chuyện, hình như luôn có tính độc thoại, chao đảo mãnh liệt giữa số kiếp và hoàn cảnh, đơn độc một cách tội nghiệp như giữa cuộc chất vấn bóng và hình, (khiến tri thức như đứng trước gương soi phản quang chính nội tâm và ảnh tượng chính mình (trong một sân khấu độc diễn). Hoài Ziang Duy khai hoang cho một lối viết chan hòa giữa tính truyện, có chi tiết thường đột biến như sự phân thân, nhân vật diễn xuất đa bản thể, như lối viết xé nát bản thể của Kinh Dương Vương... Nhưng tính truyện của Hoài Ziang Duy dù có đối lập trùng trùng nhưng cũng còn vài giây phút nhập thân, thành tựu một kết quả cuối

cùng mà người đọc khó suy đoán, trước đối ngẫu hầu như xoay vòng trong những ngộ nhận.

Giữa cái có thể của định số trong hiện thực cuộc đời, phải chăng lại là cách giải quyết của một phương cách kịch tính, bất ngờ, đầy ngộ nhận. Văn phong Hoài Ziang Duy xoáy sâu bằng nội tâm, mà phương cách độc thoại khiến tự truyện vi diệu khác thường, lạ nên riêng biệt vậy.

Suốt hơn 40 năm độc hành theo ngõ sống, lập luận của nhà văn quả là hướng đi tự lập, riêng mình, khó lẫn lộn với đối tác văn chương khác. Phương vị thật đơn lẻ và độc lập, nhưng sáng tạo trong phong cách viết Hoài Ziang Duy là một dấu ấn chân phương. Ngồi đọc lại những tuyển truyện Hoài Ziang Duy viết từ thập niên 60 vừa qua, mới nhận thấy sự đa dạng của một tài hoa tuổi trẻ dù bước vội vàng theo văn nghệ, đã chắt mót được từ nhân dáng những giọt tinh hoa sáng hóa riêng mình. Thế kỷ mới, Văn nghệ học sinh, Hiện diện...là bước

đầu của cây viết trẻ, lập dựng phong thái văn chương đầy sáng tạo sau này. Tư thức sáng tạo

trong nghệ thuật trải dài gần nửa thế kỷ trôi đi vùn vụt, vô hình chung là chất liệu hóa hiện kỳ diệu cho nhà văn một văn phong riêng lẻ, độc đáo, phong cách... Tất cả nhân vật trong sáng tác đều hướng về một tư thức chân thật, dù nghiêng ngả, rạn nát chân tâm, suy đoán, so bì với hiện thể một cuộc trôi dạt bi thống trong một kiếp người. Cái thật trong cách hành văn của nhà văn, cũng là một cung cách sống suy tư của Hoài Ziang Duy, va chạm giữa bao nhiêu lý lẽ cần phân giải giữa cái thực và cái hư, mà chính yếu lại là cách giải quyết rất ráo dù từng phân đoạn một. Các phân đoạn sẽ ráp nối ngẫu nhiên, sau khi biến hóa từng phân khúc trên từng đoạn đường bắt đầu hành trình AA' đến A'B rồi tiệm tiến về BB' ...v.v..., lần dò từ cái O đến vô cực. Như vậy, kết quả của cốt chuyện trong từng tác phẩm Hoài Ziang Duy dựa dẫm vào sự đột biến mà hình thành trên từng bước đi cách ly nhau, khác biệt nhau, rồi tự ráp nối thành một chuỗi dài, khiến người đọc khó suy đoán kết quả... Quả vậy, mỗi kết quả suy đoán là cung cách lẫn mò của người đọc, nhưng đường nét kỷ hà của dòng sáng tạo trong từng tính truyện đột

biến theo từng thời khắc sáng tác, thì rất khó khăn cho tha nhân nếu muốn tiên đoán kết luận. Hậu quả quyền biến tính truyện trên từng bước đi hiện thực như lối viết của Hoài Ziang Duy, cái đích của cuối đường hầm chưa le lối tinh quang, nên người đọc chỉ lẩn mò trong khoảng không-thời gian vô thức, sự tiên đoán hướng tới chỉ là sự cảm nhận vô tri. Điều kỳ diệu trong sáng tác như vậy, ngoài sự tự tại với văn chương, còn giúp phong thái lãng du sương khói của người viết thể hiện được đặc thù sáng hóa kỳ diệu, đưa người chiêm ngưỡng có phong cách nhận định đa dạng, tùy hướng tâm tri ngộ của mỗi người.

Dùng hiện thực, tạo lập phong thái văn chương đi đến khai sinh dòng sáng tạo đặc thù, khiến văn phong Hoài Ziang Duy có nét nhìn lập thể, bóc trần được những vướng mắc từ tâm thức với lẽ sống, sự nô lệ thân phận con người là những vướng mắc cần được khai hoang. Nhà văn quả tình đã bước vào độc lộ của hiện thực, gói lại những cuộc réo gọi của cuộc sống vào một hướng sáng tạo văn chương độc đáo, biểu hiện được một phong cách viết có kỹ thuật riêng biệt. Lối viết Hoài Ziang Duy sừng sững như ngọn núi hoang dã vươn mình vững chãi dưới đôi chân, có lối viết tương đồng với nhà văn Cung Tích Biền và Kinh Dương Vương, cố gắng khai hoạt hết những khí hậu cùng cực bị thảm trong kiếp người, đưa vào lập trình văn chương cho tồn tại giữa thế gian như một nhân chứng hiện hữu giữa thời đại. Cũng trước những cùng cực, thảm khốc của cuộc sống, nhà văn Kinh Dương Vương bóc tách hiện thực vạch ra những bí ẩn cực đoan tàn nhẫn giữa nhu cầu sự sống, văn Kinh Dương Vương mang đây sắc thái dương tính như quạt đỏ ngọn lửa săn đuổi cùng cực bản ngã, khai sinh lối viết giằng xé, tách bóc từng tế bào của sự vật, hầu tìm trong sự phân cách ghê rợn giữa bản thể người và thú sự trùng lặp hoang dã và nhân bản. Vì vậy, phong cách văn Kinh Dương Vương đặt nặng một tìm tòi nhân bản sáng hóa bộc phá, nhào lộn bất cứ lúc nào trên ngọn lửa hóa sinh, tìm tòi một sinh thái đa dạng cho ngôn ngữ, diễn đạt một cách tàn phá sâu lắng của ý thức. Điều này, Kinh Dương Vương và Hoài Ziang Duy có nét tương đồng trong phong thái khai sinh phương hướng soi rọi tận cùng bản ngã. Nhưng sự đột biến

kỳ diệu trong văn Kinh Dương Vương là sự tìm kiếm, kể cả áp dụng sự chao đảo tan nát trước hiện thực, nhào nắn định mệnh con người bằng ngọn lửa dương tính mãnh liệt...Truyện Bí Đái, Đường Kiến...trên các tạp chí trước 1975, như Văn, Văn Học, Bách Khoa...là một lối sáng tạo cực kỳ mãnh liệt. Ngược lại, trên bến đò của dòng thời gian, như định kiếp tằm tấp trôi chảy trầm lặng của từng mảng lục bình, sự thể hiện trên văn phong Hoài Ziang Duy trước nỗi thống khổ, như một hiện thực tiệm tiến xuôi ngang cuộc đời, lại thay đổi từng bước một, mà *“cái ngáp mệt mỏi, che giấu tiếng thở dài, chỉ còn mình ông trong bóng tối”* của lão Tư, kể từ lúc đời đã trở thành nạn nhân của thời cuộc. (Truyện, Một Đời Người Một Nỗi Lặng/tác phẩm, Bốn Ngàn Năm Chen Lấn). Sự suy nghĩ trầm lặng đột biến trong một nhân cách, có ai thấu hiểu hết nỗi đau gắn liền với lão Tư là nỗi đau thâm lặng, nhấm lẩn trong ngôn ngữ, nhấm lẩn con người trong lịch sử, trong thực tế cuộc sống, trong bức tường chính trị... Cách diễn tả hiện thực cuộc đời một cách lặng lẽ thẳng thắn, không đột biến bằng những nét dị thường, tàn phá như văn Kinh Dương Vương, người viết xem đó là một bản năng kiến trúc đa dạng xấp lớp trong bản thể sinh vật, giằng xé tang thương, ẩn ức sâu thẳm, bùng vỡ tàn nhẫn, trần trụi giằng xé và đọa đầy...Quả thật, trên bước đường sáng hóa nghệ thuật, hai nhà văn đã trình diện hai phương cách giải quyết hiện thực khác biệt.

Nhà văn Cung Tích Biển như ngọn núi sừng sững, hiện thân như một yếu chỉ phải có trong dòng văn chương Việt. Cung Tích Biển bắt đầu là một hiện tượng văn học ngay từ thời tuần báo Nghệ Thuật của Mai Thảo, cách đây gần nửa thế kỷ. Nhưng sau 1975, Cung Tích Biển đã hóa thân một cách lộng lẫy, văn phong là một hướng tinh quang hiện thực, phát tích một khuynh hướng tân văn cực kỳ bác học. Phá vỡ những giai đoạn viễn vông của thời Nghệ Thuật xa xưa, nhà văn Cung Tích Biển đứng dậy bước vào thực tế của một cuộc sống đầy rẫy tà mị, của một lớp người quái dị làm chao đảo cả một xã hội văn hiến ngàn đời. Đi giữa một hiện thể hoang dã, phủ đầy sương khói liêu trai quái đản, nên những bộ trường thiên tiểu thuyết của nhà văn, đã là nhân chứng lập thể cho thời cuộc? Tính truyện của bộ sách tuyệt

diệu, đa phong cách đầy rẫy nét hóa thân kinh dị, quái quỷ, liêu trai ...từ Chuồng Trại (hay Truồng Chạy) đến Thăng Bất Quỷ ..V...V...

Cung cách khai sáng dòng văn chương của ba nhà văn là phương cách lập ngôn, trình diện với hiện thực bằng một con đường đi về hướng vĩnh cửu khác nhau, nhưng tụ chung ánh tinh quang vi diệu của ba phong cách, đã bộc phá được sự yên lặng mòn mỏi nghèo nàn của lối đi vào văn học hôm nay.

Suốt quãng đường hành hiệp gần nửa thế kỷ nay, tính truyện trong suốt đời cầm bút sáng tác của nhà văn Hoài Ziang Duy, bao giờ cũng đầy rẫy nét sáng tạo tư duy nhất quán, hồn hậu của con suối dòng sông, của ngọn núi tĩnh lặng, của mệnh mang đồng bằng...Nhà văn vác trên vai một hướng đi tự lập, mà phong cách sáng tạo trong văn phong là một độc đáo riêng biệt, đầy tình người, bằng một lối viết mà nhà văn Xuân Vũ bật lên lời kinh ngạc: “*lối viết của Hoài Ziang Duy là một lối viết lạ kỳ, không giống ai, hoặc tôi chưa từng thấy giống ai trong nghệ thuật viết truyện ngắn, Cái lạ kỳ này có hai nhánh. Lạ kỳ quái gở và lạ kỳ nghệ thuật. Truyện của Hoài Ziang Duy nằm ở nhánh thứ hai.*”

NGÔ NGUYỄN NGHIỆM



Hãy trở thành độc giả dài hạn

Tạp chí **VĂN HỌC MỚI**
Phát hành **2** tháng một số
Một năm 6 số
Liên lạc:
vanhocmoi68@gmail.com
hanguyendu@gmail.com



HOÀI ZIANG DUY

một ngày một tình thân

Ngày đã thức dậy trong ta, bốn tường vôi trắng
Những dừng dừng hò hẹn quên ngày
Em có theo lòng anh chạy trốn
Bóng mơ xưa
Một mình ta với hể hả chờ mong
Ngó bằng hữu cũng thoả tình năm phút
Những khuôn mặt trong vòng gai kẽm cuộn
Tiếng điệu ngoa cũng chuốt giọng yêu đời
Ngày của lặng lẽ của thời quên
Thế sự
Vuốt râu cười tình cũng lạnh như ru
Mời anh uống chút niềm ngọt đắng
Những giọt đời tỏ dạng oan khiên
Chờ mong chi chút tình lỡ hẹn
Một lần thôi cũng nửa gánh ưu phiền

Cứ sống lòng ta
Một chút gì để nhớ
Một chút gì để đỡ quên em
Như gió mưa muốn cúi xuống thâm gần
Như thanh thảo sẽ trôi giòng trí nhớ

Buổi chiều của nỗi nín câm
Của đau thương một lời vồn vã
Bóng gương soi tỏ tiếng thật vô tình
Xa hun hút thấy nhau ngày tháng cũ
Ta bán rong đời
Mặc người trả giá
Treo đầu cành hay giả chút tình thân
Nắm tay nhau làm mặt lạ môi cười
Chút gian dối trong ân tình thắm thiết

Vây cũng thôi
Sáng trưa chiều hay thối trắng bóng xế
Mộng thơm chi ướt đẫm môi hồng
Một ngày của nhau
Sống đời kẻ khác
Một đêm của chàng
Sống lời thánh giá
Giấc ân sủng cũng mời ra cửa ngõ
Để riêng lòng em sẽ ngủ
Trong ta .

HOÀI ZIANG DUY



NGUYỄN HÒA TRƯỚC

xuân đào trên đó

thơ xuôi

1.

Phố xun xoắn nhả từng lọn kim thêu còn rừng thưa chỉ rải thảm êm cho ê hề người lớn bé giày dép lao chao vào ra rồi rả dấp tí nước rãnh trơn tru bồm bộp như sóng vỗ chân đề; gió hôm nay chùng rất lễ độ đã chịu cúi rạp vừa mí lều trại vào hỏi han những ông bà đồ khăn gấm áo thêu ngồi dàn hàng ngang tế chỉnh mực thước bên hông Văn Miếu đang nheo mắt thổi phù phép thuật chấm chút mực đen ướm tâm giấy đỏ muốt muốt thảo hàng cổ tự chân xọ đá chân xiên; trước sân phờ bụi giao thông, mấy cội bích đào phơ phớt lá vàng xoắn năm cũ còn sót lại cùng nem nếp nụ mại mới đâm chồi thon thót trong tia nhìn khách du những nấn lệ thủy tinh chẳng bao giờ được lau khô.

Mưa rười từ lúc chưa vỡ tiếng gà khiến kẻ bộ hành lúc nào cũng phải nen nét dò chùng ngó trên ngách dưới quần vén lênh chênh lại là sứ điệp tuyệt vời cho ả xuân lúng lỉnh như cô gái miễn thương diện hàng thổ cẩm lóng lá trên vạt ngoài cùng thất quanh bụng giọt tuyết đầu tiên nâng hứng hết sức trịnh trọng về từ tít đỉnh Mẫu Sơn đêm qua nhiệt độ xuống dưới nấc âm-không làm xuyết xoa ngưỡng mộ chàng bắc thảo nguyên lì lẫm nhưng thật thà đoan hậu.

Phơi phóng màn múa công cộng la đà trăm vạn đốm tường vi ngũ sắc tằm tấp đều như vừa được in ấn từ nhà xuất bản hảo hạng kết se mỹ thuật những chùm quả chữ mừng mùa mới. Cỏ chỉ li ti ri xanh túng tắng nắm tay đan các ô tròn ô vuông quây quần bài tấu đón tân niên. Nhạc trống lung bung đâm vỡ

tim tụi đèn lồng lính canh.

Hạnh phúc lò xo nhốt nhốt thỉnh thích như cụm tóc mai mà khăn dạ mũ len len chưa được chặt.

Rét bóp thun lồng ngực xắt lát nhịp thở véo không khí ra khói thể mà kem lạnh vẫn liếm lót mát mát giữa các cặp môi tuổi trẻ thanh nhàn. (thời trang nghịch [ngỡm] quả là chú khuyến cứng lúc nào cũng được khoan dung ưu ái nẹp mình trong ngăn êm ả nhất của cuộc sống.)

Xuân thả đuôi nheo tuyến khánh thành cao tốc. Da dẻ khô nứt sần sượng rạch lằn tẩn trên thân các con đèo công kênh nhau chơi trò xiếc vô ưu cùng hai vực cây mù; lưng trụi trụi trâu mộng miệng ực từng hớp cặn thạch cao nấu vôi bằng vỏ cao su mòn rãnh. Sương giả mù sa mưa. Xe trôi lầy trong vũng lỏng quán tính; tiếng động cơ hăm ăm ách dưới mặt nhựa long nền chốc chốc giật mình vì những nhát roi cây số đỏ tươi quất bầm trán.

Lễ hội gặp ghềnh chiêm trống phủ đầu. Phướn lọc phọc căng bóng má bình minh tái chín. Tền mặt trời hào quang thần thánh trên ngai thờ lúng búng trong tràng thì thâm khấn khứa. Người chiết xẻ ra từ nách từ hông nhau nhể nhại tinh tươm như các vách đá vôi ngòm ngợp. Lộm khộm lủ khủ và nhiệt tình hết mực (họ) khom lưng cúi xuống xếp chồng lên vẫn khôn bám được vào mái tam quan rắc nhũ vàng mà lữ ảnh ảo vừa dựng xong cột trụ cuối cùng đang đứng hể hả xoa tay.

Xe điện càn chầu chầu nhặng nhô vẽ vọc bàn cờ lẫn chưa đến cổng chùa đã tung hê đám khách ngay bãi xương rồng có hàng liễu ngược tóc mấp mé thừa ruộng bậc thang.

Ăn sủng như hoa trái hái dọc đường đi nhấm nhút tiết kiệm từng tí một tiền giấy trần gian thành kính nhét tay thánh hiền miệng mồm thoảng thoảng lẩm bầm kinh kệ bụng nghĩ thôi thì càn vắt vả diêu vợi càn rộng tay cúng thí càn gia tăng công đức chiêm bái tụng đình.

Tháp xoáy từng từng trèo đến đỉnh nhìn xuống thấy thương tiền kiếp mình đang ở cõi đa đoan.

Núi răng cửa chẻ trời lấy khói. Thuyền nan sốt ruột nhảy nháo như bóng rang. Nước mạn sùi bọt cua bể. Chèo một mái

cột thùng chéo uốn cổ cắt sóng về hướng ba động ngọc biếc. Trọt trọt cốt điều tre kin kít ván gỗ phập phồng nghe tựa tiếng trẻ nhề nhề giấc trưa hè rít róng mồ hôi hay đoạn ca dao mẹ cần mẫn ru ngày đông giá muối hai hòn vú nón nhọn trẻ trung rần rúm giữa kê răng hạt cơm hẩm cuối cùng chưa biết nên lăn vào hay rút ra.

Khí nấu trong chảo người và sơn thạch đã bốc tro đầy hoan lạc.

2.

Vượt hàng tấn cây số khăn choàng áo dạ lên chỉ để hít hà mùi da thịt nồng khét của nhau chấp chới giữa mây nước Tràng An thâm niên đô hội quả là món đòn vọt mà ngay trệu trạo cũng là miễn cưỡng. Sụp lạy mười hướng cho biên áo dài thêm để cột đủ gió hốt ổ bay xuôi chứ người ghe thể này không khéo lại phải gõ cửa vào ngủ nhờ hang cóc tía lây bầy in dưới đáy rong rêu rìa rầy kia thôi.

Thềm mở một trang hảo thư (mà) bạn xa gửi tặng làm hành trang để nhớ ra còn có cái mà nhớ về.

Mơ mị trối chân nhắc lơ lửng đất. Xốp xốp cứ như người nộm mang guốc vòng gót cao. Trầm mình xâm xấp trong hồ nghi hoặc. Tội quá: hãy đổ lỗi cho mắt nghĩa cáu muối hóng cho tai u à cuội ve nâu: Xuân tuốt trần mấy khắc khô sau bộ cánh ngả rầu ươi nước trên lóng mùa thời tiết chợt bỏ lão bất ngờ. Mặn trắng thủy tiên vàng và không gian ngà góp lại: hãy nhại giọng chim muông phút đầu tiên ta hủ hỉ tìm đến.

Thềm một hồi trống đánh vỡ ngực để thấp bắc cười xòa.

Ta sẽ cung rước hình ảnh cánh đào hồng trinh tân rạng đông nào liễu lĩnh uống băng tản bộ ven hồ chết điếng chạm mắt về dán vào các máng cảnh rã rượi tất tả rướn gót tiễn chào cho đỡ động lòng trắc ẩn.

NGUYỄN HÒA TRƯỚC



CHU VƯƠNG MIỆN & M. LOAN HOA SỬ

năm mới năm cũ

Năm xưa cũ hơn năm này
Năm này mới quá ngắn ngày dài đêm
Lan man mưa cả tháng liền
Lạnh ngang o độ nửa điền nửa rầu
Năm nhà chả biết đi đâu ?
Đi ra Covid chặn đầu chặn đuôi
Mưa sao lạnh đất lạnh người
Lạnh sông lạnh núi 1 trời mù cảm
Đời thơ lỡ bước đường cùng
Nhi nhô dăm chữ lòng o còn gì ?
Thương nhau lỡ thừa lỡ thì
Tang thương đến cả bắc chày cũng tiêu
Đêm nghe 1 khúc ca tiêu
“ bình sa lạc nhận “ con diều đứt giây
Xuân xưa chả giống xuân này
Hoa đào hoa mận rụng bay đầy đường
Làng thôn cho tới phố phường
Lên giường nằm ngủ chờ quên rét nghèo
Giữa dòng bèo dạt theo nhau
Đôi bờ phơ phất bụi lau trắng nhòa

-

Đêm đêm chớp bể mưa nguồn

Ngày ngày trời tạnh góp buồn làm vui

đã sinh làm kiếp con người
ngang thân con nặng con ruỗi nhớn nhor

giả say rồi lại giả khờ
ban ngày mà vẫn ngồi mơ lẫn mòng
tình gì ? trước có sau o
tình vật cũng vậy ? chả trông đợi gì ?
sống sao qua thừa qua thì
sống sai có nước đi tù dăm năm
mùng 3 rồi tới ngày rằm
16 tháng chạp hết tuần tháng 3
Lơ mơ trông cuộc hoá gà
Xỉn say người lẫn với ma chắc rồi ?
Giả điên Miên lẫn với Hời
Tây Tàu lộn xộn đi đời tay sai
Củ môn khác với củ mài
Trái ngô khác với củ khoai ngoài vườn
Mẩn người lúc rắn lúc lươn
Lúc voi lúc chuột luôn luôn ngậm mồm
Thét rồi có lúc câm luôn ?

-

Con duyên kẻ đón người đưa
hết duyên xe ngựa xe lừa cũng chê
còn duyên tối ở sớm dì
hết duyên cam chịu 4 bề nằm o
con duyên vung vãi là chồng ?
hết duyên đến nợ tang bồng cũng thôi
nhà bè nước vẫn chia đôi
ai dìu Cát Lái cùng “ bọn “ tui thì dìu
ngồi buồn nhìn đám sao khuya
xa xôi típ tấp mà chia nổi sầu

dí dẫu dí dẫu dí dẫu
dí qua một chập chả trâu vô chuồng
đêm đêm chớp bể mưa nguồn
ngày ngày ôm mãi cái duyên con bò ?
duyên nhau toàn vạc o cò
hết ngô hết thóc vạc dò lên cây
hết duyên gắp cáo lẩn cây
con duyên còn nợ còn may với tao ?

Thời gian thấm thoát thoi đưa
Hết gốc dưa qua gốc dừa
Từ ngày nắng qua ngày mưa

Thi nhạc sôi nào thì cũng buồn
Nhạc nhoẻn ly bi đát
Thơ thoát ngang cánh đồng mùa gặt
Toàn rơm rạ và cội lác

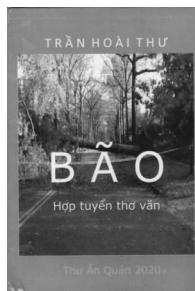
Văn sôi lúc nào cũng hốc hác
Nhà lúc nào cũng bán mất
Đêm đêm nào cũng nằm dưới đất
Ngửa mặt nhìn sao

Nhà sạch thì mát
Bát sạch o hột cơm
Đêm đêm thường nhịn đói
Ngang cô hồn ?

CHU VƯƠNG MIỆN & M. LOAN HOA SỬ

NGUYỄN LƯƠNG BA

BÃO : hợp tuyển thơ văn TRẦN HOÀI THU



Gọi là Hợp Tuyển vì nội dung bài viết được tuyển chọn từ những bài đã được đưa lên trên trang blog cá nhân của tác giả suốt nhiều năm qua.

Tại sao lại lấy tựa đề là BÃO ? Vì thật sự có 2 cơn bão đã đi qua đời của tác giả ghi dấu ấn sâu đậm đến nỗi không thể nào quên và cơn bão thứ 2 là nỗi đau buồn không giới hạn. Đó là:

Cơn bão Sandy gọi là superstorm Sandy đã tràn qua vùng New Jersey (nơi ngụ cư của tác giả) vào tháng 11 năm 2012 nhưng rất may mắn là đã thoát qua cơn bão hung dữ đó mà không có thiệt hại đáng kể.

Và cơn bão thứ 2 là sự đột quỵ của chị Y, hiền thê của tác giả chỉ một tháng sau đó. Anh viết:

“...Cho Y:

Tôi đã ngồi hàng giờ bên giường bệnh. Tôi may mắn vì cơn bão đã tha, nhưng đổi lại thì lòng tôi đứt đoạn. Bao nhiêu người y tá, bác sĩ, phụ tá y tá đã vào phòng. Bao nhiêu lần tôi theo sau chiếc giường mà Y nằm để đến các phòng chụp hình, chụp ảnh. Bao nhiêu lần tôi nhìn bàn tay Y với những ngón tay bị liệt, không còn đủ sức để co cụm. Bao không thật sự đến với tôi, nhưng bão làm tim tôi nhói đau không tả.

Ở con đường nhà tôi, những thân cây gãy đổ nằm vắt

ngang giữa lộ đã được dọn đi và đường đã được khai thông chỉ 4 ngày sau khi trận bão Sandy tàn phá, nhưng có một thân cây rất mong manh. Không một loài sậy có suy nghĩ-vấn nằm yên, nằm yên từ ngày này qua ngày khác. Đã 7 ngày rồi. Có bàn tay nào có thể nâng nhà tôi dậy để có thể bước, có thể đi, ngồi bước hay không?

Có chú. Bàn tay của tôi. Mỗi ngày tôi đã nắn nót những ngón tay trái bị liệt ấy, bóp, xoa, vuốt, nắn...Tôi tin một ngày chúng sẽ sống lại, máu nóng sẽ hâm từng lông tay, để những sợi gân bắt đầu tái sinh, luân lưu trở lại. Không ngày này thì ngày khác. Không tháng này rồi đến tháng khác. Còn nữa. Còn những bạn bè của Y, những bạn bè của tôi. Họ tiếp trợ thêm hơi ấm. Tôi tin vậy. Như bông hồng mà bạn tôi đã tặng cho nhà tôi..."

Nhà thơ (văn) Trần Hoài Thu (THT) là một người đặt biệt. Anh là người mê chuộng sách vở giống như tên thật của anh là Trần Quý Sách như cha mẹ đã đặt tên Suốt cả quãng đời thanh niên của anh là dưới bộ quân phục. Anh đã phục vụ trong đơn vị tác chiến cực nguy hiểm là các đơn vị thám kích trinh sát để khi cần được thả vào các vùng hành quân khởi đầu cho một trận đánh hay dò tìm tin tức để các đơn vị tiếp theo khai triển thế trận:

Với khẩu colt lặn lưng quần
với đôi giày bám đặc bùn Nho Lâm
đêm qua bì bõm băng đồng
hôm nay bù lại căn phòng chị nuôi
với xe lam một chỗ ngồi
vòng vo mấy bận để đời chút hương
để một ngày thật dễ thương
trước khi chọc ổ kiến càng Bồng Sơn
(Ngày của chàng)

Là như vậy nhưng trong túi quần hay balô của anh luôn có giấy bút để viết một cái gì khi có thể. Như Victor Basch đã từng nói: "Người làm nghệ thuật là một hiện tượng hiếm hoi" (L'artiste est un phénomène rare)

Có nghĩa khẳng định nghệ thuật là một cái gì khác thường ngay cả khi nghĩ về cái chết:

“Người ta bia đá lưu danh
Tôi đây bia mộ làm khiên che người
Người ta tên khắc lưu đời
Tôi đây đạn khắc lưu ngoài trái tim
Bia người toàn khắc danh thơm
Bia tôi sọ khắc nổi buồn bắc nam.
(Bia Đá)

Ngày nay người ta không nhìn thi ca như một thực tại tĩnh nhưng là một thực tại động. Không còn là những câu thơ an nghỉ, tiêu cực mà là những câu thơ chi phối tác động lên sự vận chuyển của đời sống. Vì vậy Sartre cho rằng văn chương luôn có tính chất cách mạng là như vậy. Như bài thơ “Nước Lên” chỉ cần nước lên thôi để đưa đoàn quân qua sông:

Tặng Cái Trọng Ty
*Nước lên trời thổ mặt vàng
Nửa lan mây núi nửa tràn bãi sông
Nước lên kéo mặt trời gần
Khanh vàng lai láng một giòng vàng khanh
Nước lên quân lợi qua sông
Đầu thì đội súng, mình trần, tay bơi
Khúc đông vang tiếng nói cười
Hồn thanh niên bỏng một thời ấu thơ
Nước lên đêm sắp buông màn
Qua sông những bóng âm thầm qua sông
Không dò dục không dò ngang
Chỉ có chẳng là hình nhân lơ mờ
Với đầu đội chiếc ba lô
Với poncho làm chiếc bè chiếc phao
Súng nòng chĩa mũi lên cao
Thương cho ông thượng sĩ Nùng thoát y
Nước lên ngày đã tàn rồi
Mặt trời đã ngủ sau đồi Kỳ Sơn
Chỉ có ta là dẫn con
Qua sông tìm mấy mã mồi viếng thăm
Nước lên bờ tả đã mờ
Chỉ còn bờ hữu nắng vàng níu chân*

*Nước lên trời cũng tối dần
Quân qua bỏ lại một giòng quạnh hiu.*

(Nước Lên)

. Trong thời chiến tranh thì mọi người đều là lính, cả thành phố lẫn thôn quê khói lửa binh biến lan tràn. Một ngày qua đi, còn sống là một ân sủng:

“Khi tiếng gà đầu tiên vừa gáy trong thôn
Tôi biết mình là một người may mắn
Tôi có quyền đốt lên điệu thuốc
Xếp lại chiếc mền bỏ vào lại ba lô
Cả đêm qua trời trút xuống trận mưa
Tôi che súng bằng chiếc poncho sợ ướt
Mưa ào ạt lính ngủ ngổ ngàng đứng
Giữa mã mồ người sống chết qua đêm
Tiếng gà nhà ai trong xóm cất lên
Rồi tiếp đến cả làng trên xóm dưới
Tiếng gáy rộn ràng chào mừng ngày mới
Lại thêm một ngày còn sống để hân hoan
Đây là bản đồng ca sau một đêm trường
Bản hợp xướng trời cho loài người miễn phí
Một tiếng gáy khởi đầu cất tiếng
Rồi trăm ngàn tiếng gáy khác cất lên
Tiếng gáy vang lừng xóm dưới làng trên
Như chiếc đồng hồ không kim đúng giờ báo thức
Hãy dậy đi hỏi những người con ăn sương nằm đất
Hãy hân hoan vì đêm sắp hết rồi
Thêm một ngày một ngày có mặt trời
Thêm một ngày được bình an vô sự
Cám ơn những chú gà vô danh ở các làng ta về gìn giữ
Cám ơn bài hợp ca không nhạc trường nhạc công
Không hòa âm hòa tấu giàn trống kèn đồng
Không ca sĩ không đèn màu không vỗ tay
Chỉ tiếng gáy ò ó o lan truyền trong thính không vọng lại
Sao ấm vô cùng như hơi thuốc đầu tiên
Tay chuyển nhau chiếc hộp lửa que diêm
Lửa sáng lên thấy bạn mình cười theo ánh mắt

*Từ xa xa mập mờ ngọn đồi Bánh Ít
Bóng tháp vươn lên đón kẻ trở về.
(Bản tấu khúc ân sủng).*

Trong tuyển tập này, anh gom lại những sáng tác thơ văn, tùy bút, truyện ngắn thành những chuyên mục gồm; một thời khói lửa/một thời khổ sai/những bài thơ từ Bidong/những bài thơ trên đất mới và những trang văn tuyển. Đặc biệt là anh có những bài thơ nói về hiền thê của anh, về những ngày chị ở trong nursing home đã nhiều năm qua. Và thật sự vui mừng khi một ngày mới lên chan hòa ánh nắng:

*Có một người năm năm chưa biết nắng là gì
Ngày ngày cứ nằm dài trên chiếc giường
Nhìn lên trần phòng
Đôi mắt không có nắng chiếu từ lâu
Chỉ thấy ánh đèn
Dù sáng nhưng không còn linh động
Tôi đến thăm nuôi mỗi ngày hai bận
Việc đầu tiên là kéo chiếc màn lên cao
Để nắng có thể lọt vào
May ra đời còn một chút lạc quan
Vì nắng chính là sự sống
Tôi vẫn hay sửa lại thân người cho ngay ngắn
Kê lại đầu người lên trên chiếc gối êm
Điều chỉnh lại chiếc giường cho vừa tầm
Đắp lại cái chăn mền vương vãi
Và có khi lòng dưng bàng hoàng run rẩy
Khi thấy nắng làm óng ả mái tóc của người
Đã ở tuổi xế chiều mà tóc vẫn một màu đen tuyền
Nắng càng làm cho mái tóc trở nên bóng
Như màu gỗ mun trắc
Tôi đã vuốt trên mái tóc
Và dịu dàng hôn như nắng đã hôn
Tôi vẫn còn nghe như mùi bồ kết tỏa hương thơm
Cộng thêm cả mùi hương ngọt ngào của
Bảy năm dà khổ nạn
Bây giờ đã hơn ba tháng tôi và người cách biệt*

Chỉ mong được vào phòng quen thuộc
Để kéo lên cái màn che cửa rồi ra về
Và nắng thay tôi hôn lên mái tóc của người
Vậy mà một hôm người không cần nắng lọt vào
Mà vinh quang ngồi trên xe lăn để người ta
Đẩy ra ngoài cùng với nắng
Mây trên cao trần trời xanh một màu ngọc bích
Hàng dẽ, hàng sỏi cùng đội những chiếc mũ biếc xanh
Những người lính tiền đồn ăn mừng chiến công
Không vòng hoa nhưng vỗ tay mừng những người thoát
hiểm

Người ngồi trên xe nhìn người xung quanh
Tung hô bằng tiếng Anh, tiếng Mỹ
Chỉ có tôi la bằng tiếng Việt
Hoàng hậu muôn năm.
(Nắng...)

Nhà văn Trần Hoài Thư là chủ biên của tập san Thư Quán Bản Thảo đã xuất hiện dễ chừng đã 20 năm nay. Số mới nhất 96(tháng 12-2021) chủ đề Tập ghi nhật báo Tiền Tuyến vừa mới phát hành. TQBT là một tạp chí với một mục đích riêng biệt và chủ yếu là sưu tập những tác phẩm và tác giả của nền văn học Miền Nam trước 75 nhằm lưu giữ, phục hồi lại cái giá trị của thế giới con người .Cái nghệ thuật cao mà văn chương và nghệ thuật để lại luôn luôn có một vị trí danh dự. Nhà văn THT còn lập Thư Ấn Quán, một nhà in với kỹ thuật của riêng anh làm từ A đến Z để in lại các tác phẩm văn học và báo chí trong đó biết bao nhiêu là tim óc, tài năng sáng tạo không thể kể hết của một thời văn học Miền Nam hưng thịnh, tự do nhân bản.

Để kết luận, điều không thể phủ nhận, anh là một nhân vật phi thường với một nghị lực và một sự hiểu biết. Hiểu biết ở đây là hiểu biết lý tính(savoir rationnel) chứ không phải hiểu biết thường nghiệm. Hiểu biết tại sao chứ không phải hiểu biết rằng. Vừa lo chuyện gia đình vừa dồn toàn tâm ý để làm báo, in ấn dù được bạn bè ủng hộ vẫn còn sự lo âu nhưng trong lo âu con người mới ý thức được tự do (Sartre)

NGUYỄN LƯƠNG BA

SA CHI LỆ

còn lại gì

Khi biết thời gian mặt nạ
lạ thường ôm nỗi nhớ
ra đi
Lúc ngoảnh lại
niềm vui đã biến mất, đèo bông
dòng chữ ngây ngô run rẩy
Chỉ còn lại
những ngón tay nhăn nhó, mảy mò liếm môi
Mắt thần thờ uất nghẹn
nhớ quê hương
quay quắt lưng tròn
nhỏ từng giọt hôn mê
hai bờ má hóp lưng lưng tìm về
Dấu giày sô nhặt nhòa
gai lịch sử xương rỗng rướm máu
nhói tháng năm mòn mỏi đợi chờ
khói thuốc buồn nôn tàn lụi từng đêm
thoi thóp sương ướp trắng tan
Vẫn sót lại
núi rừng trong giấc ngủ, bì bõm lội quanh kỷ niệm
Chí tang bồng
Vỡ toang từng mảnh nhói đau
Làm sao hiểu trăm năm
giăng mộng mị hững hờ bám ròng vách đá
Treo lưng lơ

khói biếc miên man niệm sử
Ta lăm lũi
Bóp nát vô thường
trong tay nuôi tiếc lan man
Cắn môi lưu vong rướm máu
nhắm nháp rượu đắng cay
Đời dâu bể khuất che
Nỗi bất hạnh mon men vỗ về trên vai
Bóng thụy du
ngơ ngác đối tương lai
Mời bóng tối
thử niếm mùi độc được
công ưu tư lưng còng
mệt mỏi
oằn nghiệp trả vay
Khi sợi tóc ngo ngoe
mùa nắng bạc
tóc thương mình rưng rưng
lặng nghe tiếng thở dài cổ nín
thời gian
tìm lại bóng tri âm hề há dễ
Thoáng mất hút như mơ
mưa tràn qua khóe mắt
Ôi! Một đời chắt chiu
Lom khom lượm cô đơn, rớt rơi còn lại gì...

SA CHI LỆ



NGUYỄN VĂN SÂM

**Đọc lại bài Văn Tế Nghĩa Sĩ (Cần Giộc) của
Nguyễn Đình Chiểu, một bài Văn Tế cảm động nhứt
trong lịch sử văn học Việt Nam.**



Bài Văn Tế này nổi tiếng ngay từ khi mới ra đời, được phổ biến hầu hết trong các sách văn học sử sau đó - ở dạng Quốc ngữ (QN) với nhiều dị bản, dĩ nhiên! Cho tới nay chưa thấy sách vở nào đưa ra bản Nôm (BN) để học giới từ đó làm căn bản cho một bản quốc ngữ có giá trị gọi là tương đối chính xác. Mấy mươi năm trước, do một loạt cơ duyên với chữ Nôm, sách Nôm tới tôi (NVS) nhiều nên được thủ đắc một số BN lạ, quý, trong đó có bài này. Nay xin đưa ra trình làng cùng bản phiên âm kèm theo vài nhận xét nho nhỏ. Có thể có vài chữ được đọc chưa chính xác, chờ mong sự góp ý của những ai yêu thích chữ Nôm

và có lòng với văn chương yêu nước.

Tác giả mở đầu bằng tám chữ đơn giản nhưng nhiều ý: Giặc Tây đã tới, súng Lang-sa xâm lăng đã liên hồi rền vang khắp đất Việt ta (*Súng giặc đất rền*), trong lúc đó thì lòng dân cùng nhau chẳng sợ chết nhứt quyết đứng lên chống giặc cướp nước đến nỗi Trời cũng hiểu điều đó dấu ở trên cao thăm ngàn trùng (*lòng dân Trời tỏ*).

Giặc Tây đã tới Cần Giờ/ Xin đừng thương nhớ đợi chờ uổng công. Đừng thương nhớ đợi chờ vì anh/em đi đánh giặc. Đó là lời của dân chúng thể hiện trong ca dao đương thời.

Từ đó mới có sự kiện nghĩa sĩ Cần Giộc nổi lên đánh Tây, thắng chút ít, gọi là có chút tiếng vang, nhưng bị chết thảm nhiều. Xúc cảm trước sự kiện nầy ông Nguyễn Đình Chiểu làm bài văn tế nghĩa sĩ. Tôi chắc rằng bài văn chỉ được viết ra trên giấy, dân gian lưu truyền bằng cách học thuộc lòng hay chép sao chú chưa bao giờ được khắc in hay đọc trong cuộc lễ tế nào vì sự khó khăn của thời thế.

Nhưng tại sao phải đánh Tây trong khi vũ khí họ quá mạnh, binh lực họ quá tân tiến mà quân mình thì?

Tác giả lý luận rằng nếu cứ cui cút chăm lo ruộng nương của gia đình, sống mười năm cuộc đời thường cũng chưa chắc được tồn sanh, trong khi đó đi đánh giặc Tây nếu có chết đi thì cũng rạng danh với đất nước. Đó là trận *giặc nghĩa, nghĩa* với quê hương, với tiền nhơn, với đồng bào hiện tiền... Chữ *giặc nghĩa* tác giả nói ít nhưng nhiều ý, để kích thích dân chúng lên đường sau bài văn của mình. Chữ *giặc nghĩa* còn tạo nên được sự đối nghịch của hai phía: bên tà xâm lược, bên nghĩa giữ nước.... Từ ý nghĩa đó NDC dùng chữ *nghĩa sĩ, anh hùng* để chỉ binh sĩ đi đánh giặc Pháp.

Đoạn cuối bài ông nhắc tới bốn chữ *thiên dân* (dân Trời), *vương thổ* (đất nước đã có chủ) để làm mạnh mẽ hơn ý tưởng *giặc nghĩa*. Thiên tài của NDC là đây, ông đã sử dụng vài ý cơ bản để đem chánh nghĩa về cho người lên đường, từ đó họ sẽ không sợ chết, không viện dẫn lý do gì để đứng làm kẻ bàng quan, trốn tránh trách nhiệm.

Như đã nói, phần mở đầu và kết thúc của bài Văn Tế đã bao gồm toàn bộ ý của bản văn, thân bài chỉ là những khai thác cụ thể khiến cho bản văn có màu sắc hơn mà thôi. Tuy nhiên NDC đã đưa ra nhiều chi tiết có giá trị về người nghĩa sĩ: vốn là những nông dân gần như suốt đời lo chăm miếng đất của mình, chưa bao giờ được biết tới chuyện súng gươm, chưa bao giờ kinh qua huấn luyện quân sự, vậy mà trước sự tấn công của giặc họ đã lên đường không nài nguy hiểm, đi đánh giặc trong thiếu thốn trang bị và có thể thiếu cả người cầm đầu.

Bản Nôm được viết theo âm cách của người Nam, chữ **chuyển** 轉, 專 được viết Nôm bằng **chiến** 戰, chữ **dao** 刀 được viết bằng **giao** 交, chữ (cui) **cút** 喙 được viết bằng **cúc** 菊, chữ **mắc** 縶, 縶 (mó) được viết với **mắt** 眈 như thường thấy ở những BN khác, chữ **càng** 強 (thêm hổ) được viết bằng chữ **càn** 乾. Chữ *rên* hài thanh bằng *ình* 情 thay vì *trinh* 呈 như thường thấy, đó là do sự phát âm *rên* thành *dên*, *dên* của người dân lục tỉnh. Chữ (dao) **phay** Nôm rất hay: Kim 金 + phái 派, cũng vậy chữ đâm 鋌 được viết với bộ kim 金 ... Những trường hợp Nôm chính xác, hay, rất nhiều.

Bản văn còn giữ được cụm từ xưa – ngày nay nhiều người không hiểu nên sửa lại theo ý mình cho dễ hiểu – *chẳng thà... chẳng thà* có nghĩa là: *thà rằng... còn hơn*. Cho nên không lấy gì làm lạ khi có bản QN thay những chữ *chẳng thà... chẳng thà* bằng *thà rằng... còn hơn*...

Trong khi phiên âm, tôi băn khoăn khi chọn cách đọc *riết tới* 躋細 thay vì *lướt tới* như người đi trước dấu hai chữ *riết* và *lướt* đều viết bằng một chữ Nôm.

Một số từ ngữ liên quan tới quân sự thời đó cũng là những từ liệu quý giá không thể dễ thấy ở các bản văn khác: Khiên, mác, cờ, bông bong, ống khói tàu, bao tấu, bầu ngòi, dao tu, nón gỗ, quân Cơ, quân Vệ, lưỡi dao phay, rơm con cúi, ngọn tầm vong, Ma Ní, Ma Tà, hỏa hổ.

Người chú ý tới sử giai đoạn Tây mới tới miền Nam sẽ thấy được nhiều điều cụ thể: Tàu Tây tới đánh phá sông Cần Giuộc cả năm trời mà người trách nhiệm bên ta ở đâu không thấy, chợ Trường Bình ở vùng này bị đốt, chùa Lão Ngộ bị đóng cửa

rất lâu... đó là ở trong sâu; ngoài gần biển, vùng Bến Nghé họ đã tới từ ba năm trước rồi. Trong trận đột kích ở Cần Giộc năm đó một quan hai Pháp bị giết...

Cuối bài ông NDC nói với hồn nghĩa sĩ rằng sống thờ vua, chết cũng thờ vua, nên âm trợ đoàn nghĩa sĩ còn lại. Thêm nữa, tác giả nhắc chuyện tập ẩm cho con cái họ để linh hồn người chết được mãn nguyện...

Tóm lại bài văn tế này xuất hiện trong lúc chiến tranh, đã có nhiều phần tác động lên lực lượng kháng chiến thời bấy giờ. Trong khi bài *Văn Tế Tướng Sĩ Trận Vong* của Nguyễn Văn Thành xuất hiện khi chiến tranh đã kết thúc có tác dụng vỗ về người sống sót kinh qua cuộc chiến. Hai bài hai thời đại, hai tác dụng nhưng đều đáng gọi là kim cổ kỳ bút về thể loại văn tế.

¹ Ca dao Bình Định có các chữ : Thà rằng... hơn là: *Thà rằng cắt tóc đi tu. Hơn về Bình Định cc đi đời* là giai đoạn mới của cụm từ *Thà rằng... Chẳng thà...*

² Đọc khác một vài chữ Nôm là chuyện bình thường. Trong tuồng Nôm **Da-vit thánh vương**, bản đánh máy lưu hành trong thân hữu của BS Nguyễn Huy Hùng ở Houston, các chữ: 眉涓呐悼, ông đọc mảy quen nói **sắc**, tôi nghĩ là nên đọc mảy quen nói **sước**.

NGUYỄN VĂN SÂM

Victorville, CA, Nov. 29. 2021

(t1) **Tế nghĩa sĩ văn**

Hỡi ơi!

Súng giặc đất rền; Lòng dân Trời tỏ.

Mười năm công **võ ruộng**; chưa ắt còn, tên nổi như phao ³;

Một *trận nghĩa* đánh Tây; tuy rằng mất, tiếng vang như mõ.

Nhớ linh xưa:

Cui cút làm ăn; Riêng lo nghèo khó ⁴; Chẳng quen cung ngựa, đua tới **trường nhung** ⁵;

Chín biết ruộng trâu, ở theo làng họ⁶. Việc cuốc, việc cày, việc bừa, (t2) việc cấy, tay vốn quen làm;
Tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ, mắt chưa từng ngó⁷. **Tiếng phong hạc** phập phồng hơn mười tháng, trông tin quan như trời hạn trông mưa⁸;

³ **Võ ruộng**: Cày ruộng thành luống. Génibrel có từ **võ cày**: sillon là luống cày trên ruộng. Mấy mươi năm trước 75, một tác phẩm của Nga được yêu thích có cái tên là Võ Đất Hoang... **Tên nổi như phao**: Tên chỉ được biết trong vùng nhỏ rồi sẽ mất trong một thời gian ngắn.

⁴ **Cui cú**: Chăm chỉ làm ăn trong đơn lẻ nghèo khó. Nhiều bản QN đọc côi cú, không đúng nghĩa. **Cả câu**: Lo cuộc sống của người bình thường.

⁵ **Trường nhung**: nơi trận mạc, chiến địa. **Cả câu**: Chưa bao giờ biết chuyện đánh giặc.

⁶ Chỉ lo kiếm sống. Sống gần gũi với bà con, cùng làng, cùng họ. **Chín biết**: Chỉ biết, chỉ chăm chăm lo việc gì.

⁷ Quân nghĩa sĩ vốn chỉ quen làm ăn sinh sống chưa bao giờ biết tới trận mạc.

⁸ **Tiếng phong hạc**: lấy ở câu *phong thanh hạc lệ, thảo mộc giai bình*, nghĩa gốc là nói sự hồi hộp lo lắng, nghe tiếng gió thổi hạc kêu, thấy cây cỏ cũng tưởng là giặc đuổi đánh. Ở đây, “tiếng phong hạc” có nghĩa là tin kẻ địch đến (chú theo **Mùi tinh chiên vấy vấy**⁹ đã ba năm, ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ¹⁰.

Bữa thấy bông bong¹¹ che trắng lớp, muốn tới ăn gan;
Ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cổ.

Một mối xa thư đồ sộ, há để ai chém rắn đuổi hươu;
Hai vầng nhật nguyệt chói lòa, đâu dung lũ treo dê bán chó (Theo bản QN thường thấy).

Nào đợi ai đòi ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kình;
Chẳng thèm trốn ngược trốn xuôi, chuyến này nguyện ra uy bộ hổ¹².

Khá khen thay!

Chẳng phải thiết quân Cơ quân Vệ¹³, theo dòng ở lính
diễn binh;

Chẳng qua là dân ấp dân lân, mến nghĩa làm **quân
chiêu mộ**¹⁴.

Mười tám ban võ nghệ, chưa kịp tập rèn;
Mấy mươi trận binh thơ, không chờ **bày bố**¹⁵.

Trên cật một manh áo vải, nào đợi mang *bao tấu, bầu
ngồi*,

Trong tay một ngọn tầm vông, nào đợi sấm **dao tu, nón gõ**¹⁶.

Hỏa hổ đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong **nhà dạy
(t3) đạo** kia;

Gươm đao dùng một lưỡi dao phay, cũng **đâm** **đặng** **thằng** **quan**
hai nọ.

Chi nhọc quan Quân giống trống kỳ trống thúc, **đạp** **rào**
riết **tối**, coi giặc cũng như không;

Chi sợ **thằng** **Tây** **bắn** **đạn** **nhỏ** **đạn** **to**, xô cửa xông vào, liều
mình như chẳng có.

Kẻ **đâm** **ngang**, người chém ngược, làm cho **ma-tà, ma-
nĩ** **hồn** **kinh**;

Bọn ó trước, lũ hè sau, **trối** **kệ** **tàu** **sắt**, **tàu** **đồng** **pháo** **nổ**.

[Ồi!]

Những **lăm** **lòng** **nghĩa** **lâu** **dùng**, **đâu** **biết** **xác** **phàm** **vội**
bỏ.

Một **giắc** **sa** **trường** **rằng** **chữ** **hạnh**, **nào** **hay** **da** **ngựa** **bọc**
thây;

Trăm năm âm phủ ấy chữ quy, **xá** **đội** **gươm** **hùm** **treo** **mộ**
(không có trong BN).

Đoái **sông** **Cần** **Giộc**, **cỏ** **cây** **mấy** **đám** **sầu** **giăng**;
Nhìn **chợ** **Trường** **Bình**, **già** **trẻ** **hai** **hàng** **lục** **nhỏ**.

Chẳng phải **án** **cướp**, **án** **gian** **đày** **tối**, mà **làm** **binh** **đánh**
giặc **cũng** **cam** **tâm**;

Vốn không **giữ** **thành**, **giữ** **bảo** **bỏ** **đi**, mà **hiệu** **lực** **theo** **quân** **cho**
đáng **số**.

Bởi *nghĩ* *rằng*:

Tắc đất **ngọn** **rau** **ơn** **chúa**, **vun** **trồng** **cho** **nước** **nhà** **ta**;
Bát **cơm** **manh** **áo** **của** **đời**, **mắc** **mớ** **chi** **ông** **cha** **nó**.

Vì ai nổi quan binh khó nhọc, ăn tuyết nằm sương;
Vì ai nên đồn lũy tan tành, (t4) xiêu mưa ngã gió.

Sống làm chi theo quân Tả Đạo, quăng vùa hương, xô
bàn độc, thấy lại thêm buồn;
Sống làm chi ở lính ma-tà, chia rượu chát, phát bánh mì, thấy
càng thêm hổ.

Chẳng thà thác mà đặng câu địch khái, theo về tổ phụ
cũng vinh;

Chẳng thà còn mà mang tiếng hàng Tây, ở với Man Di rất khổ.
Ôi, thôi thôi!

Chùa Lão Ngộ năm canh ưng đóng lạnh, tấm lòng son
gởi lại bóng trăng rằm;
Đồn Lang-sa một khắc đặng trả hồn, túi phận bạc trôi theo
dòng nước đổ.

Đau đớn bấy! Mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya leo
lét trong nhà;

Não nùng thay! Vợ yếu chạy tìm chồng, con bóng xế dật dờ
trước ngõ.

[Ôi!]

Cả câu: Tội phải hiệu lực vì không giữ đồn lũy nên bị
đưa ra đánh những trận nguy hiểm. **Bảo** 堡: thành nhỏ, đồn
lũy.

Vùa hương: Đồ để cắm nhang như chén, ly chứa
gạo hay lư hương nhỏ. **Quăng vùa hương**: Như nghĩa nhóm
chữ *xô bàn độc*. **Bàn độc**: Bàn lớn thường xếp chụm lại cho
rộng chỗ nhờ 4 chụm có thể xếp vô khi không dùng. Bàn độc
thường dùng khi có cúng kiếng cổ bàn. Génibrel cho *bàn độc*
cũng là bàn hương án. **Xô bàn độc**: Bài trừ sự cúng kiếng, giỗ
quải. Chỉ theo đạo Thiên Chúa, là đạo mới du nhập vào VN
không lâu. Khác với phong tục VN lâu nay... chủ trương *không
cúng quỷ quấy ma*.

Đời sống nhục khi đi lính cho Tây: Sống chung với lính
đánh mướn, đi lãnh phần ăn uống theo họ, rất đáng hổ thẹn!
Nhứt là bánh mì, dân Việt ngày đó chẳng quen.

Một trận khói tan, Ngàn thu tiết tỏ.
Bình tướng nó hơi đóng sông Bến Nghé, làm cho bốn
phía mây đen;
Ông cha ta còn ở xứ Đồng Nai, ai cứu một phương con đỏ!
Thác ặng trả nước non rồi nợ, (t5) danh thơm đồn *sáu
tỉnh chúng* đều khen;
Thác đã ưng đình miếu để thờ, tiếng hay trải muôn đời ai cũng
mến.

Trước đánh giặc, sau cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp
các cơ binh, ặng trả thù kia;
Sống nhờ vua, thác cũng nhờ vua, lời dụ ặng rành **một chữ
ấm**, đủ đền công đó.
Nước mắt anh hùng lau chẳng ráo, thương vì hai chữ **thiên
dân**;
Cây hương nghĩa sĩ thấp thêm thơm, cảm bởi một câu **vương
thổ**.

*Hỡi ơi, thương thay!
Ai ơi thảm thay!*

Chỉ tình cảm của dân chúng nhìn về hướng đó mà thôi,
thực tế bên ngoài không phải như vậy.

Chúng: Mọi người, đối với chữ *ai* ở dưới. Cả câu: chết
trả đền nợ nước ai cũng khen!

Hồn những nghĩa sĩ theo âm trợ người nối tiếp bước
chùn của họ.

Có chăng nhà vua ra lệnh tập ấm cho các con của những
tử sĩ nầy? Chương trình thực hiện tới đâu và trong bao nhiêu
lâu?

Thiên dân: Dân Trời, một cách nói chỉ người nước ta
là những người được Trời che chở.

NGUYỄN VĂN SÂM

Danh ngôn:
Chọn con đường đối lập với lối mòn và bạn gần như sẽ luôn làm
tốt.

Take the course opposite to custom and you will almost always do well.
Jean Jacques Rousseau

ĐỨC PHỔ

đầu xuân

Một thoáng hồng thơm nghe thật rõ
đâu hay rằng lá rụng trong hồn
rượu mới vẫn tràn trăm cốc cũ
sao tình tràn không để dấu chân?

và những mầm xanh hiện rõ lên
từ một phía chân trời xa lắm
lòng dang rộng mời em hãy đến
thấp ngọn-đồi-ta đầu một năm.

thuyền khơi dòng. sẽ bến trông theo
ta xa quê. bao lần ngoái lại
sầu như đám lá đông vừa héo
chút lạnh theo về gọi giêng hai.

thả vào đêm ánh mắt trắng soi
hãy lội vào nhau từng bước nhẹ
dấu tim nát giữa đường dâu bể
vẫn gượng cười thấp ngọn-đồi vui.

sẽ phai tàn theo ngọn rét đông
cùng lớp người ra đi biệt xứ
nay xuân đến bạn cùng lũ thú
môi thơm cho một nụ rất nồng...

Rót xuân mời nhân gian

Em hãy lạnh cho tôi được đắp
mảnh xuân tình ngày cũ đã về qua
dù trước ngõ vui sau vườn buồn bã
có hể chi lời mỗi hẹn thề.

Em hãy tối lòng cho tôi được thấp
ngọn đầu đời tâm khảm đã mòn hao
tháng tiếp tháng ngày tiếp ngày vội vã
và bốn mùa nín gót nhau vui.

Em hãy đại cho tôi được bảo
dạy nhau tình sau trước một đàn
đời sang cả có chắc gì đẹp mộng
hãy đơn sơ như trời chuyển sang mùa.

(Thay chút nắng làm cơn mưa đủ mát
đủ cho cành khô hạn đơm bông
đủ đêm nồng mật ứa tình đông
với cốc cũ hãy rót đầy xuân mới.)
Em hãy đứng cho tôi được mỗi
giữa muôn chiều hồn sống mấy tiêu tao
dấu vay mượn người xưa hồn sơn bạc
mượn đêm vàng giọt nguyệt rót nghìn chung.

Em hãy tỉnh mặc tình tôi say khướt
và tôi điên một bữa biết si tình.
Hãy rót mùa xuân muôn triệu cốc
Mời nhân gian ngọt nụ xuân kỳ..

ĐỨC PHỔ

HOÀNG XUÂN SƠN gieo gặt



Em cứ gieo đi tôi xin gặt
với hai tay không chẳng búa liềm
vì chữ là thơ từ cây lúa
cũng chẳng bận lòng tới câu liềm

Còn bao nhiêu hạt mình xin trả*
cho luống hồi sinh trẩy nụ mầm
dù đất cứng thịt tâm còn xói
huyền hồ huyết mạch của trăm năm

Mùa gặt bao la bồi như thuở
nặng lên đồng ngọt bát trắng vàng
thôn trang chẳng cần tra gươm đao
nước đã lên đầy giọng hát vang

Hát lên hân tình phơi phới nhé
xua đi ngày dịch giả u buồn
ta đi gom nhặt từng tro cốt
khẩn nguyện cho ngày mới thịt xương

Hãy gieo bằng miệng cười nguyên thủy
của em thơ ngây đón thiện về
chôn sâu cái ác vào ngu sử
mở một trang đời giống lại quê

HOÀNG XUÂN SƠN

29 tháng chín, năm 2021

*ý, và chữ mượn từ Kim thi

Mùi của mùa



Tôi mang tôi đi trời lạ
vàng ngâu mùa đã xa rồi
mùa ong bướm say hoa trái
mùa buồn say một chút tôi

Lộc vùng tôi chưa hề biết
nhánh đam mê đến lạ kỳ
mở cửa ra mùi gió biển
ngọt mềm môi martini

Vùng ơi vùng ơi mở cửa
tôi hiến tặng em kho tàng
một tờ giấy thơ bùa chú
và một tiếng hát lang thang

Mùi của hiến dâng đã khát
sóng nâu khô rượu sánh vàng
đâu có ai mà nếm được
hương nồng vị mặn quan san

HOÀNG XUÂN SƠN

18/8/2021

TRẦN THOẠI NGUYỄN

KỶ NIỆM ĐẸP MỘT THUỞ TRẦN GIAN CÙNG NỮ SĨ BT ÁO TÍM (Nicknam Bé Tư TiệmVải)

Trên trang Fb cá nhân, tôi hay tin Nữ sĩ BT Áo Tím đột ngột giã từ cõi trần, đã dựng Status

CHÀO VĨNH BIỆT NỮ SĨ BT ÁO TÍM Bé Tư TiệmVải xứ Cà Mau!

Mới hôm qua (15/01) tôi Chúc mừng sinh nhật Nhà thơ Tiệm Vải Bé Tư, thì liền có người biểu lộ cảm xúc buồn với giọt lệ! Tôi hỏi sao thế? Thì cháu Hùng Thúy trả lời “Má con xuất huyết não! Bác ơi!”, và tôi đã cầu nguyện Trời Phật phù hộ. Vậy là bệnh nặng quá, Nhà thơ BT ÁO TÍM Bé Tư đã ra đi (16/01)!

Nữ sĩ BT ÁO TÍM Bé Tư là người bạn Fb tình cảm hồn nhiên trong sáng tuyệt vời! Chính Em đã chủ động gọi video SMS cho tôi cùng trò chuyện tâm tình thương mến lắm! Em làm thơ rất sớm từ thời nhóm thơ tuổi học trò Trung học đất mũi Thị xã Cà Mau và đã có thơ đăng trên một số tờ báo ở Thủ đô Sài Gòn trước 1975. Trần Thị Bé Tư là tên thật cha mẹ đặt, ra trường làm cô giáo dạy giỏi văn, học trò hồng đảm gọi tên cô giáo “Bé Tư” yêu quý của mình! Khi nghỉ dạy trông coi tiệm vải cho con gái rồi chơi Fb lấy Nicknam Bé Tư TiệmVải là thế! Nhưng thơ AT Áo Tím rất hay và đăng lưu trên nhiều Websites trong và ngoài nước. Em rất yêu quý Tạp chí văn chương nghệ thuật hải ngoại VĂN HỌC MỚI và NGÔN NGỮ.

Cuộc đời Nữ sĩ BT Áo Tím tình duyên trắc trở lận đận của một trang hồng nhan bạc phận đau đáu mỗi tình đầu, nên có rất nhiều bài thơ của nữ sĩ u ẩn buồn hoài niệm!

Trong quá trình tương tác trên mạng xã hội Facebook, có lần tôi đọc bài thơ ANH CÓ VỀ...của BT Áo Tím (và tôi cũng đã từng đọc nhiều bài thơ trên tường thời gian của Nữ sĩ BT Áo Tím Bé Tư TiệmVải, không những riêng tôi mà chắc nhiều bạn

đọc yêu thơ BT ÁO TÍM đều ám ảnh về một hồn thơ buồn trong hoài niệm khôn nguôi!)

Tôi định comment mấy dòng đồng cảm chia sẻ, không ngờ ngấu húng đồng vọng từ mộ tuyệt tình của lòng mình về mối tình đầu mà câu chữ tuôn trào ra thành bài thơ dài!

Tôi xin tặng bạn thơ như một kỷ niệm đẹp một thuở trần gian!

Và Nữ sĩ BT Áo Tím đã phản hồi : “Bài thơ cảm tác của Nhà Thơ Trần Thoại Nguyên thật hay, đầy cảm xúc. Anh đã nói hộ những điều mà BT AT chưa trải lòng hết trong thơ.

Cảm ơn anh,

Cảm ơn sự ưu ái anh dành cho thơ của BT.

Chúc anh và gia đình sức khỏe, an vui, hạnh phúc qua mùa đại dịch anh Trần Thoại Nguyên nhé!...” (Vẫn còn lưu trên Trang Fb Bé Tư TiệmVải)

Và dưới đây là bài thơ tặng bạn:

CÁNH THƠ BUỒN HOÀI NIỆM

Tặng BT Áo Tím (Bé Tư TiệmVải)

Người ơi! Tình đầu làm sao quên!

Nên cánh thơ em buồn cô miên.

Người mãi không về từ dạo ấy

Để hồn đau kỷ niệm trong tim!

Thời gian ơi! Lặng lẽ vô tình

Chải bao sợi nhớ, tóc thôi xanh!

Tình yêu đọng lại thành giọt lệ

Chôn xuống lòng em, mộ tuyệt tình!

Khung trời hoài niệm gió mây xưa

Vầng trăng hư ảo tiếng sầu đưa

Người đi! Đi mãi! Không về nữa!

Nên cánh thơ em buồn nắng mưa!

Em về chiếc bóng lạnh song thu

*Người đi biển biệt khói sương mù
Trần gian ơi! Đôi bờ hư ảo
Hồn em hoài niệm mộng thành thơ!*

TTN



Ảnh Nhà thơ BT Áo Tím thời trẻ.

Bài thơ tặng BT Áo Tím đã được NS Trường Tử Kaphổ nhạc.
Theo link: <https://m.facebook.com/groups/600508710724626/permalink/947723999336427/?sfnsn=mo&ref=share>

Xin có vần thơ CHÀO VĨNH BIỆT NỮ SĨ BT ÁO TÍM.

Nhà thơ Thế Lộc ở Đà Nẵng cũng dựng Status chào vĩnh biệt AT Áo Tím thật cảm động, nhắc lại kỷ niệm cùng có thơ đăng chung 1 tờ báo với BT Áo Tím trước kia ở Sài Gòn, thời gian vừa qua vợ anh đau thì BT Áo Tím đã gọi thăm hỏi chia sẻ rất thân tình. Tôi đã comment với vần thơ CHÀO VĨNH BIỆT AT ÁO TÍM:

*Tài hoa tìm gặp tài hoa
Trần gian cát bụi phôi pha kiếp người!
Chỉ còn kỷ niệm Em ơi!
Chút tình gửi gió mây trời phù du!
Em về trên đỉnh thiên thu
Cõi hư huyền tạm cũng mù sương bay!
Xin CHÀO VĨNH BIỆT nhau đây
Khói trầm hương tiễn Em bay về trời!*

18/01/2022

TRẦN THOẠI NGUYỄN

BT ÁO TÍM

ảnh ảo tình yêu

(bài thơ này do BT Áo Tím gửi sau cùng cho VHM)

Chiều nay
Có hai người yêu nhau
Chung ô đi trong mưa lạnh
Họ ...
Hai kẻ mộng du
Dù nhau giữa bóng bệnh hư ảo

Lòng tôi vừa qua cơn bão
Nghe ráo khô cảm xúc
tình yêu
Có một lần
Tôi khờ dại thật nhiều
Là lúc mình yêu nhau như họ

Anh còn nhớ không ngày đó ?
Cũng hẹn hò đi dưới mưa bay
Cũng bàn tay , nắm chặt bàn tay
Chỉ biết có nhau không gian vô nghĩa
Có một thời lãng mạn
Anh là ánh sáng mặt trời
Cho tôi ô xy để thở ...

Nhưng rồi dang dở
Một kẻ dối gian , để lại đau buồn
Xa nhau rồi tình cũ cũng buông
Dòng ngày tháng tro than
kỷ niệm .
Anh đã đến đã đi như cơn mộng
Tôi chợt quên chợt nhớ như người điên
Chỉ là mộng làm sao có thực
Anh chỉ là ảnh ảo
của tình yêu ...

BT ÁO TÍM

MAI TÔI ĐI

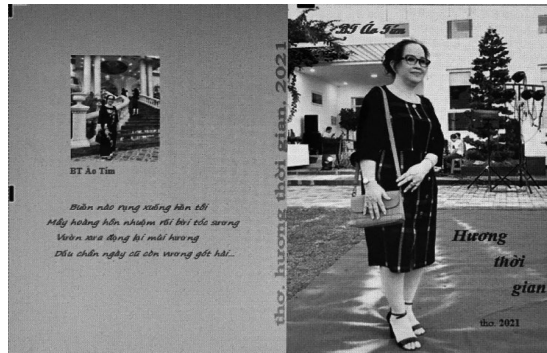
(bài thơ cuối cùng của nhà thơ BT Áo Tím)

Mai tôi đi
phố có buồn không
Mai tôi đi
mưa trắng ướt lòng
Hàng cây hun hút
vàng kỷ niệm
Có chiếc lá buồn
rớt cuối đông

Người đứng bên bờ
vọng tiếng xưa
Đừng giơ tay vẫy
đừng tiễn đưa
Để hồn tôi lảng
không thốn thức
Biệt ly
da diết mấy cho vừa

Mai tôi đi
biết buồn hay vui
Chút nắng nào
rơi xuống ngậm ngùi
Người về nhạt lại
màu trắng cũ
Mình lạc nhau rồi
cố nhân ơi !

BT ÁO TÍM





NGUYỄN KIẾN THIẾT

bài học từ văn hóa cạp

*Trích trong quyển “NHỮNG MẢNH Vụn VĂN HỌC” của cùng tác giả sắp xuất bản năm 2022.

Năm Nhâm Dần cầm tinh con Cạp, có nhiều điều thú vị và hấp dẫn để nói. Như ai nấy đều biết, Dần là một trong số 12 chi của Địa chi, là chi thứ ba, đứng trước nó là Sửu, đứng sau nó là Mão (Mèo). Trong bài *Về Mười hai con giáp* có câu: “*Tuổi Dần con cạp chĩnh ghê; Bắt người ăn thịt tha về non cao*” (chĩnh: vốn thiệt; chĩnh ghê: nên ghê gớm- Đại Nam Quắc Âm Tự Vị). Cạp là một con vật hung dữ nhứt trong các loài thú ăn thịt. Người ta còn gọi cạp là hùm, là hổ, là kền, hoặc gọi trịnh trọng hơn là “ông Thầy”, “ông Hổ”, “ông Ba mươi”, “ông Cả” hay “chúa Sơn lâm”, “chúa tể rừng xanh”. Ngoài văn học nghệ thuật, hình ảnh con cạp được sử dụng trong một số lãnh vực khác như quân sự, kinh tế, văn hóa. Riêng về văn hóa, có thú văn hóa liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp tới vị chúa tể rừng xanh.

*Văn hóa là gì?

Vấn đề văn hóa có rất nhiều định nghĩa với vô số cách hiểu khác nhau. Theo thống kê của hai nhà nhân loại học người Mỹ là Alfred Kroeber và Clyde Kluckhohn thì có tới 164 định nghĩa khác nhau về văn hóa trong các công trình nổi tiếng thế giới (Lương Văn Kế: *Thế giới đa chiều*, nxb Thế Giới, 2007). Văn hóa là sản phẩm của con người, không chỉ liên quan tới tinh thần mà bao gồm cả vật chất. Theo nghĩa thông thường, những sản phẩm như đồ đạc, nhà cửa, đường sá, xe cộ, ẩm thực... thuộc

về **văn hóa vật chất**; còn những sản phẩm như khoa học, tín ngưỡng, văn học, hội họa, điêu khắc, tư tưởng, giá trị, phong tục tập quán, v.v... thuộc về **văn hóa tinh thần** (còn gọi là **văn hóa phi vật chất**). Giữa văn hóa vật chất và phi vật chất còn có mối liên hệ mật thiết với nhau: cái này bổ sung cho cái kia, và ngược lại. Bất cứ cái gì tốt, xấu đều là **giá trị**- mà giá trị là sản phẩm của văn hóa. Suy rộng ra, có thứ văn hóa *hay* hoặc *dở*, có thứ văn hóa *tốt* hay *xấu*; đi xa hơn một chút, còn có văn hóa và phản văn hóa nữa. Như vậy, văn hóa về cộp cũng có cái hay - tốt và cái dở - xấu đáng để suy ngẫm và rút ra bài học quý giá.

***Bài học từ văn hóa hay - tốt**

Trước hết, cộp rất có ý thức về độc lập, chủ quyền. Giang sơn rộng tới 700 km vuông của mỗi chúa sơn lâm là lãnh thổ bất khả xâm phạm (*Rừng nào cộp nấy*). Đã có cuộc chiến giành đất, giành rừng giữa hai ông Hồ- một Văn, một Bạch. Rồi những cuộc chiến một mất một còn giữa người và vật diễn ra liên tục từ thời khản hoang ở miền Nam. Lịch sử Nam tiến là bản trường ca- đồng thời là bản hùng ca của dân tộc Việt. Để hoàn thành công cuộc mở đất về phía Nam, ông cha ta đã đổ biết bao xương máu trong việc chống chọi với **thú dữ** cũng như áp dụng những **kế sách** kết hợp chánh trị, quân sự và ngoại giao khôn ngoan, mềm dẻo để có được dải giang san gấm vóc miền cực Nam của tổ quốc. Miền Nam hay Đàng Trong hoặc Nam Kỳ Lục tỉnh ngày xưa vốn là vùng đất hoang vu sinh lầy, đầy dẫy cộp beo, rắn rít và cá sấu, “*dưới sông sấu lội, trên rừng cộp um*” hoặc “*U Minh Rạch Giá thị quá sơn trường** / *Dưới sông sấu lội, trên rừng cộp đua*” và “*muỗi kêu như sáo thổi, đỉa lèn như bánh canh*” đến nỗi đám di dân đầu tiên khi đặt chân tới đây phải khiếp sợ:

Tôi đây xứ sở lạ lùng

Con chim kêu cũng sợ, con cá vùng cũng kinh (Ca dao miền Nam).

Làm công việc “Phá sơn lâm, đâm Hà Bá”**, ông cha ta đã dũng cảm chiến đấu với hai giống vật hung hãn nhất: cộp và sấu. Chỉ nói về cộp ở miền Nam vào thế kỷ XVII-XVIII nhiều vô số kể. Chúng sống rải rác ở khắp mọi nơi, từ những cánh rừng ngập mặn tại các cửa sông Tiền, sông Hậu đến những nơi

đã được khai hoang khá sớm, như Sài Gòn, Thủ Dầu Một, Vũng Tàu, Long An, Mỹ Tho, Bến Tre, Vĩnh Long. Nhà văn Sơn Nam cho rằng: “*Cọp sống giữa sinh lầy nước mặn, ở bãi bùn nước lợ với rừng dừa nước dày bịt hoặc trên gò đất với vài cây kè, cây gừa giữa cỏ thấp, bên đầm tràm lúa thưa*” (Đất Gia Định Xưa). Ngoài ra đất giồng hoang vu còn là nơi để “*xuống sông hốt trứng sấu, lên bờ xía răng cọp*”. Nơi này “*cọp tựa bằng trâu*”- tựa nghĩa là to lớn, bự tựa (Bạc Liêu là xứ quê mùa; Muỗi bằng gà mái, cọp tựa bằng trâu). Nơi khác cọp “*dữ như cọp Vườn Trầu*”. Còn cọp U Minh rất dữ tợn, đối mặt với chúng là coi như đối mặt với tử thần! Chúng thường bắt các con vật nhỏ hơn như nai, dê, chồn, chó sói, heo rừng để ăn thịt. Chúng cũng ăn cả thịt người, tha luôn xác như trong bài *Về Mười hai con giáp* đã dẫn trên. Để sanh tồn và giữ vững địa bàn vừa mới khẩn hoang, dầu cho cọp nguy hiểm tới đâu, người xưa vẫn đối đầu đánh cọp, bắt cọp, câu cọp và diệt cọp. Giết cọp xong thì lập miếu, tạc tượng mà thờ. Điều này cho ta thấy *tín ngưỡng thờ cọp* đã có từ buổi đầu khai hoang, lập ấp. Bởi lẽ trong tâm thức đám lưu dân tới “xứ sở lạ lùng” này, cọp là biểu hiện của quyền lực, sức mạnh của đẳng siêu nhiên. Rải rác đó đây khắp Nam Kỳ Lục tỉnh, cọp được thờ ở hầu hết các đình, đền, am, miếu với bài vị trang trọng: “Sơn quân chi thần”, “Sơn lâm đại tướng quân” hoặc dưới nhiều hình thức khác như: tượng, điêu khắc, tranh vẽ, hình ảnh, kể cả bùa đeo để trừ tà ếm quỷ. Cọp cũng **biết ơn và thể hiện lòng biết ơn** đối với người đã cứu, giúp mình (*Cứu vật, vật trả ơn*). Cọp cũng có nghĩa như người. Có bà mẹ Trời ở Cà Mau “đỡ đẻ” cho vợ cọp, được cọp chống trả ơn hậu hĩnh. Cọp chống đó chính là con cọp Bạch thường ngày đi “săn” mồi và tha tới trước nhà bà mẹ Trời nào dê, cừu, nào heo rừng để đền ơn. Cọp cũng có nghĩa như chó: chủ mất, cọp buồn rầu gặm rú thê thảm rồi nằm cạnh mộ chủ cho đến chết, giống như chuyện tiểu đồng “che chòi giữ mả” cho chủ mình là Lục Vân Tiên. **Cọp còn giúp người** vô số việc một khi được thuần dưỡng, như làm xiếc, đánh cướp, đưa đường cho khách viễn am tự trên núi (Thất Sơn, Châu Đốc). Có nơi, cọp còn được dạy “kéo cày” thay trâu, bắt “xay lúa”- như giai thoại về chuyện *dóc hết chỗ dóc* của bác Ba Phi ở Cà Mau. Cọp “ngộ đạo”

đi tu còn “hành hiệp trượng nghĩa”. Đó là trường hợp ông cạp Bạch với “chiến công” giải cứu (công) đức Cổ Quân Trần Văn Thành (?-1873)- thủ lãnh cuộc khởi nghĩa Bảy Thưa ở Láng Linh bị thương nặng, thoát khỏi vòng vây.

Tình thâm phụ tử cũng được cạp coi trọng (*Hùm dữ chẳng ăn thịt con*). **Tình mẫu tử** thiêng liêng cao cả được cạp thể hiện như người. Sau mỗi “cuộc tình” ngán ngủi, cạp đực ra đi biệt biệt để rồi sau đó tìm “người tình” mới. Tội nghiệp cạp cái/cạp mẹ “bụng mang dạ chửa” sống thui thủi một mình. Đến khi “vượt cạn” cũng mồ côi một mình với vai trò người mẹ đơn thân, nuôi con khôn lớn .

Nhiều **bài học luân lý** thường mượn hình ảnh cạp để khuyên răn người đời. Để thể hiện lòng dũng cảm “*Không vào hang hùm sao bắt được cạp con*”, người ta đã mạo hiểm vô hang ổ cạp để bắt cạp con về nuôi. Người xưa khuyên không nên khinh lờn với kẻ có bạo lực bằng câu: “*Chớ vượt râu hùm*”. Nhưng cũng có chuyện trẻ con “*vượt râu cạp*” sẽ trừ hết mọi tật bệnh (?). Theo lẽ thường, con nhà tông không giống lông cũng giống cánh như câu “*Hổ phụ sanh hổ tử*” theo cả hai nghĩa, hẹp và rộng. Để ám chỉ “phong cách” ăn uống có câu “*Nam thực như hổ, nữ thực như miêu*” (con trai ăn khỏe như cạp, con gái ăn uống nhỏ nhẹ như mèo). Người ta ca ngợi trí thông minh từ thành ngữ: “*Điều hổ ly sơn*”, hoặc qua chuyện “*Người khôn hơn loài vật*” trong sách *Quốc Văn Giáo Khoa Thư* (chuyện số 119) rất nhiều người biết. Thật ra chuyện nầy được nhóm Trần Trọng Kim biên soạn, do Nha Học Chính Đông Pháp xuất bản năm 1935, về sau một số sách đã đổi cái tựa thành “*Trí khôn tao đây*” và “vẽ” thêm vài chi tiết ở đoạn cuối. Bài học rút ra ở đây nhằm đề cao con người tuy nhỏ bé nhưng nhờ có trí khôn, có trí thông minh nên đã thống trị được những loài mạnh và hung hãn như cạp.

Người xưa còn giáo dục **tinh thần đoàn kết** và cảnh tỉnh những kẻ ỷ lại vào tài năng sức mạnh của mình qua câu tục ngữ “*Mãnh hổ nan địch quần hồ*” (con cạp mạnh không thể chống lại cả bầy cáo). Lại có câu “*Cõi lên lưng cạp (khó xuống)*”- (Kỵ hổ nan hạ) nhằm chê trách kẻ thiếu suy nghĩ đã trót làm một việc liều lĩnh, nguy hiểm nên lâm vào thế tiến thoái lưỡng nan.

Nhưng câu tục ngữ về cạp đáng để chúng ta suy ngẫm nhằm nêu cao phẩm giá, chân lý sống tốt đẹp mà ông cha ta để lại: “*Cạp chết để da, người ta chết để tiếng*”. Con cạp tuy chết đi vẫn còn bộ da quý giá. Tương tự như con người dẫu chết đi vẫn để lại tiếng tăm (tốt hay xấu) muôn đời “*Trăm năm bia đá thì mòn; Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ*”.

*Bài học từ văn hóa dở - xấu

Người xưa còn mượn hình ảnh, tập tính của cạp để rút ra bài học về văn hóa dở - xấu để phê phán, để răn dạy người đời.

Cạp là loài thú ăn thịt, từ thịt thú vật đến thịt người.

Cái quy luật “mạnh được yếu thua” do chúa sơn lâm cần cân nẩy mực. Đó là một thứ *luật rừng*. Một con cạp trung bình có thể ăn từ 20–30 kg thịt một ngày (gồm heo rừng, nai, bò rừng, dê, cừu) và có thể nhịn ăn lâu ngày. Riêng chú cạp trưởng thành có thể nhịn ăn tới 1-2 tuần. Sau đó tiêu thụ đến 35 kg thịt cùng một lúc. Cạp là loài vật có răng nanh dài nhứt trong họ mèo, lên đến 7-9 cm, có thể gặm tới xương mọi loài động vật và xé, xẻ thức ăn một cách dễ dàng. Chúng *xé mỗi rồi ngủ yên*, coi đó là chuyện bình thường như *trời sanh voi sanh cỏ*. Cạp tơ thường ăn thịt tươi. Cạp già khoái ăn thịt ươn. Vì cạp “ăn như hổ” (dĩ nhiên) nên khi thiếu thức ăn, chúng tìm đến thịt người như bài *Về mười hai con giáp* dẫn trên. Trong cuộc Nam tiến, dân tộc Việt đã “phá sơn lâm” giành đất giành rừng xâm phạm tới lãnh địa của chúa tể rừng xanh, gặp cạp phải đánh đuổi cạp, bắt cạp, giết cạp nên là kẻ thù của cạp. Cạp trả thù rất tàn khốc. Một khi thú tính nổi dậy, chúng có thể xé xác, ăn tươi tới mấy chục người. Có con cạp thành tinh như Cạp Ba Móng ở chiến khu D rất dã man, có thể giết và ăn thịt tới hàng trăm người!

Cạp không có một tình yêu chung thủy. Hiếm khi cạp có được một mái ấm gia đình. Chúng cũng biết «yêu» như muôn loài, nhưng cách yêu của vị chúa tể rừng xanh thật độc-lạ. Là loài độc cư, chỉ đến thời kỳ giao phối chúng mới đến sống cùng nhau. Chúng không có thời gian tìm hiểu, hẹn hò, thể thốt. Thời kỳ động dục của cạp diễn ra từ tháng 11 đến tháng 2 năm sau. Cạp cái *rượn đực* có tiếng gầm vang xa tới 2 km để “quyến rũ” cạp đực, và chỉ “chăm” chàng trai nào dũng mãnh nhứt qua một

cuộc thi đấu quyết liệt! Đôi uyên ương cạp thường “làm tình” với nhau vào buổi sáng sớm trong lành và yên tĩnh. Mỗi ngày, chúng «gặp nhau» khoảng 2-3 lần, mỗi lần *hùng hùng hổ hổ* và cách nhau chừng 15 phút. Cứ như vậy, cuộc tình của chúng kéo dài chừng 4-5 ngày liên tiếp. Sau mỗi “cuộc tình” ngắn ngủi, cạp đực ra đi biệt biệt bỏ lại cạp cái sống thui thủi một mình. Đến khi “vượt cạn” cũng mồ côi một mình.

Trong ngôn ngữ dân gian, **người ta mượn văn hóa cạp để chê đủ thứ thói hư tật xấu** của người đời. Đầu tiên là thành ngữ “**Ăn cạp**”: không phải ăn thịt cạp, mà là ăn không phải trả tiền, ăn khén. Kế đến là “**Đọc cạp**”: tức mượn sách đọc không trả tiền mua (Tại các tiệm sách nổi tiếng ở Sài Gòn và các đô thị lớn, đội quân thiếu nhi ưa “đọc cạp” sách hằng giờ nhưng chưa chắc đã mua. Rồi đến đọc giả sinh viên, các cụ già cũng chăm chăm chú chú lật từng trang sách, hết cuốn nầy sang cuốn khác và chỉ chọn mua cuốn nào ưng ý). Sau đó là “**Coi cạp**”: coi hát (hát bội, hát cải lương) mà không mua vé. Theo nhà văn Sơn Nam trong quyển *Hương Rừng Cà Mau* thì cạp cũng mê coi “hát bội giữa rừng” và cho rằng coi cạp/coi hát cạp có lẽ bắt nguồn từ sự tích của mấy ông cạp hồi xưa. Nhưng tới thành ngữ “*Chuông cạp*” phải hiểu cả hai nghĩa: theo nghĩa đen tức là lồng, chuông để nhốt, giam cạp; theo nghĩa bóng là nơi nhốt tù chánh trị tại khắp các tỉnh thành. “*Chuông cạp*” còn nên hiểu là khám, xà lim- tức khu trại giam do Pháp xây dựng để giam giữ các chí sĩ yêu nước trong chiến tranh Việt Nam (Nhà tù Côn Đảo). Để ám chỉ những kẻ có thủ đoạn mượn thể kẻ mạnh đi hù dọa, lừa bịp người khác nhằm phục vụ mục đích riêng của mình, dân gian sử dụng thành ngữ: “*Cáo mượn oai hùm*”; phê phán sự giả dối: “*Bán chó buôn hùm*”; đả kích những kẻ nói năng hùng hổ nhưng thực chất lại nhát gan, như: “*Miệng hùm gan sứa*”; rồi tách chủ quan, vô tình tạo cơ hội cho kẻ ác hoành hành: “*Thả cạp về rừng*”.

Người xưa còn mượn văn hóa cạp để đả kích **thói mê tín dị đoan**. Trong khoa bói toán, người ta “ngán” nhứt tuổi Dần. Theo quan niệm xưa, con gái tuổi Dần thường cao số, bị gán cho là “con cạp cái” giống như *hũ mắm thúi* trong nhà, nên rất khó lấy chồng (?). Đã có biết bao đôi nam nữ yêu nhau thắm thiết

phải tan vỡ vì mê tín dị đoan xem bói toán và được các thầy (thầy tướng, thầy số) phán: khắc khẩu, không hợp tuổi, hợp mạng, xung khắc bởi cái tuổi Dần “vô duyên” này. *Câu hát huê tình* ở Lục tỉnh dưới đây đã nói lên lý do các cuộc tình duyên lỡ làng:

Giáp, Ất, Bính là tam bất hợp

Dần, Thân, Tị, Hợi tứ hành xung

Khuyên anh hãy xét lại cùng

Hiệp hôn giá thú em sợ trùng không nên.

Nhưng với ý thức phản kháng thói mê tín dị đoan, chàng trai miệt vườn bất chấp mọi trở ngại hiểm nguy, quyết một lòng son sắt với người mình yêu, thể hiện qua ca dao:

Miền bậu đành ừ, Qua chẳng từ lao khổ

Dầu đăng sơn cầm hổ, Dầu nhập hải tróc long

Trước sau giữ trọn một lòng

Vào lòn ra cúi, anh cũng đành lòng theo em.

(Đăng sơn cầm hổ, nhập hải tróc long: Lên non giữ lấy cạp, xuống/vào biển bắt rồng).

Chưa hết, trai gái miệt vườn cho rằng hôn nhân do trời định nên nguyên rửa mấy ông thầy nầy bằng câu “*Hùm tha sấu bắt*” cũng như mượn “cạp vật”, “yêu nhai” chúng:

Cạp mà vật mấy ông thầy địa

Yêu mà nhai mấy chú chọn ngày

Trở trâu họ khéo đặt bày

Mình thương nhau thiệt ông trời định đôi!

Còn rất nhiều điều thú vị về cạp, về văn hóa cạp, chúng tôi xin tạm dừng nơi đây. Duy có điều cần nhấn mạnh là người xưa đánh cạp, diệt cạp xong thì lập miếu, tạc tượng mà thờ một hình thức *tín ngưỡng dân gian*. Ngoài thú tính- thường là dã man, cạp cũng có nghĩa, biết ơn và trả ơn người đã cứu, giúp mình. Trong thời đại “đạo tặc” lên ngôi, từ *tin tặc*, *định tặc*, *dâm tặc*, *y tặc* đến *cẩu tặc*, *địa tặc*, *sa tặc* (*cát tặc*), *sơn tặc*, *lâm tặc*, *hải/thủy tặc*, *không tặc* rồi *dịch tặc* (Covid-19), *Hán tặc*..., còn có loại “*Hổ tặc*” cần phải nhắc tới trong bài này. Bọn “*Hổ tặc*” đã tìm mọi cách săn cạp, giết cạp bất chấp khuyến cáo của Quỹ Bảo tồn Thiên nhiên Thế giới (WWF). Mục đích của họ nhằm

mưu cầu lợi lộc riêng bởi họ tin rằng bất cứ bộ phận nào của con cạp cũng đều có vị thuốc, làm đồ trang sức đắt tiền, đôi khi dùng để luyện bùa ngải. Theo Đông y, *Râu cạp* (Hổ tu): trị nhức răng, tăng cường sức khỏe và chế thuốc độc. *Thịt cạp* (Hổ nhục) trị sốt rét, bổ thận, tăng lực. Một chén cháo thịt cạp ở Đài Loan bán ra với giá 320\$US. *Răng cạp* (Hổ nha, Nanh cạp) dài từ 7-9 cm, dùng làm đồ trang sức đeo ở cổ để trừ tà ma, đạn bắn không trúng (?). Răng cạp được dùng để trị bệnh dại, hen suyễn, đau ở “thằng nhỏ”. *Xương cạp* (Hổ cốt) xay thành bột, ngâm rượu (Cao Hổ Cốt), nấu cao trị phong thấp, viêm khớp, làm lành xương gãy, kéo dài tuổi thọ, bổ thận cường dương, ông uống bà khen liền! Chính bọn “Hổ tặc” này đã góp phần làm tuyệt chủng loại động vật hoang dã quý hiếm như cạp- điều mà thế giới đang báo động song song với việc bảo vệ môi trường.

Để bán buôn mua vui trong đại dịch cúm Tàu, ngoài việc phục vụ món ăn tinh thần, người viết xin chúc quý bạn đọc một năm mới Nhâm Dần an khang, cường tráng như Cạp, mặc dầu chưa, và cũng không nên uống rượu Cao Hổ Cốt!

NGUYỄN KIẾN THIẾT

Canada, Tết Nhâm Dần 2022

**Thị quá*: thiệt quá, đích thị, quả đúng như thế. *Sơn trường*: Ám chỉ đại đồn điền ở vùng rừng núi, do triều đình tổ chức từ đời Lê, để quy tụ số lưu dân và những tội nhân bị đày lưu viễn đến khẩn hoang.

***Phá sơn lâm, đâm Hà Bá*: Sơn lâm là rừng núi; Hà Bá là vị thần cai quản sông trong tín ngưỡng đạo giáo. Xưa kia ven sông thường có đền thờ Há Bá để cầu cho mọi người không gặp nạn trên sông và bắt được nhiều cá. “Phá sơn lâm” là phá rừng, xẻ núi, đốn củi, khai hoang. “Đâm Hà Bá” là làm nghề chài lưới ở sông, biển. Câu tục ngữ trên ám chỉ việc xúc phạm đến thần núi (Cạp) và thần nước (Sấu).

NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI

Khúc tình của hai người

(một)

Cuối cùng , em đã đến ...

Trong buổi chiều nhập nhoạng tối , anh mơ hồ thấy em ngồi cạnh anh, gương mặt cúi xuống, bóng tối phủ đầy trong đôi mắt em có một chút gì đau đớn lẫn thê thiết . Có phải em đang nhìn anh ? Có phải từ khoé mắt kia sắp ràn rụa những giọt lệ nóng. Đừng khóc, em . Đừng khóc . Chẳng phải từ bắt đầu chúng ta đã đi qua, đã ngập ngựa trong những dòng sông nước mắt ?

Lúc ấy, Anh thật sự, khao khát muốn nắm tay em, muốn xiết những ngón tay kia, xiết chặt trong bàn tay già nua xương xẩu của mình.

Những bàn tay quần quít bàn tay, như ngày xưa ..

Ngày xưa .. Sao bây giờ, anh chỉ toàn nhớ những chuyện ngày xưa, tưởng như, sau những vật vờ biến chứng của bệnh tật, mọi trí nhớ bình thường của con người đã rời khỏi anh, duy chỉ mảnh ký ức về em thì lại luôn vá vúi, bám chặt mỗi khi anh tỉnh lại, dù chỉ đôi khoảng khắc sau cơn mê muội bởi thuốc, anh lại thấy em, rõ mồn một, gần gũi mồn một như mùi hương tóc bồ kết ngọt ngào ấm trên vai anh, ngày xưa , xưa lắm .. thuở anh và em thời mới lớn cùng nắm tay bước vào thế giới tên- gọi - tình - đầu .

Anh tin. Em à. Anh tin rằng, mỗi tình đầu ấy mãi mãi bất diệt trong trái tim son trẻ của chúng ta .

Hình như có gì đó vừa lẫn trên gò má nhăn nheo của anh. Nó là gì nhỉ. Những sợi tóc ? Những giọt nước mắt tình nhân ? Anh không biết, em ơi. Anh thật khao khát được cầm lấy tay em, được ôm gương mặt yêu dấu kia áp sâu vào ngực anh, được nói trăm lời thương nghìn lời yêu ..

Nhưng .. thân thể tàn tạ này hình như không còn thuộc về anh nữa.

Mặc anh khẩn cầu gào khóc, mỗi ngày anh thấm thía từng phần từng khúc đang giã giụa đành đoạn lìa bỏ anh ..

Em có hiểu không ? Mỗi khi sắp rơi vào hôn mê, anh lại thấy thế giới bên kia mỗi ngày mỗi gần gũi hơn, nó tha thiết thúc giục đến nỗi, anh thấy mình hăm hở bước tới, anh không muốn tiếp tục sống trong chịu đựng đau đớn, đau đớn không chỉ riêng anh mà còn các con của anh. Đôi khi anh sợ hãi , tự hỏi . Mình sẽ chết như thế nào ? Cái đau sẽ kéo dài bao lâu và điều gì đang chờ đợi anh phía bên kia cánh cửa ?

Nhưng ngay cả những lúc ấy, trái tim anh lại khao khát sống, bởi, anh chưa bao giờ bù đắp cho em dù chỉ một giờ, một ngày nếm trải hương vị của hạnh phúc.

Thật khốn nạn, thân anh.

Cuộc tình của chúng ta buồn quá phải không em ?

Thê thiết quá !!

Chúng ta, từ bữa em tiễn anh về thành phố, đã qua bao nhiêu năm, em còn nhớ không ?

Có phải hơn nửa thế kỷ anh và em dù đã lìa nhau nhưng tận cùng trong góc khuất của trái tim, mỗi ngày ta luôn thổn thức về nhau.

Đau đớn quá, phải không em ? Mà cũng tội nghiệp cho em nữa.

Không ai trách ai tại sao chúng ta phải chia tay. Chúng ta không thể quyết định và chọn lựa cho cuộc sống của chính mình bởi hồi ấy chúng ta còn quá trẻ, quá trẻ để có thể can đảm đương đầu với những va chạm khắc nghiệt thực tế mà cuộc đời mang lại. Và chính tuổi trẻ nông nổi, những quyết định nông nổi đã đẩy anh và em đi về hai phía

Phía nào, với anh, với em cũng ngập ngụa nước mắt, cũng trùng trùng đang dở.

Mình có hối hận về điều đó không em ? Có, anh nghĩ là, rất nhiều lần mình ước ao trở lại từ đầu, làm lại từ đầu, hoặc chấp nối lại đoạn đời dang dở, nhưng, cũng như thời tuổi trẻ, chúng ta luôn đứng ở ngã ba đường, lo sợ, phân vân, mệt mỏi và quan trọng hơn, khi đến chừng ấy tuổi, ta sợ làm gánh nặng đời nhau ..(hay tình yêu của chúng ta đến chừng tuổi nầy đã cùn mòn mọi

cảm xúc ? Và nhu cầu có nhau đã nhạt nhoà dưới lớp sơn phết thời gian ?)

Anh không còn bao nhiêu thời gian để có thể, nhìn ngắm em sau tròng mắt mờ đục, dùng chữ “nhìn ngắm” chỉ là cách ví von, em biết không, vì em ở đó, gần lắm bên anh mà sao với anh, xa vời với xa ..

Em à . Có phải ngoài kia là hoàng hôn không em ? Em hỏi sao anh biết. Anh nghe tiếng động của nó, hoàng hôn ấy, chập rây ung dung mà cũng rất đáng sợ, vì bao giờ sau cái tiếng động ấy, anh bắt đầu rơi vào hôn mê. Không, không phải hôn mê mà là bóng của đêm tối . Nó đặc quánh, không hình thù nhưng rất ám chướng nặng nề . Thường, nó đè ngấu nghiêng trên ngực không cho anh thở, và sau đó, mọi thứ đều thành linh hồn tối tăm. Anh trôi chơi với, anh vùng vẫy nhưng càng vùng vẫy cái bóng tối đáng sợ quái ác ấy lại lôi anh vào vòm lưới chằng chịt và nó dìu anh xuống sâu hơn, sâu hơn và đột ngột anh rơi vào một chảo trứng khổng lồ không đáy .

Cũng không có gì gọi là đáng sợ

đâu em. Chỉ sợ là anh không tỉnh dậy nữa, và làm sao anh biết, em còn nắm tay anh và anh nghe tiếng em khóc ..

Em à. Anh muốn nghe lại câu hát. Em sẽ hát cho anh nghe chứ? Làm ơn .. Bài gì nhỉ ..

“ Anh vẫn biết yêu em là tuyệt vọng

Và vì sao anh vẫn cứ yêu em ..

Anh yêu em như rừng yêu thú dữ

Anh yêu em như rừng cây với gió

..

Tuyệt vọng. Cuối đời anh mới hiểu và thấm thía vô cùng hai chữ “ tuyệt vọng “

Và cuối đời anh mới nhận ra .. cuộc

sống này chỉ là phù du. Phù du.

Ngay cả khi người ta yêu nhau say đắm tưởng có thể sống chết vì nhau ..

(hai)

Cuối cùng, em đã gặp anh.

Em không thể tin, cái thân xác tàn tạ khô héo kia là anh.

Chỉ còn duy nhất ánh mắt quen thuộc dưới hốc mắt sâu nhân nheo để biết, thân xác tàn tạ kia là anh, là anh của em .

Em thật muốn khóc.

Chúng ta đã đi trên những con đường khác nhau, có bắt đầu, có kết thúc, hai cuộc đời nổi trôi không cùng điểm hẹn, chỉ duy nhất một điểm chung. Trái tim chúng ta từ giây phút đầu tiên đã thuộc về nhau .

Chính điều đó đã giữ em gượng đứng lên, đi tới và sống tiếp.

Em vẫn nuôi hy vọng, sẽ gặp lại anh một lần nào đó, chỉ gặp dù thoáng qua để biết trong cuộc đời này chúng ta vẫn còn tồn tại . Người ta đâu cần sống chung để biết thuộc về nhau .

Đôi lần em đi ngang qua căn nhà của anh. Căn nhà có giàn hoa tigon phơn phớt hồng môi thiếu nữ, chỗ bệ cửa những khuya anh chờ em, nó vẫn đó, có già nua hơn chút, bệ rạc hơn chút, nhưng nó vẫn sống đời đá vữa hỗn nhiên, mỗi ngày, đón nắng gió. Đôi lần, lâu lắm, em thấy má của anh ngồi trong chiếc ghế nhựa sợi xanh đỏ, bà phe phẩy quạt khươi chút gió trưa, thời gian sau mỗi ngày nhìn bà già hơn, còm rộm hơn, em không còn cảm giác ghét bà nữa, chỉ là một chút ảm ức lần anh đưa em về, trong tia mắt của bà, em thấy sự khó chịu và ghẻ lạnh, và chính điều đó là bức tường đá khủng khiếp đã ngăn cách anh và em, em không thể vượt qua, và chính anh cũng không thể .

Tuổi trẻ và tình yêu đầu đời của chúng ta thuở ấy, bao năm vẫn ảm áp trong em những con đường tình nhân đầy hương thơm từ những đoá hoa tinh khiết. Từ hơi mát lỏng lẻo của biển sóng. Không trộn lẫn nghi ngại. Không xào nấu lo âu.

Chỉ khi chúng ta lớn lên, chúng ta, đã bước hụt vào một trong trăm nghìn ngã rẽ đời sống.

Nhưng, khi bước vào đời và vấp ngã bởi thực tế, chúng ta mới nhận ra rằng. Nếu chúng ta cứ chăm chăm ôm lấy cái bóng của quá khứ thì suốt đời chỉ nhận được trái đắng của dằn vặt đau khổ mà thôi. Từ lần ta chia tay, cánh cửa trái tim của em không bao giờ mở lần nữa, nó rỉ sét, ung nhọt, nó đã theo anh lui tàn chết dần mòn trong tuyệt vọng. Và hàng triệu lần trong nỗi thất vọng, em vẫn tự hỏi, tại sao ta lại chia tay, tại sao nông nổi ?

Nói cho em nghe. Anh có bao giờ, thật sự hiểu rõ ràng tường tận tiếng nói từ trái tim. Có bao giờ nhìn lại để hiểu thấu, người ta chỉ có một thời để yêu, một thời để sống và tàn nhẫn biết bao khi bỏ lại sau lưng mọi thứ mà không hề cố gắng để giành lấy cho mình ?

Hoàng hôn rồi đó anh. Và bóng tối sắp phủ ập nơi chốn này. Bàn tay anh vẫn trong tay em. Nó gầy guộc xương xẩu như không còn sức sống. Nó co quắp như dáng anh nằm. Khổ thân anh. Khổ thân em.

Bàn tay ấy .. hình như đang lạnh dần.
Lạnh dần...

(ba)

Cuối cùng. Anh đã đi xa.

Rồi cũng đến chặng cuối, kết thúc một chuyến đi. Lặng lẽ.

Không bất ngờ.

Một đời người. Dù biết, sớm hay muộn điều đó sẽ xảy ra. Em sẽ mất anh như đã mất từ nhiều năm về trước .. Dù vậy, trái tim em lần nữa, như vỡ tan từng mảnh.

Ôi, trái tim già nua tội nghiệp của em , vì anh, nó đã sớm tật nguyên từ khi còn rất trẻ ..

Đau đớn . Đau đớn tận cùng.

Không còn giọt nước mắt nào để em khóc tiễn anh, nó đã trôi ngược vào tim ngập ngụa trong da thịt em, nó gậm nhấm từng tế bào, từng mạch máu làm run rẩy tận cùng chân tóc. Làm sao em có thể nói, với anh, em yêu anh biết bao nhiêu ..

Em. Trong những lúc tuyệt vọng nhất, đã nương tình yêu của anh mà sống sót mà bươn chải.Đâu đó, khi nghĩ về anh, em biết rằng, đâu đó, em còn có anh , thở chung một bầu trời, gửi cho nhau những nỗi nhớ dù xa xôi thăm lạnh nhưng, cái cảm giác gần gũi ấy em còn có thể sờ mó được, còn nắm được, còn

bồi hồi, còn run rẩy khi trái tim đang đập nhịp thốn thức.

Khi bước qua cánh cửa của đời sống khác, anh có bình an không.

Em nghĩ là có vì anh đã bỏ lại trần gian những đau đớn bởi bệnh tật triền miên, và dù sự giải thoát nào cũng phải đánh đổi bởi vô vàn đau thương nuối tiếc nhưng ít ra, anh đã ngừng lại trong khi em vẫn phải đi tiếp sống tiếp cuộc đời khốn khổ ở thế gian này. Cái gánh nặng này, đâu còn ai để chia xẻ cùng em, dù chỉ là lời than thở và cái nắm tay ngậm ngùi.

Anh. Hãy mang theo cùng anh mối tình thơ dại của chúng ta, những nụ hôn đầu đời thơm mùi hoa cau, hoa sứ, và khi trái hoàng hôn chỗ nằm, đắp trắng sao bóng tối ..Nhớ, giữ dùm, giọt nước mắt em hôm nào rơi vụng về trên bàn tay anh lặng lẽ.

Nhưng anh à, hình như buổi chiều hoàng hôn ấy, chúng ta chưa hề nói lời chia tay .

Chưa hề.

Phải không anh .

NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI

TRÂM PHỤC KHẮC

hòa tan cùng Thượng Đế

Có những người đàn bà không đến hẳn
không đi hẳn
dang rộng đôi tay quấn chặt lấy làn hương
ở giữa
rồi lặng biến vào đêm tối ẩm
tuyệt đối lặng im tuyệt cùng tối ẩm
bỏ mặc bọn đàn ông gần với bộ óc nửa thông minh
nửa điên rồ
bàn bạc nhau về những phương thuốc chữa bệnh
cho nhân loại

.
có những người đàn bà không sướng hẳn
không đau hẳn
đôi chân dặng ra quấn chặt lấy vết thương
ở giữa
rồi lặng ứa giọt máu thơm cuối cùng
tuyệt tích đau tuyệt cùng ám ảnh
lên đóa môi
ngàn đóa môi cháy nở
bỏ mặc bọn đàn ông cổ cồn cà vạt đang cãi cò
nháo nhào
cho đúng điệu bầu cua của những tay nát rượu

.
có những người đàn bà
vô số đàn bà hết thầy đàn bà
không thiên thần
không ác quỷ
tuyệt đối lặng im tuyệt cùng tối ẩm
họ ban phát sự sống nuôi nấng sự sống

và lìa xa sự sống
họ lìa xa
tuyệt tích đau
tuyệt cùng ám ảnh
xin hãy thông cảm cho
những ai không phải là thượng đế
họ chỉ là kẻ ban phát bào thai nuôi nấng trẻ con
và bỏ rơi
êm ái bỏ rơi những kẻ gàn
vô số kẻ gàn vô số bọn cổ cồn cà vạt
và hết thấy những tay nát rượu

·
họ là ai mà họ quyền uy họ oái ăm
và họ đơn giản thế
đừng tưởng rằng họ chỉ là cái xương sườn
ở bên cạnh trái tim
một sáng kiến của thần linh
hay chỉ là món quà ăn năn từ thượng đế

·
họ chẳng bao giờ là tác giả của viên thuốc nào
có khả năng chữa bệnh cho nhân loại
họ chính là viên thuốc thần bí
không phải để chữa lành mà để
hòa tan
họ hòa tan mọi phương thuốc đã làm nên
dòng sông ngăn cách giữa
trần gian và thượng đế
họ
không đến hẳn không đi hẳn
không đau hẳn không sướng hẳn
không thiên thần không ác quỷ
họ chỉ hòa tan
họ
gắn với thượng đế hơn là trần gian vẫn tưởng

TRẦM PHỤC KHẮC



NGUYỄN ĐỨC TÙNG

cái hộp giấy

Vừa lái xe ra khỏi siêu thị chiều thứ bảy trước lễ Giáng sinh, tôi giật mình nghe tiếng kêu lớn của một gã lái xe chạy vụt qua. Giật mình, không hiểu hẳn nói gì, tôi đoán là tiếng chửi thề của bọn thanh niên nóng tính lúc kẹt xe. Trời cuối năm bỗng lạnh gắt trước khi đổ tuyết đầu mùa, trong khoảng vài giờ ấy sương bay mờ ảo, sáu tháng sau ngày tôi lấy bằng lái xe. Chạy thêm một quãng, lần này một chiếc xe hơi thể thao màu trắng ghé sát vào, chậm lại, cô gái ngồi trên ghế trước bên phải quay hẳn kính xuống, la: Cái hộp! Cái hộp của mày trên trần xe! Tóc cô quăn cao, ngắn cổ cao, môi son đỏ chói. Tôi hấp tấp tạt vào lề. Quả nhiên một cái hộp giấy cạc tông lớn nằm ngay ngắn trên trần. Đó là cái hộp không. Tôi vói tay lấy xuống, cất vào trong xe. Hồi ấy bà con dùng hộp giấy cạc tông cứng để đóng thùng gửi thuốc và quà về Việt nam. Những người muốn giúp đỡ gia đình, hay gặp rắc rối trong việc gửi tiền mặt, phần vì hệ thống chuyển tiền chưa thuận tiện như bây giờ, phần vì sự phản đối trong dư luận cộng đồng. Cách tốt nhất là gửi thuốc Tây, lý do nhân đạo, vẫn dễ. Ngày nghỉ cuối tuần, khi không đi câu cá hay học nhảy đầm với bạn bè, không lai rai uống bia trong các pub house, tôi cắm cúi vào hiệu thuốc tìm mua đủ loại, nhét đầy hộp. Đối với kháng sinh và thuốc đặc biệt, tôi phải đến bác sĩ xin toa vì không thể mua ngoài thị trường. Những thứ khác, nhất là dầu nước khuynh diệp xanh lá cây hiệu con ó sản xuất ở Mỹ, thơm cay mắt, hay dầu mỡ hiệu con khỉ trắng ôm trái đào, tôi mua tự do. Tôi nhìn đi nhìn lại dòng chữ trên cái hộp dẹt tròn nhỏ xíu, “white monkey holding a peach”, phì cười, cảm động. Ở biên giới Thái, khi ngã bệnh sốt, tôi được một người bạn nay đã xa tặng

chai dầu này. Tôi mua sẵn nhiều đợt khi có tiền, để dành, gởi lẫn hời. Người nhà tôi bị bệnh gì mà phải dùng đến dầu thơm, kháng sinh, steroids, thuốc nấm móng tay, trị lao phổi, thuốc chống ung thư, chống trầm cảm, chống mập phì, chống hoa liễu, chống ngứa, chống liệt dương, nhiều đến thế?

Họ chẳng có bệnh gì cả. Mà nếu bệnh, họ cũng chỉ uống thuốc rẻ cây, uống nước rau má, xuyên tâm liên, xông hơi lá chanh lá sả, chứ chẳng hề dám nghĩ tới thuốc Tây sang trọng. Đến tay người nhận, chỉ vài hôm sau thùng thuốc đã nằm ngoài chợ trời. Ôi chợ trời. Tôi đã đi qua Hàm Nghi, dọc đường Nguyễn Huệ, Lê Thánh Tôn, chợ Cồn Đà Nẵng, Hồ Nai, Tây Lộc Huế, chợ Đông Hà. Ở đâu chợ trời cũng nhộn nhạo, vui vẻ, nhộp nháp, khẩn trương, đầy vẻ hoan lạc. Người đã nuôi sống bao nhiêu người khổn khổ, cứu mang nhiều kiếp lạc loài. Bao người lương thiện nhờ người mà sống sót, bao kẻ lưu manh nhờ người mà thành quý tộc, hời chợ trời? Xếp hàng bưu điện cuối năm đông người, vật lộn với những thùng giấy, những sợi dây bện, những cuộn băng keo đến toát mồ hôi, luống cuống cân đo, bị cô nhân viên mặt đầy mụn trứng cá đã xấu lại còn khó tính hay vì xấu mà sinh ra khó tính tôi không biết bắt trả đi trả lại vì ghi sai địa chỉ, ghi sai thủ tục, trả tiền lệ phí, ra khỏi bưu điện trong siêu thị, tôi thở phào mừng quýnh. Nghĩ đến những người thân sắp nhận thùng quà của mình, tôi vui quá nên quên trước quên sau chứ thường ngày tôi không đến mức vụng về. Nghĩ đến quang cảnh tòa nhà Bưu điện Sài Gòn sơn xanh, cũ, nhưng uy nghi, duyên dáng, với đàn chim bồ câu trắng bay lượn trước bức tượng trắng chiều mưa vừa tạnh. Mặt bàn cà phê nhỏ xinh bên kia đường dưới cây sứ bông nửa vàng nửa trắng, có mùi hành tỏi, mùi tương ớt của tô bún ốc ai vừa bùng đi. Nhớ người thiếu nữ sinh viên đại học sư phạm mái tóc đen tuyền thả ngang vai, chiều chiều đạp xe dưới hàng cây sấu đông qua trường đua Phú Thọ, về quận mười một, sắp nhận được cục xà phòng Camay thơm, gói kỹ, nhét trong hộp thuốc tây, tôi sướng rơn người. Rồi lan man nghĩ đến bức thư nhận được tháng trước của đứa cháu gái, con đầu lòng của ông anh họ đi tập kết. Thư kể: bốn tháng nay nhà cháu không có cái ăn. Em bé mới sinh, mẹ khát sữa không có gì bú, tối

nào cũng khóc kiệt sức, cháu đỡ mãi nó không nín. Con bé này đi học về liền ném cặp sách, xắn quần lội ruộng, mò cua bắt ốc, nhưng trời nắng hạn, bùn khô quánh lại, có gì ăn được thì thiên hạ đã bắt hết. Anh tôi là trưởng phòng công nghiệp huyện mà mấy tháng không lương. Đó là năm một chín tám mươi. Thỉnh thoảng trên đường ta nghe một người lái xe hét lớn: Nấp xăng! Nấp xăng bật ra! Dành cho một người lái xe có chuyện vội vàng quên đóng nắp xăng. Và khi chiều về, mặt trời tắt sau núi, bỗng nghe một người lái xe khác chạy vút qua, vui vẻ kêu lên: Ly cà phê! Ly cà phê của mày trên trần! Có thể đoán kẻ lái xe kia là một gã đãng trí, bị bệnh mất ngủ, thường uống cà phê. Hoặc hẳn ta là một xê xa nhà lúc ấy đang băng khuâng nhớ con đường hẻm, tưởng tượng thông thả đạp xe qua dưới hàng cây sấu đông tím một người năm cũ, tay áo sơ mi thả dài, thoảng mùi xà phòng Camay hay dầu cạo gió khuynh diệp?

NGUYỄN ĐỨC TÙNG

Danh ngôn:

Chỉ có hai điều là vô hạn: vũ trụ và sự ngu xuẩn của con người, và tôi không chắc lắm về điều đầu tiên.

Only two things are infinite, the universe and human stupidity, and I'm not sure about the former.

Albert Einstein

(1879 – 1955) Nhà vật lý lý thuyết người Đức đoạt giải Nobel Vật lý năm 1921, được biết tới nhiều nhất với phương trình $E = mc^2$

HUỲNH LIỄU NGẠN

hái hoa bắt bướm

1/

khi anh về căn nhà đóng cửa
vật nặng chiều còn vương vãi ở mái hiên
em đi vắng
cây rau tần ai cắt hết lá
nắng động chút heo may
trời vẫn buồn muôn thuở
lục bình hoa tím
trôi bâng khuâng trên dòng nước ngược
phía chân trời đỏ sẫm
vài cánh chim lẻ bầy

2/

anh xa nhà thuở mới chớm đông
mưa thấm thì rét ngọt
giềng hai em cơi áo mo cau
men lẩn theo lối cũ
bùn còn đọng gót chân
về dựa bờ vai lên cây mít
trái non lá rụng đợi đông tàn
chiếc nón lá che nghiêng
mưa trải qua ngõ cụt
gánh sông về đổ giếng nước trong
anh đi mưa không còn níu kéo

3/

lòng chưa chín nụ hồng lên màu áo
em mở bàn tay từng giọt
chảy về bến bờ sương khói đầu hôm
vài ánh sao đêm
tường đã khuất chìm
vừa rót xuống con đường xưa lá đỏ
như xa xăm giàn mướp đắng cuối mùa
gợi nhớ một làn hơi
cho em tìm thấy bốn

4/

thấy thời gian trên vũng nước đọng
mà màu trời còn thiếu dấu chân qua
em đưa vòng tay lên cánh cửa ngập ngừng
mở & đóng
đừng để lạc
màu trắng non chỉ ở cuối con đường
chẳng còn lơ lửng trên cây
bởi em chỉ nghiêng tay cho mưa ướt một lần

5/

một lần kia em nói anh về
cùng chia vui buồn lên hai bờ sương khói
cho sóng vỗ vào bờ
xóa tan đi những ước hẹn cũ mòn
quê đã khác
nên vắng trắng không còn trẻ nữa
và hơi nước đã bốc đi
những khoảng trống vắng của đời người
làm hơi thơm trọn hết nỗi khổ nghèo
để mỗi đêm phải canh gác từng cọng bèo
cho giấc ngủ được lên cây và mọc rễ
đánh dấu ước mơ vào giọt mồ hôi
vào từng nỗi nhớ mong manh
lúc gần sáng
tiếng chó sủa rên rang chờ trăng lên ngọn núi
em trở về
thương giấc mộng bên đèo
chưa thả xuống vực sâu

6/

mấy mươi năm con đường đã sửa lại
rộng thêm vài mươi mét
thì anh không còn trẻ nữa
để cùng em tung tăng hái hoa bắt bướm
buổi xuân về.

HUỲNH LIỄU NGẠN

VIÊN DUNG
mạch xuân

phút giây nào từ vô tận
rấn vào em
sức vô ngần
đựng cả màu xuân
lòng hưng phấn vô can

nói vênh, coi áo nịt
thay áo mới mẹ may, rõ ràng
vàng mai, đón con én liệng
phía sau miếng mẹ cười
xảy nét tiếc ngang

môi mẹ vô vàn hoa rung cánh
mừng con đẹp dáng, thấy xa tay
phận hoa lay, mai gả neo ngày
quàng eo, xoay nũng nịu
ở với mẹ thôi

không đâu, mẹ nói
hoa nầy tàn, hoa kia nở
thiên chúc trời mở traorồi con sẽ nổi
róc rách mạch xuân đào
đêm dậy thì mộng lung
dậy thì chi, khi nào khi ?

lọt mắt xanh anh họa sĩ
hay mình phải lòng ?
thả nghĩ ngẩn ngơ
đâu mà ngờ
đêm mộng mộng lung

đừng sẵn đón em thế, nhớ
ba má thấy
anh gì ơi, anh về đi
nhưng mà em thích
không thấy anh, ngày bút rút
thiếu giọng trầm, ý rất thương

đừng có mà như thế
cứ linh tinh, em được gì
ba má thấy, sẽ buồn
anh về đi
để bóng muốn, mới lạ lòng
anh về, chỉ sợ con bướm bay luôn

đêm dậy thì mộng lung
ngày vắng anh như thiếu con bướm đa tình
khơi điều em giấu kín
sợ ba má thấy
con bướm đa tình
đâu chỗ còn trinh

VIÊN DUNG

PHAN HẠ DU
cho em mùa xuân

Nắng xuân tràn khắp phố
Mai vàng bừng sắc xuân
Anh đào hồng đang thắm
Rực rỡ bên bao người

Dalat se se lạnh
Góc phố đủ sắc màu
Áo choàng che kín gió
Mắt mình tìm thấy nhau

Nắng xuân như trái lựu
Lấp lánh trời cao nguyên
Ánh mắt anh đắm đuối
Nhìn em mà thôi miên

Mình quen nhau từ đây
Lời yêu đã thiết tha
Mùa xuân còn bất tận
Ngóng mỗi chiều anh xa

Em giữ mùa xuân lại
Trái tim mình xôn xao
Nồng nàn qua hơi ấm
Từng nụ hồng anh trao

Xuân này ngày trở gió
Nỗi nhớ thêm cồn cào

lặng lẽ xa

Một ngày anh lặng lẽ chia xa
Nỡ mang cả mùa xuân theo mãi
Dịu nắng tắt qua ngày bãi hoải
Dã quỳ vàng đời hoang dại em ơi ! ...

Chỉ một chút thôi anh để lại
Cứ âm thầm cháy cạn trong em
Ai ! ... nuôi tiếc cuộc tình đánh mất
Trót ! ... tin yêu như cuộc trốn tìm

Anh có biết không nắng đường chiều
Cứ vàng núa giữ bóng anh theo
Một chút niềm tin em cố giấu
Chim nhỏ lạc đàn thảng thốt kêu

Bình yên em đợi sau cơn bão
Xuân lại chứa chan những nồng nàn
Em cố quên mối tình đã lỡ
Đủ mặn rồi , nước mắt chứa chan

Em nhận ngọt ngào từ cay đắng
Bình yên xuân mới giữa đêm trường
Mai lại nở vàng đầu ngõ đợi
Mơ màng đọng lại mấy lời thương ...

PHAN HẠ DU

TÂM THƯỜNG ĐỊNH



Huyền Không Sơn Thượng from: <http://margbangtam.blogspot.com/>

CÔI TRỐNG NHÀ THIỀN - MINH ĐỨC ... TRIỀU TÂM ẢNH

Minh Đức Triều Tâm Ảnh* là một tu sỹ Phật giáo, pháp hiệu là Giới Đức. Theo truyền thống Nguyên Thủy, tu sỹ Phật giáo Nam Tông thường gọi là Sư. Bên cạnh là một nhà thư pháp nổi tiếng của Việt Nam, văn thơ và mỹ thuật của Người phải nói là “có một không hai”. Ở đây, chúng tôi chỉ muốn cung kính giới thiệu đa phần là những bài thơ kết thúc bằng dấu chấm thang của nhà Sư mà thôi. Côi thơ của Minh Đức Triều Tâm Ảnh đặc thù, tĩnh lặng, mênh mông và thanh thoát. Không gian thơ của Sư là sự trải nghiệm, chứng ngộ, tỉnh giác và huyền không.

Tuy chưa đến Huyền Không Sơn Thượng lần nào, nhưng chúng tôi cũng thấy được côi thanh tịnh phiêu bổng đó qua hình ảnh và thi ca của người. Chúng tôi cũng được cơ duyên gặp và hầu trà với Sư và Hoà thượng Viên Minh tại Thiền Viện Diệu Nhân, Rescue, CA và tại chùa Kim Quang, thủ phủ Sacramento. Con người Sư bình dị, ung dung tự tại, với nụ cười hiền lành và đôi mắt tinh anh. Sư là bậc thạch trụ già lam của Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam hiện thời, chỉ nghe bài Hạnh Tu của Sư

thôi là chúng ta biết con người của Ngài.

Hạnh tu

nói ít, làm nhiều

Ở ăn biết đủ,

sớm chiều nhẹ thân

Công phu

giác niệm, tinh cần

Hoa hương của Phật,

thơm gần, thoảng xa (Đá, rác và cỏ thơm. Tập 3, trang 8).

Âu đây cũng chính là lời dạy dỗ và nhắc nhở của Sư dành cho hàng đệ tử tại gia. Chúng ta hãy lắng nghe nhà thơ Tâm Nhiên viết ở đây để biết thêm con người và cõi tịnh - Huyền Không Sơn Thượng, “*Minh Đức Triều Tâm Ảnh lên núi cao, vào tận rừng sâu heo hút Hòn Vượn, chọn một khu đất hoang sơ rộng rãi có triển đồi, hồ nước, lập nên phong cảnh Huyền Không Sơn Thượng. Bằng con mắt thẩm mỹ, dưới bàn tay nghệ sĩ sắp đặt tài tình đã biến nơi hoang dã, thiên nhiên thành cảnh trí thanh nhã đẹp lạ lùng. Giữa khung cảnh núi rừng tịch mịch, tĩnh lặng, thấp thoáng vài mái thảo am, ẩn hiện mấy nhịp cầu ván gỗ qua hồ nước xanh ngát, phát phơ trúc biếc, thảo hoa và có lẽ đó cũng là một tác phẩm nghệ thuật tuyệt vời, ấn tượng nhất ở nơi sơn cùng thủy tận này. Hồn thơ, hồn nhạc hòa quyện cùng hồn thiêng sông núi mỹ lệ, để thi sĩ tiêu dao ngày tháng từ thuở nọ cho đến bây giờ. Thơ và hơi thở cùng chan chứa giữa lòng núi trẫm sâu tĩnh lặng...*” mà chính nhà thơ Tâm Nhiên cũng thốt.

‘Bước chiều phiêu lãng ngàn mây trắng

Lặng cảm điều chi quá diệu thường.’

Sự diệu thường ở cõi thơ của Sư là sự trải nghiệm và chúng ta; là sự ‘Hóa Ra’.

Hóa ra chỉ thở và cười

Là trăm niềm nổi

Một đời xa bay

Hóa ra

*Tĩnh thức phút giây
Là ta thấy rõ
Mặt mày chưa sinh!*

*Rồi Sư vẫn thông dong thẳng tay vào chợ.
Lỡ tay
Rớt xuống cuộc đời
Loay hoay số phận
Khóc cười đầu hiu
Bến sông
Còn chiếc đò chiều
Bạt ngàn sương nước
Liêu xiêu bóng người!*

Kể đó thì Sư dùng tất cả các pháp làm phương tiện để giáo hóa chúng sanh, giúp tam đồ thoát khỏi khổ đau chồng chất. Sư ‘Mượn chữ’ làm phương tiện, như con đò đưa khách qua sông hay ngón tay chỉ mặt trăng vậy.

*Rong chơi miễn bụi trắng
Tờ trăng vàng
Pha lẫn khói sương xanh
Tay muốn hái
Thơ xưa rơi biển lặng
Nghe nổi buồn
Ngôn ngữ vỡ lạnh canh!*

Như bao nhiêu vị cao tăng thạc đức khác, Sư luôn là những kẻ lữ hành đơn độc---đi ngược dòng để hoá độ chúng sanh trong cõi u minh--mà tâm không hề nhiễm, vẫn thông dong tự tại quá giang làm trọn bốn phận của bậc ‘Tác như lai xứ, hành như lai sự’ trong cõi tạm này.

*Bóng ta
Đi lộn ngược đầu
Chân dài theo vết
Qua cầu cắt đôi*

Nửa này
Cát bụi rã rời
Nửa kia
Đón chiếc mây trời
Quá giang! (Bóng Ngược)

Và Sư vẫn lạc quan, tích cực trên con đường hoàng dương chánh pháp, để rồi, Sư thấy sự huyền diệu của Bất Nhị, như bài thơ ‘Chiếc lá và giọt nước’:

Xanh xanh
Chiếc lá nhân sinh
Hôm qua giọt nước
hữu tình đến chơi
Vì thương
sa mạc lòng đời
hóa vãn
tình lọc
chữ đời nguồn trong!

Nguồn trong vắt đó, cái tâm trong sáng, cái tâm bồ đề bất thối chuyển đó là động lực để Sư tiếp tục thông dong hành đạo trong cuộc đời. Rồi Sư cũng nhận ra, như Kiba--nhà thơ Nhật, rằng:

*My old body:
A drop of dew grown
Heavy at the leaf tip.*

Thân già
Rồi cũng vô thường
Phù du
Như một giọt sương
Đầu cành (Toại Khanh dịch).
Hay qua bài “Dặm không” mà Sư đã lãnh ngộ và bảo rằng:
Mãi mê
Giữa chốn chợ chiều
Vai đau, tóc lấm
Đã nhiều gian truân
Ta bèn

*Rũ áo, phủi chân
Dặm không dừng đỉnh
Chiếc thân nhẹ hều!*

Trong chuỗi dài năm tháng của quán trọ trần gian, Sự
chợt nhận ra rằng vạn pháp vốn là “Nhu”

*Như mây
Lãng đãng sông dài
Và như hoa nắng
Trên vai ửng màu
Và như
Tóc trắng trên đầu
Hạo nhiên gót liễu
Qua cầu nhân sinh!*

để rồi “Tình không”

*Trần gian
Trăm việc tạm quên
Thơ để góc núi
Đầy hiên nắng vàng
Gió trắng
Thế sự không bàn
Giấc thiền lặng lẽ
Nhẹ nhàng tình không!*

Tự nhiên, chúng tôi lại nhớ “Một chữ Nhu” của ngài
Phước Hậu. Không biết chúng tôi có trùng hợp ý nghĩ về bài Thi
kệ cuối cùng của Tổ không?

*Nguyên văn bài Thi kệ Ngài dạy:
“Kinh điển lưu truyền tám vạn tư,
Học hành không thiếu cũng không dư,
Đến nay nghĩ lại chùng quên hết,
Chỉ nhớ trên đầu một chữ NHƯ.”*

Mà chữ Như này có lẽ là tinh thần, “Tác Như Lai
Sứ, Hành Như Lai Sự”, là một chữ chiết trong danh hiệu Như Lai,
vô cùng thâm thúy và mầu nhiệm. Mà danh hiệu Như Lai của
Phật có đến Mười hiệu. Đó là: Như lai, Ứng cúng, Chánh biến

tri, Minh hành tục, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật (Thế tôn).

Cõi thơ của Sư đó như “Giác thiền lặng lẽ / Nhẹ nhàng tình không!” như chính Sư đã và đang trải qua vô lượng kiếp:

“Hôm qua mộng thấy tụng kinh
Tỉnh ra mới biết chính mình là trăng
Bao nhiêu cát của sông Hằng.
Là bấy nhiêu kiếp đã từng tử sinh”

Vậy Sư cũng đã chứng ngộ rồi còn gì?

Qua sông bèn gọi con đò
Nôn nao lá rụng hai bờ sắc không
Qua sông giữa cuộc phiêu bồng
Mới hay trăm sự trắng lông nước xuôi

Riêng cá nhân chúng tôi / chúng ta, cũng chỉ là ‘hạt bụi viễn khách ly hương còn dính đầu đó ở cầu sương, điểm cỏ...’ như lời của Sư viết cho Thơ Toại Khanh. Vậy xin được mạn phép ghi lại đây bài thơ Không Đề, khi chúng tôi có cơ duyên hầu chuyện cùng Sư thay cho lời kết của bài viết CÔI TRỐNG NHÀ THIỀN - MINH ĐỨC TRIỀU TÂM ẢNH.

KHÔNG ĐỀ - WITHOUT TITLE

Kỷ niệm buổi sáng hầu chuyện cùng thầy Minh Đức Triều Tâm Ảnh

*Nắng mai vàng hoe
một áng mây lành
thong dong*

*Huyền trúc nhẹ lay
in hình mặt đất
vô sanh*

Thiền Viện Diệu Nhân

June 9th, 2013.

WITHOUT TITLE

A golden sunny ray
a fresh white cloud
freely sauntered

The leaves of bamboo
dancing with the gentle wind
their shadows reflect on the ground

No beginning and no ending.

Dieu Nhan Zen Monastery
Rescue, CA.

Kính bút

TÂM THƯỜNG ĐỊNH

*Minh Đức Triều Tâm Ảnh là bút hiệu của tỳ kheo Giới Đức, là một trong những người sáng lập[1] ra chùa Huyền Không (Huế) từ mái chùa lá ở đèo Hải Vân trước năm 1978. Ông là một nhà sư giỏi thơ văn, am tường hội hoạ và trang trí mỹ thuật và là một cao thủ cờ tướng từng đánh bại một số kì thủ quốc gia. Đồng thời ông cũng là một trong những người nổi tiếng về nghệ thuật thư pháp tại Việt Nam những năm cuối thế kỷ 20 đầu thế kỷ 21. (Nguồn: <http://tinyurl.com/TrieuTamAnh>)

LÊ HỮU MINH TOÁN
xuân già

Giữa ngày Xuân cỏ non
Mùa Đông già chợt đến
Nghìn xác pháo gây mòn
Theo suối buồn không hẹn

Ta đau vùi chiều nay
Xót xa niềm tủi hổ
Người giàu sang chân mây
Ta phận người cùng khổ

Nên chung một dòng sông
Vẫn hai bờ cách biệt
Người nhìn ta lạnh lùng
Người nhìn ta khinh miệt

Đường đêm dài lê thê
Nồng cay luồng gió chướng
Xuân ta mãi chưa về
Vết chàm đau rát bỏng

Ta đứng trên đỉnh trời
Cùng hư vô độc thoại
Nung sôi giọt lệ đời
Cho no nê hờn tủi

Thà cho ta rượu độc
Tiêu tan hết ưu phiền
Còn hơn lời mật ngọt
Mà nhìn ta rẻ khinh ...

@ LÊ HỮU MINH TOÁN

NGUYỄN ĐÌNH PHƯỢNG UYỂN

mẫu giao thừa

Không khí Saigon càng cận ngày Ba mươi tháng Chạp càng sôi sục như cái nồi áp suất.

Qua nhà ông bác biếu cho cặp Dưa Hấu.

Chạy ra chợ mua bộ vàng hương cúng giao thừa. Lẹ tay lựa mấy quả “Cầu Dừa Đủ Xoài”.

Đâu phải mình mình vội. Người bán hàng chỉ có mấy ngày cuối năm để kiếm khách. Vườn tược, kho bãi có gì, họ đổ ra bán cái đó: rau cỏ, chanh ớt, bánh mứt, đậu phộng, hạt điều, thịt thà cá mủ...giấy đỏ dán trên quả Dưa, bao lì xì, giày dép, bóp ví, quần áo...Đông nhất là mấy hàng Bánh Chung bánh Tết, dưa kiệu, củ hành ngâm...Cả nghìn người chen chúc trong chợ, len lỏi trên những lối đi hẹp với đủ màu sắc của hàng hóa.

Mai, Đào chưng phòng khách không thể thiếu, thêm Cúc vàng hay Vạn Thọ cắm trên ba bàn thờ ngày Tết: Ông Táo trong bếp, bàn cúng ông bà ngoài phòng khách, cúng giao thừa ngoài sân.

Mẹ dặn vói: “ Ghé ngang nhà bác Thịnh lấy cây Giò Thủ bác tặng, sẵn mua thêm ký Hạt Dưa, mẹ sợ không đủ ăn mấy ngày Tết đâu.”

Chuyện ở đâu tự nhiên đổ về dồn dập những phút cuối. Ngoài đường xe cộ phóng ào ào, đằng trước đằng sau, giở lớn giở bé, mặt ai cũng hớt ha hớt hải. Người mua sợ chợ đóng cửa, nhà thiếu hụt trước sau. Người bán muốn dẹp hàng lẹ để về lo giỗ quải trong gia đình.

Bố tôi là con thứ, họ hàng không tụ về nhà mình nhưng mẹ vẫn phải làm mâm cơm cúng ông bà cho thơm tất.

Mười hai giờ trưa Ba Mươi Tết, bàn thờ chính, giữa phòng khách đã bày sẵn. Ngoài bánh Chưng, Dưa Hấu, thịt kho trứng, hộp mứt thập cẩm còn có thêm bát miến gà, con gà luộc ngóc đầu ngậm đóa Vạn Thọ cam trong mỏ, đĩa rau củ xào thịt bò, xôi, chè.

Ba tách nước trà nóng được đem lên đặt giữa bàn thờ.

Ông cụ bật quẹt đốt hương, mời ông bà về nhà mình ăn Tết. Bắt đầu từ lúc này, hương sẽ được thắp liên tục cho đến ngày tiễn ông bà đi, thường là hết ngày mừng Ba tháng Giêng.

Mùi nhang khói lan tỏa trong không gian làm dịu bớt cái “nồi áp suất”. Chuyện mua bán, sắp xếp, trưng bày đã xong hẳn. Trẻ con được dặn dò không léo hánh qua nhà hàng xóm chơi nữa, bắt đầu giờ kiêng kỵ.

Người lớn thờ phào, nhẹ nhõm. Thôi, không còn lo toan, nghỉ ngơi chờ đón giao thừa.

Cơm chiều xong, mẹ bày bàn thờ ra sân. Cũng bánh Chưng xanh, hoa quả, kẹo mứt, trà nước...những thứ sẽ ăn ngay sau khi cúng xong, nghĩa là mâm bát không nhiều. Dây pháo đỏ treo lủng lẳng trên một cành cây, chờ làm nhiệm vụ “Tổng cụng. Nghinh tân.”

Thời gian chờ giây phút đó nồn nao, hồi hộp mê người.

Trẻ con thường không thức nổi đến mười hai giờ đêm, nhất là sau một ngày chạy nhảy hay phụ cha mẹ dọn dẹp nhà cửa, đi ngủ trước lấy sức, chuẩn bị hiệp sau.

Gần chạm giao thừa, bố mẹ đánh thức con cái, dặn thay quần áo sạch sẽ, chỉnh tề rồi tắt cả ra sân, quây quần bên bàn thờ.

Đồng hồ có khi không chính xác, đâu phải như thời a còng, dùng đồng hồ điện thoại. Nhà tôi thường canh giao thừa bằng những lời chúc tụng của nguyên thủ quốc gia trong ti vi cho chắc ăn.

Nghe nhà bên cạnh đốt pháo, tưởng tới giờ, hết hỗn. Thằng em bật ti vi, la toáng: “Chưa. Chưa.”

Thêm một phút. Còn một giây. Boong !

Bố quẹt lửa thắp nến. Dí đầu bó nhang vào ngọn nến cháy phập phều. Nhang ngùn mùi thơm. Ông phất tay làm gió

dập lửa, đầu nhang chỉ còn những chấm cam, đỏ rực, khói bốc nghi ngút.

Bố phát cho mỗi người trong nhà một cây nhang, còn lại ông giữ trong tay, nâng lên trước ngực, quay qua bàn thờ bắt đầu khấn vái.

Mẹ và các con đứng ngay hàng thẳng lối sau lưng bố, cầm nhang lẩm rầm dâng lễ.

Trong giờ phút này thấy bố đúng là cây Tùng cây Bách đứng mũi chịu sào, cao cả, dẫn đường chỉ lối cho cả nhà. Khói hương lan tỏa, thơm nhẹ nhẹ. Cảm giác như trời đất đang dòm xuống, chứng giám cho những lời chúng tôi khấn nguyện.

Ông cắm hương vào bát. Cả nhà làm theo.

Và, đến giờ phút đặc biệt nhất, ai cũng trông chờ : Đốt pháo.

Tôi không chịu nổi tiếng pháo, lấy hai tay bịt lỗ tai vẫn giật mình thon thót nhưng tôi khoái xem. Có cái gì vui ghê lắm khi nghe pháo nổ, khi ngồi thấy mùi pháo thơm. Đất trời như bừng tỉnh, như nở hoa, như sang trang mới...

Phiên muộn bỗng nhiên xóa mờ. Lo toan biến mất. Giận hờn tàn lụi. Một niềm hân hoan dâng trong lồng ngực. Một câu nói lảng vảng trong đầu “ Thôi, bỏ qua hết chuyện cũ đi. Giờ này mà nghĩ đến cái gì vui thì sẽ vui cả năm đấy.”

Pháo nhà mình nổ. Pháo nhà hàng xóm nổ. Cả làng rung rinh, vỡ òa trong tiếng pháo Tết.

oOo

Những năm bố ở tù, mẹ thay ông đứng trước bàn thờ giao thừa, đốt nến, chia nhang cho các con.

Nhìn dáng mẹ mảnh mai, gầy guộc, tay run run cầm bó hương khói bằng lảng, mắt đăm đăm nhìn vào mấy thứ thức ăn teo tóp trên mâm cỗ, miệng xậm xịt nguyện cầu... giấu tiếng thở dài.... thương mẹ gì đâu ! Thương cho cả mình nữa. Tôi nhớ đến bài hát của bố:

oOo

“ Đường em đi từ nay không có anh”

*“ Không còn ai đón chờ vui mừng”
“Con đã lớn khôn nay chim bầy rã đàn”
“Một mình em làm sao giang cánh ”
“Che đầy họa phúc mệnh mông”
“Còn có cây cao nào cho em về nương bóng”
“Hay gió mưa sẽ đập vui hết cả ngày xanh”*

oOo

Cầm cây nhang, tôi khẩn cho bố tôi sớm trở về với gia đình. Bảo đảm mẹ cũng nguyện như thế.

Trong giờ phút mọi người xung quanh đều tựu về nhà đông đủ, chuyện trò lớp lớp, tôi thấy rõ sự chông chênh của gia đình mình: một tương lai bất định với vô vàn hiểm nguy chực chờ. Đói khổ là cái hiện ra trước mắt. Người thân của chúng tôi trong tù còn sống đến ngày được thả không ? Ở cái cõi âm ty đó, giây phút giao thừa, chắc hẳn bố tôi cũng ngóng về nhà, nhớ thương mẹ con tôi và cầu cho vợ con được sống bình yên.

Phải để bà thay ông cầm bó hương to trước bàn thờ giao thừa ngày Tết, hẳn ông áy náy lắm.

oOo

Mười mấy năm ở nước ngoài, ngay cả giao thừa Tết Tây-Tết của người bản xứ - mà mình còn không thấy chọn rận nói gì giao thừa Tết Ta - Tết của riêng người Việt Nam.

Nếu giao thừa rơi vào thứ Bảy, ngày tôi đi chợ, nhìn ai nấy xôn xao sắm sửa, bà hàng chợ mời mọc ‘ Hôm nay Tết đó chị. Mua đồ về cúng đi.’ thì ông bà ông vải nhà tôi mới có hoa quả, trà nước mà xơi, không thì đành thất lễ.

Ân hận nhất là con cái không có tiền lì xì.

Chúng tôi sống không họ hàng nào bên cạnh. Trẻ con chỉ nhận được bao giấy đỏ từ bố mẹ mà mình lại quên thì tẻ hết sức. Bữa sau cho thì không còn ý nghĩa gì nữa. Nghe con kể, bạn bè nó có cả đồng họ hàng bên này nên Tết chúng nó gom được nhiều đây...nhiều đây...

Lòng dạn lòng, năm sau phải nhớ ngày Tết để con có chút niềm vui, khoe với bạn. Thế mà vẫn quên. Không chợ búa lấy ai nhắc dùm ?

Những năm gần đây, hai đứa trẻ trong nhà múa lân cho chùa đêm Ba Mươi.

Một đứa làm ông Địa, đứa kia đánh trống. Toàn nhiệm vụ cao cả. Chúng nó lao xao chuẩn bị cái nọ cái kia làm mình phải biết ngày giao thừa.

Bánh chưng mua hai cặp nhỏ ngoài chợ. Một hũ kiệu ngâm chua. Một hũ Dưa Góp. Miến thịt kho hột vịt.

Dưa Hấu bên này to tổ bố ăn sao hết nên không sắm, đi mua trái khác chưng bàn thờ: Táo, Lê, Cam, Quýt, Vải, Nhãn, Nho...chả thứ nào ăn nhậu đến Tết cổ truyền.

Mứt Dừa, mứt Hạt Sen, mứt Bí...lại càng không ăn, chỉ mua bạch Hạt Dưa hai trăm gram cho mỗi con bé nhỏ, hào hứng cắn tí tách.

Thế là bàn thờ duy nhất để cúng Tết có hai cặp bánh Chưng, bạch Hạt Dưa, đĩa trái cây to và một bình hoa, khi là Huệ hồng, khi là Cúc Vàng truyền thống. Bèo dễ sợ !

Để kịp cho bọn trẻ đi múa lân trong chùa, bàn thờ nhà tôi sẽ được bung ra sân, thả hương vào lúc chín mười giờ đêm rồi cả nhà... dzot !

Còn đâu cái phút hồi hộp, chờ hai cây kim đồng hồ chạm vào nhau, ngay số mười hai trong đêm khuya, giờ pháo nổ đồng loạt trong nhà ngoài ngõ và trên khắp đất nước...

Tụi con ở xa, chỉ có tí hương hoa cúng các cụ lấy thảo. Các cụ có linh thiêng thì chứng cho lòng thành của chúng con rồi bay về Việt Nam, nơi có bàn thờ bàn thánh thơm tất, nơi phong tục tập quán ngày Tết vẫn được giữ gìn kỹ lưỡng để các cụ thưởng lãm trong ba ngày Tết.

Chúng con hết nghèo rồi nhưng giao thừa ở đây nhạt lăm.

NGUYỄN ĐÌNH PHƯỢNG UYÊN

PHAN CÔNG QUAN

các vì sao

Đêm nay lạnh
Ngồi yên tĩnh nhìn trời
Ngàn tinh tú mỉm cười chẳng nói
Những ngôi sao đến cùng bóng tối
Tựa muôn khuôn mặt cõi Bồng Lai
Bên bếp lửa
Chàng trai Hoả vàng hoe
Nơi thiên giới tràn trề hạnh phúc
Bên cạnh hai nàng Văn Xương, Văn Khúc
Đang thưởng trà nghe nhạc bình thơ

Cung điện sáng
Kim Tinh rạng rỡ xinh
Nữ thần với dáng hình gợi cảm
Đội vương miện nhiều viên ngọc khảm
Chờ che ai can đảm sống vì nhau
Giương càn gáp
Chòm Bò Cạp giáp vàng
Đoàn chiến binh sẵn sàng lâm trận
Nơi góc sân gồng mình lập tấn
Con nhà lính, nóng tánh dễ hờn

Và chính giữa
Dòng sông sữa chảy ngang
Ngân Hà chia Ngưu Lang Chức Nữ
Để mỗi năm trên chiếc cầu Ô cũ
Họ gặp nhau, lệ đổ mưa Ngâu
Trong đêm thắm
Chợt lấm tấm sao băng
Ai viết lên cao bằng ánh sáng
Một bài ca rồi để bút tặng
Cho những người biết lãng lãng yêu

mỏng manh
Một giây đã đi qua
Chuyến tàu cũng lăn bánh
Chỉ còn trên sân ga
Ngọn gió sao lạnh lạnh

Bỗng thấy đời hiu quạnh
Rồi tất cả rời xa
Như em bé sinh ra
Rời tử cung bà mẹ

Vô thường đến nhẹ nhẹ
Như sợi tóc trên đầu
Sau một giấc ngủ sâu
Có thêm vài sợi bạc

Nhanh như một nốt nhạc
Bạn tôi khóc mất lời
Bà con đã qua đời
Vì Cô Vi Mười Chín
Năm ngoái ta còn định
Thăm chỗ này chỗ kia
Từ khi có dịch bệnh
Thương nhau phải chia lìa

Chiều nay chợt thăm thía
Ngẩn ngui một tiếng cười
Dấu cho giàu nứt vách
Chẳng mua nổi mệnh trời
Một giây đã qua rồi
Chuyến tàu không trở lại
Ngọn gió nào tê tái
Trên ga vắng không người

PHAN CÔNG QUAN

MINH NGUYỄN
nghệ sĩ lang thang

Tưởng nhớ Vũ Hữu Định

Không ít người xem tiền bạc chẳng là cái đỉnh gì, trong số đó có gã, nhưng nói là nói vậy thôi, nếu qua buổi trưa nay vợ gã không mang về một ít tiền, liệu chỉ với năm mươi đồng vết cạn tù trong nhà, chưa biết chuyển đi vào phương Nam của gã sẽ thế nào?

Buồn. Gã hướng mắt nhìn ra khoảng sân nắng, nơi những hoa mướp bắt đầu vàng úa trên giàn dây leo, bất giác nghĩ cuộc đời gã bao năm qua chưa làm được việc gì ra hồn, nếu phải trốn mãi trong nhà để rồi ngày nào đó sẽ tàn lụi như những bông hoa kia. Đi. Gã quyết định ra đi, cho dù trong túi có tiền hay không, bởi bạn bè từ trong Sài gòn báo tin ra, đã tìm cho gã việc làm tại hội quán văn nghệ nào trong đó. Hy vọng, chuyến đi này sẽ là cơ hội giúp tuổi ngựa như gã, thoát khỏi cảnh tù giam lỏng giữa bốn bức tường vôi trắng từ bấy lâu nay.

Ngoài sân, bóng nắng đang lụi nhanh qua giàn dây leo bò ra tận đầu ngõ, trong khi bóng dáng vợ gã vẫn bật tằm tị nơi nào. Đi. Gã không thể chờ đợi lâu hơn được nữa. Gã quơ vôi cây đàn vác lên vai, lững thững bước đi bên nỗi buồn như mắt ai vương lệ. Đi. Gã lặng lẽ hướng về phía ngọn đèo cao vượt tầm mắt. Nghe kể ở đó mỗi đêm về luôn có từng đoàn xe chở hàng buộc phải đậu lại, chờ nửa khuya lính canh mở cổng cho xe di chuyển lên đèo. Sự thể ra sao gã không quan tâm, bởi trong đầu gã đang phải căng ra, tìm cách thuyết phục cánh lái xe đồng ý cho gã quá giang vào Sài gòn nội trong đêm nay. Chậm trễ e công việc sẽ bị trễ tràng, không biết người ta có chịu nhận gã nữa không. Gay thật. Gã bước đi trong nỗi lo lắng nhưng mắt vẫn không rời khỏi con đường dẫn lên chân đèo. Bất ngờ, trước mắt gã hiện ra cảnh hoàng hôn rắng vàng cả một góc trời, khiến con đường trước mắt gã mỗi lúc một trở nên quyến rũ hơn bên mỗi bước đi. Đẹp. Gã cứ ngây người ra đứng nhìn hiện tượng kỳ vĩ xảy ra nơi thiên nhiên, để rồi không thể kềm chế được lòng mình, gã ngạc nhiên

kêu lên “Thật tuyệt vời”. Tội nghiệp, vậy mà bấy lâu nay vì phải lẩn tránh để không bị bắt đi “quân dịch” (*), gã ít khi có dịp lộ mặt ra đường để chứng kiến bao sự đổi thay ngoài xã hội. Ôi! Nghĩ mà thương cho thế hệ tuổi trẻ như gã, lỡ sinh ra vào thời buổi chiến tranh, một là chấp nhận bị đẩy ra chiến trường sống nay chết mai, hai là lẩn trốn trong nhà như một tên tù giam lỏng.

Mệt. Gã cảm thấy chân tay cứng đờ, trong khi từ chỗ đứng nhìn tới điểm tập trung của cánh lái xe không còn bao xa; biết vậy, nhưng chẳng còn cách nào khác hơn là cứ ngồi xuống nghỉ chân trên mô đất ven đường, lát hết mệt đi tới đó sau cũng không muộn. Vô tình, lúc nhìn ra khoảng không gian trước mặt, gã bắt gặp ngay dưới chân gã một quần thể ánh sáng chói lòa, hắt lên từ thành phố sáng đèn đến tận chỗ gã ngồi, thú màu sắc huyền ảo đến bất ngờ. Và, cũng chính từ nơi chốn huyền hoặc ấy, gã mơ hồ nhận ra từng góc phố buồn thiu, từng con đường phủ đầy cát trắng sớm mai, những tiếng kinh cầu hòa bên tiếng sóng vỗ rì rào ở mỗi đêm về, râm ran như có bàn tay ai lướt nhẹ trên phím dương cầm khúc Moonlight Sonata (**). Bất chợt, từ trong gió thoảng đến bên mũi gã mùi hương ngai ngái mang vị mặn của muối, vô tình đánh thức gã quay về thực tại với ngôi nhà, một đầu tận cùng trong con hẻm một đầu còn lại nối vào đường chính dẫn xuống biển. Ở đó, vào giờ này dưới ánh đèn vàng hắt ra từ chiếc bóng hình quả trứng, có lẽ vợ con gã đang quây quần bên mâm cơm chờ đợi gã, càng làm cho gã nhớ tới thêm đau nhói nơi lòng. Vợ. Mỗi lần nhắc tới người phụ nữ chân yếu tay mềm, bụng mang dạ chửa, ngày ngày vất vả buôn bán ngoài chợ thay chồng kiếm từng đồng nuôi sống gia đình, khiến gã áy náy vì cảm thấy vô cùng có lỗi với vợ con. Có điều, đứng trước cuộc chiến tranh chưa biết đến khi nào kết thúc, kỳ lạ thay những người mẹ người vợ Việt Nam đều tỏ ra thông cảm, sẵn sàng hy sinh bản thân mình để đổi lấy sự bình an cho từng người thân của mình, mà không hề cất tiếng than vãn hay trách móc lấy một lời. Cho nên, trong những lần đi giang hồ ở tận những nơi xa ngái, đêm về rượu uống không đủ say, nhớ vợ con không sao ngủ được, gã ngồi bật dậy tự trách mình qua những bài thơ đăng báo: “Bảy năm tình chồng vợ/ Bảy năm em hăm hiu/ Lẩn

nào em sinh nở/ Ta cũng phải vắng nhà/ Đứa đầu lòng tù tội/
Đứa thứ hai đi xa” hay: “Lần nào em sinh nở/ Ta cũng phải vắng
nhà/ Tháng này em sinh nở/ Ta lại trên đường xa; Cảm ơn người
vợ khổ/ Chiều nay ta khóc thầm/ Uống những giọt rượu đắng/
Ngày xa quê long đong”.(Cảm ơn người vợ - VHĐ)

Khuya. Gã nhìn lên bầu trời đếm những vì sao lẻ loi, mơ
được chấp đôi cánh bay lượn, vẫy vùng giữa bầu trời tự do; cho
dù, đó chỉ là thứ tự do hảo huyền đi nữa, cũng đủ giúp tuổi trẻ
vốn bị bào mòn bởi cuộc chiến tranh dai dẳng, có lý do để mà
hy vọng: “ Tuổi trẻ chúng tôi tìm gặp nhau/ Đặt lại những câu
hỏi/ Về cuộc chiến tranh này/ Về mọi giá trị trên đời/ Nguồn gốc
những nguyên nhân/ Của chém giết và thù hằn/ Bất công và đói
rét/ Cần phải làm gì/ Để có lý do mà hy vọng” (Hồ sơ mùa hạ-
Lưu Quang Vũ).

Thấy đã bớt đi phần nào sự mệt mỏi, gã vác đàn đứng
lên tiếp tục di chuyển về phía có những đốm lửa đang cháy bùng
trong đêm. Mỗi bước đi đến gần chỗ tập kết của cánh lái xe, mũi
gã hít hà trong gió hương thơm quyến rũ qua từng hạt gạo đang
sôi trên bếp, gã chợt nhớ những câu thơ của bạn bè: “Giang hồ ta
chỉ giang hồ vật/ Nghe tiếng cơm sôi cũng nhớ nhà”. (***)

Bước sang đường, gã đi giữa những chiếc xe tải nối đuôi
nhau, đậu thành hàng dài trên đường. Ra, đây là điểm tập trung
xe dưới chân đèo, nơi gã từng nghe nói nhưng chưa lần đặt chân
đến. Nhìn quanh, gã bắt gặp cảnh mấy tay lái xe kẻ mặc võng
nằm nghỉ ngơi dưới gầm xe, người nấu ăn bên bếp dã chiến đỏ
lửa.

Lấy hết can đảm ra, gã bước đến đứng trước mặt người
đàn ông tuổi lục tuần, đang bận tay trên bếp lửa nấu buổi cơm
tối.

- Em chào anh.

Người đầu bếp thân thiện nhìn gã hỏi:

- Có chi không hở người bạn trẻ?

Cảm nhận trong giọng nói người đàn ông có vẻ nửa thân
thiện nửa gằn gỏi, gã yên tâm bày tỏ:

- Khuya nay xin các anh cho em quá giang về Sài gòn?

- Không ra quốc lộ đón xe khách đi cho nhanh?

Gã cúi đầu đáp lí nhí:

- Không giấu anh, trưa nay em gom hết tiền trong nhà, nhưng cũng chỉ còn đúng năm mươi đồng (****)

Người đàn ông dừng tay, ngạc nhiên nhìn gã từ đầu xuống đến chân, sau đó kêu lên:

- Trời đất! Cậu nói thật hay muốn đùa với tôi. Ai đời có mỗi năm mươi đồng mà dám đi vào chốn ăn chơi, tiêu tiền như rác đó, dừng lại một chút người đàn ông tiếp, nhìn cậu tôi đồ rằng: “một là cậu trốn nợ, hai là cậu trốn nhà đi giang hồ?”

Nghे phán như vậy, gã cảm thấy buồn tủi nơi lòng, bởi từ nào tới giờ dù phải sống trong cảnh nghèo khó, nhưng với lòng tự trọng đã không cho phép gã vay mượn tiền bạc ai bao giờ, nói chi đến chuyện quỵt nợ người khác. Riêng việc đi giang hồ vất vả ba ngày cho đến vài tháng, mới đầu vợ con gã tuy có phản ứng này nọ, sau hiểu ra tính cách của giới nghệ sĩ vốn lang bạt kỳ hồ, nên đã coi việc giao du giữa bọn họ với nhau là chuyện bình thường.

Đợi cho sự phiền muộn qua đi, gã mang tâm sự ra bộc bạch cho người đàn ông nghe, vì không muốn người khác hiểu sai về con người gã:

- Số là bạn bè trong Sài gòn đã giúp em tìm được việc làm ở trong đó, chứ không giống như anh nghĩ đâu.

Chưa vội tin nơi gã người đàn ông hỏi:

- Ở ngoài đây thiếu chi việc làm, vào tận trong đó e chỉ thêm tốn kém, nhất là phải xa gia đình nữa?

Gã miễn cưỡng đáp:

- Dạ! Nơi đây đất hẹp người đông, công việc phù hợp với em lại không nhiều, muốn sống được phải tranh giành đấu đá nhau dữ lắm.

Bất ngờ người đàn ông quay qua hỏi về nghề nghiệp:

- Nghề cậu là gì nghe có vẻ quan trọng vậy?

Do dự một lát gã đáp:

- Em vừa sáng tác vừa ôm đàn đúng hát trên sân khấu.

- Cậu là nghệ sĩ?

- Lần này em vào trong Sài gòn là do được mời hát tại hội quán T.

- Mừng cho cậu! Cái hội quán T đó anh cũng hay ghé.
- Anh biết T?

Với một người được sinh ra tại Sài gòn, lớn lên, đi học, ăn chơi, đi lính, bị thương rồi giải ngũ như gã . . . thì bất kỳ ngõ ngách nào ở đó mà gã lại không biết, kể cả cái hội quán T nằm trong một ngõ cụt trên đường Đinh Tiên Hoàng. Đó là một trong những điểm ca nhạc được giới trí thức lẫn sinh viên thường lui tới thưởng thức các nhạc phẩm tiền chiến, hoặc xem chính các tác giả trình bày ca khúc do họ viết thay tuổi trẻ về thân phận, sự hy sinh, mất mát, tù đày, trước cuộc chiến tranh diễn ra hằng ngày trên chính quê hương họ. Hơn thế, mỗi lần được nghỉ phép về lại Sài gòn, gã thường ghé đến T gặp gỡ bạn bè hát tại đó, nên có nhiều kỷ niệm. Đáng nhớ nhất là vào một đêm tối trời không mưa, sau khi chở bạn ghé vào T trình diễn ra, trên đường di chuyển tới địa điểm ca nhạc khác trình diễn tiếp, bạn ngồi phía sau cười khúc khích kể về sự cố xảy ra lúc nãy cho gã nghe. Số là chiếc cà vạt treo trong tủ chung của nghệ sĩ, vô tình bị đám chuột ranh mãnh cắn nát hết hai phần ba, chỉ chừa lại một chút ở phần đeo cổ. Bí quá, không biết hỏi mượn ai, vì đã tới giờ phải bước ra sân khấu, bạn đã nhanh trí nhét vội phần bị chuột cắn vào trong áo sơ mi rồi, cài kín hàng nút áo veston mà thường ngày gã có thói quen không cài khuy, nhờ vậy khán giả không phát hiện ra điều tệ hại ấy.

Chúng kiến hồi lâu cuộc nói chuyện giữa một già một trẻ, cánh lái xe hiếu kỳ muốn biết khả năng của gã ra sao, bèn kéo nhau đến vây quanh gã cùng với lời đề nghị:

- Cậu hãy hát cho mọi người nghe đi! Hát hay bọn này hứa không chỉ cho cậu quá giang, mà còn lo cơm nước, rượu thịt suốt từ đây vào tới trong đó.

Lạ. Đến nước này gã biết gã phải làm gì, để đổi lấy chuyến đi vào lúc giữa khuya, nếu không muốn buổi hẹn vào ngày kia ở T sẽ bị trễ hết công việc. Nghĩ vậy, gã cầm lấy cây đàn mà gã gìn giữ, nâng niu như một báu vật, ra khỏi vai. Cây đàn. Thời gian qua nhờ có cây đàn làm bầu bạn, cuộc sống nơi gã với bớt phần nào sự tẻ nhạt bên một xã hội đầy rẫy muộn phiền; ngoài ra, nó còn là kỷ niệm khó quên đối với gã trong đêm ra mắt tập thơ in

chung của một số bạn bè. Đêm đó, gã nhớ rất rõ sau khi trình bày xong một số bài hát, trên đường từ sân khấu trở xuống chỗ ngồi, gã bất ngờ nhận được cây đàn do ai đó gửi tặng. Sau, qua dò hỏi nhiều người, gã mới hay cây đàn do bạn bè tặng cho vì không muốn thấy gã ngày ngày phải chơi trên cây đàn sờn cũ, bong tróc nhiều chỗ, nên đã chung tiền mua cho gã. Cảm động trước tình cảm bạn bè, đi đâu gã cũng vác theo cây đàn bên cạnh, vừa làm bạn đồng hành vừa nhắc nhớ kỷ niệm một thời.

Sau một lúc xoay trở cùng cây đàn, cuối cùng gã cũng đã chọn được chỗ đứng để ôm đàn hát một cách thoải mái trước sự chờ đợi của đám đông. Mặc. Gã biết rõ sự nồn nóng từ cánh lái xe hơn ai hết, song vẫn cố tình kéo dài thời gian ra để quan sát hết những ánh mắt qua từng con người đang có mặt, từ đó phán đoán tâm lý xem họ thích nghe thể loại nhạc Bolero, Slow, Slow Rock, Tango hay Habanera. . . nhờ vào kinh nghiệm ấy mà gã luôn thành công trong các buổi hát hò trước đám đông.

Không muốn để mọi người phải chờ đợi lâu hơn nữa, gã chọn ngay ca khúc mang âm hưởng dân ca Nam Bộ, chơi luyện láy một cách điệu nghệ nơi mười đầu ngón tay trên cây đàn, từ đó bắt âm nhạc tuôn chảy mượt mà qua hình ảnh ngô khoai hiện ra trước mắt cùng với giọng “Nẫu” nghe vui tai của gã cất lên, khiến cánh lái xe ngồi nghe bên sự thích thú, reo hò cổ vũ đến cuồng nhiệt: “Trên đất giống mình trồng khoai lang/ Trên đất giống mình trồng dưa gang/ Hỡi cô gánh nước đường xa/ Còn bao là bao gánh nữa/ Để qua là qua gánh giùm/ Tang tình tang tính tình tang/ Tang tình tang tính tình tang/ Tủi thân con khi ở lùm/ Cuộc không mà lo cuộc/ Lo giùm lo giùm người ta/ Tang tình tang tính tình tang/ Tang tình tang tính tình tang. . . “

Và. Trong buổi tối vui chơi, hát hò, đẩy khí thế ấy, gã được cánh lái xe tiếp đãi tận tình bằng một bữa ăn tối với đầy đủ rượu thịt, sau đó họ còn bắt gã kể về bản thân cho mọi người nghe.

Chúa ơi! Ngoài bản thân gã vốn là kẻ trốn chạy trước cuộc rượt đuổi chiến tranh ra, thì cuộc đời gã cũng giống như bao thanh niên sinh bất phùng thời, sống và lớn lên chưa hề biết đến hòa bình là gì, trong khi đó tiếng súng vẫn không ngớt vang

lên từ khắp mọi miền đất nước, gây ra không biết bao nhiêu cảnh đau thương, chết chóc cho người dân vô tội. Chiến tranh. Cuộc chiến tranh mà nhà thơ Lưu Quang Vũ từng viết: “Các anh ơi, đừng trách chúng tôi/ Các bà má, tha thứ cho chúng tôi/ Chúng tôi chẳng thể làm khác được/ Quả đồi cháy như một phần quả đất/ Bao đời người ta đã giết nhau/ Với các anh tôi oán hận gì đâu/ Nhưng còn cách nào khác được”.

Chính vì nhận rõ bản chất cuộc chiến tranh, gã cũng như bao thanh niên yêu hòa bình khác, đã chọn lấy cuộc sống lẩn trốn rày đây mai đó để không bị bắt bớ, bị đẩy ra chiến trường.

Khuya. Cuộc vui nào rồi cũng chóng tàn. Gã nằm nghỉ lưng chưa được bao lâu đã nghe tiếng máy xe khởi động ồn ào, kể nghe tiếng người lái xe gọi tên gã. Lồm cồm ngồi dậy, gã vội rửa mặt mũi bên xô nước do ai đó để sẵn cho tỉnh ngủ, trước khi trèo lên ca- bin ngồi cạnh tài xế.

- Một không? Người tài xế quay sang hỏi gã.

- Không sao đâu anh. Em vẫn có những đêm rượu chè thâu đêm suốt sáng cùng bạn bè.

- Nghệ sĩ mà.

- Là sao ạ?

- Giới văn nghệ sĩ các cậu không uống thì thôi, chứ đã uống vào thì trời đất cũng phải thua.

Không muốn trả lời, gã đưa mắt nhìn qua cửa kính xe ra bên ngoài, thấy cây cối hai bên đường phủ toàn một màu đen, tất cả dường như đang chạy ngược chiều về phía sau, trước khi mất hút vào bóng đêm.

Để phá tan bầu không khí đang quá im ắng, người lái xe đề nghị gã hát cho nghe bài hát nào mà khán giả yêu thích nhất của gã.

Nể tình người lái xe đồng thời cũng là ân nhân, đã không chỉ cho gã quá giang theo xe, cho ăn uống no say, mà còn tặng thêm ít tiền dẫn túi phòng khi hữu sự. Gã cầm đàn lên vừa đàn vừa hát:

“Phố núi cao phố núi đầy sương/ Phố núi cây xanh trời thấp thật buồn/ Anh khách lạ đi lên đi xuống/ May mà có em đời còn dễ thương/ Em Pleiku má đỏ môi hồng/ Ở đây buổi chiều

quanh năm mùa đông/ Nền tóc em ướt và mắt em ướt/ Nền mây mềm như mây chiều trong.”

Cảm thấy không thể ngồi yên được nữa, người lái xe bèn cất tiếng hát theo gã cho đến cuối bài: “Phố núi cao phố núi trời gần/ Phố xá không xa nên phố tình thân/ Đi dăm phút đã về chốn cũ/ Một buổi chiều nao lòng vẫn băng khuâng/ Xin cảm ơn thành phố có em/ Xin cảm ơn một mái tóc mềm/ Mai xa lắc trên đôn biên giới/ Còn một chút gì để nhớ để quên/ Còn một chút gì . . . để nhớ để quên”.

MINH NGUYỄN

(*) Từ dùng trước năm 1975

(**) Beethoven

(***) Thơ Phạm Hữu Quang

(****) Vào thời điểm trước năm 1975

Danh ngôn:

Những bức tranh cũng có linh hồn, và linh hồn chúng được lấy từ linh hồn của người họa sĩ.

Paintings have a life of their own that derives from the painter's soul.

Vincent Van Gogh

Bạn sẵn sàng từ bỏ điều gì, để trở thành con người bạn thực sự cần trở thành?

What are you willing to give up, in order to become who you really need to be?

Elizabeth Gilber

TÔN NỮ MỸ HẠNH
mật ngôn xanh

Tôi đợi tiếng đàn xanh từ mùa đông năm trước
Khi mấy sợi bắc non sẽ sàng luồn qua ngõ
Cái âm thanh trong trẻo
Chiếc chuông gió ngoài kia có làm anh nhớ

Buổi sáng ngồi trước ban-con
Tôi thêm một ly cà phê nóng
Thêm một bờ môi ấm
Cùng lời hẹn hò từ lâu xa vắng
Chỉ thấy chiếc kén nâu nép mình sau mép lá
Con nhộng ngủ đông một ngày nào đó sẽ bùng tỉnh dậy
Hóa thân
Bỏ tôi một mình ở lại.

Những chiếc lá ve vuốt gọi nhau bằng ẩn ngữ
Lòng bàn tay xôn xao từng đốm nắng
Giọt nắng nhấp nhô như sóng cuộn
Con chữ tung tăng nhảy múa không ngừng
Mật ngôn ẩn giấu hoài nghi trong mắt lá
Loanh quanh mê cung mình không thể tìm được nhau

Khi buổi chiều vừa rụng
Bóng tôi sẽ chìm vào tối
Và ngoài trời kia
Hình như lãnh đăng điểm chút mưa xuân dịu dàng.

người đi hái lộc

Xanh non chồi lá biếc
Mầm xuân chọt khẽ khàng
Luống cải trồng trước ngõ
Lung linh sắc hoa vàng.

Em lên chùa hái lộc
Hương xuân dậy đất trời
Xôn xao trên dốc nắng
Bầy én dệt mùa vui.

Đón chào ngày xuân mới
Sắc lá ngời thanh tân
Chầm chậm người dỗi bước
Nôn nao gót hài xanh.

Em lên chùa hái lộc
Thơm ngát mùi hương trầm
Nghe hồi chuông đánh lễ
Đón giao thừa sang năm.

Thơm hoa đào ngày tết
Ai làm má em hồng
Áo lụa bay trong gió
Có biếc nụ tầm xuân?

mùa xuân bay theo cánh thiên di

Em vẽ một đường bay
Bay theo cánh thiên di về phương Nam xa tắp
Qua con sông Tiền mệnh mông sóng vỗ
Nước sông Hậu lững lờ đỏ nặng phù sa
Mấy ngọn cù lao xanh dập duềnh tôm cá
Bao mùa bão lũ chông chênh

Bao cánh đồng hạn mặn quắt queo cùng những ngày
giáp hạt
Khát vọng vang lên theo tiếng độc huyền cầm
Ngọt ngào bài ca dao của mẹ
Lời đối đáp huê tình vào đêm trăng sáng

Rượt đuổi nhau theo nhịp chèo khoan nhặt
Thêm thương bàn chân lấm lem
Cha ông thời mở cõi.
Đường bay của em mang theo

Lời ước hẹn muối mặn gừng cay
Của nàng Tiên Dung từ ngàn năm trước
Trên bãi sông Hồng đầy gió
Tiếng sóng ân tình sâu nặng

Buồng đủng đỉnh treo trước cổng chào chín đỏ
Nghỉ lễ cho một ngày vui
Đơn sơ như tấm áo bà ba mới
Anh có đồng hành cùng em

Dừng chân trên con đường phiêu bạt
Trong mùa xuân đầu tiên?

TÔN NỮ MỸ HẠNH

THUẬN TÌNH

tiếng dạ, tiếng thưa...

Tiếng dạ, tiếng thưa đưa anh về với Huế
Chi mà lạ rứa! Nói chi nhiều rằng rứa cũng như ri
Vừa mới nghe hồn anh đã thổn thức
Nam Ai, Kim Liên, An Cựu, Ngự Bình, dòng Hương...
Những lăng tẩm đền đài vua chúa...
Chẳng giữ được bước chân hoang
Chỉ O gái Huế - Linh Hồn xứ sở mộng mơ
Chân muốn bước mà lòng níu lại

Rằng không biết bỗng chừ con tim thổn thức
Em bảo: Ghét chưa tể, rằng mà cứ lần dân như rứa!
Ôi! Thương quá là thương thì cứ như rứa chứ mần rằng?
Rồi dùng dằng nơi đồi Thiên An ngàn thông rì rào mãi
lời ru...
Biết rằng chừ khi đã nặng lòng với Huế dạ, Huế thưa!
Đi mô rồi cũng muốn về ngồi bệt bờ dòng Hương

Em và sóng dùng dằng co kéo
Bồi hồi bao nụ hôn từ cành lá đến thân cây
Vẫn chưa thỏa tương tư lòng day dứt
Em bảo: Rằng không hỏi, không xin, cũng chẳng cần
biết...
Cứ vui đầu đắm say!
Hỏi mẹ tể, mẹ bảo: “con cứ vô hấn không có rằng mô!”
Bởi trong anh men tình ngây ngất
Dị chưa hờ lại đại gái đất thần kinh

Biết làm sao được - ngàn năm chỉ một thời khắc

Em dành cho anh 1000 lần hơn để đại
Cơ may trong đời chỉ một lần - O gái Huế của tôi ơi!
Nhớ là nhớ những đêm dài mãi rĩ rã giọt mưa đông
Thương là thương giọng Huế tâm tình tỏ thẽ tiếng dạ,
tiếng thưa...

Không biết từ bao giờ mà chừ anh vẫn ngẩn ngẩn ngơ
ngơ lạ kỳ

Bởi cái giọng Huế có chi mô mà thâm thì mà rả rích
Như cơn mưa dầm rúa mà thấm vô tận tâm can
Nghe hoài nghe mãi vẫn chưa bưa như tiếng ngàn xưa
vọng về.

Đón xuân

Xuân ơi, xuân! Âm vang tình nhạc mới
Giờ giao thừa đang thúc dục lòng ta
Những giọt tình cô đặc tháng ngày qua
Kết tụ lại nở mùa hoa say đắm

Anh và em đang ngắm muôn loài hoa
Tỏ sắc thắm khoe duyên mừng xuân mới
Hẹn em buổi đầu như hoa hẹn mùa xuân
Nhạc giao mùa êm ả - tiếng sương rơi...

Âm thanh đó bên em giọng thầm thì
Phút đất trời giao hoan - ta như say
Tình bùng cháy theo men đời ngây ngất
Xuân đã đến rồi, ngan ngát hồn ta!

THUẬN TÌNH

MÃ LAM
tình yêu ta

Khi hát như trăng bay
cho lòng lên mây cuốn,
nụ cười như nắng lượn
cho đêm trời bung sao;

tung lời ca đuổi theo chim bồ câu trắng,
vẽ khuôn nhạc thánh thót tiếng đêm,
chè tranh sơn mài vào miến cổ tích,
hái ngọn môi non ướp sách cất dấu đáy lòng;
Khi đọc rap ban đêm để cuộc sống nhuộm đen,
đó là địa ngục!
khi tung tăng nở hoa ban ngày, để nụ hôn hát ca,
đó là thiên đường;
vùi nhau trong những trận buồn,
dìm nhau trong bão điên cuồng yêu thương,
đẩy nhau tận đỉnh thiên đường,
chôn nhau xuống đáy đêm trường nhớ nhung./.

MÃ LAM

HỒ XOA

Cafe và mưa

Ngồi nhớ cafe
Hay nhớ người
Vời đây , trong đục...
Vẫn dòng trôi
Có dòng sông cũ nào sóng vỗ
Bao nhiêu năm
Trong đục cuộc người
Tự hỏi lòng
Đang là cafe hay đang mưa?
Đang dở bao nhiêu mùa con chữ
Để từng giọt buồn
Thấm câu thơ

Ngồi uống ngày xưa và kỉ niệm
Như cafe
Như mưa
Giấc mơ nho nhỏ
Dài vô tận
Trời còn khi nắng
Thơ không mùa
Người đi
Thắp lại ngàn đêm lạnh
Từng giọt đắng lòng
Mưa vẫn mưa....
Trời rộng
Chân người không lối đi
Từ khi môi ướt bữa xuân thì
Chiêm bao là những bình không rượu
Ta nhớ cafe
Hay nhớ người ...

HỒ XOA

**TRANG THƠ NHỮNG
TÁC GIẢ CÓ CÙNG HỌ LÊ**

LÊ TUYẾT LAN
đa mang

Em gánh giấc mơ thanh xuân đi buôn giữa mùa gió lộng
Những nỗi niềm thối đầy mắt sốt hạt tình nồng
Những đêm trăng biết khuyết thêm lần tuổi mộng
Đa mang đường trần môi rũ để sương sa
Ấp ôm tháng năm đã nhạt phai màu sắc
Chiếc bóng nhàu dỗi hờn xoa ngón tay mơ
Dịu êm đôi mắt quờ mi mỗi
Vuốt lấy dáng xưa đã nhạt nhòa
Động lại đây lần luống tay tóc rối
Suốt trên da bao sợi gập ghềnh
Gãy đứt lời ai trong nhắc nhớ
Ngắn rồi hơi giấc tương tư
Giữ chi em hơi lạnh này còn trẻ
Giữ cho em cái siết tay để sờn.
đêm đã lẻ
Không còn ánh hoàng hôn nào về tắm gội nỗi nhớ đầy
vơi
Trong chớm hắt hiu bàn tay rời rã đã cào trầy giấc mơ
Rát cả tiếng khóc
Có tuổi buồn về lẫn lóc giữa cuộc hư vô
Dấu chân tìm vào ngày tàn không còn ai gọi
Cái lạnh đang bóp chặt lời nói
Đêm đã lẻ
Những nụ cười nhét lại trong vách hè ngày con chim
trắng ra đi
Vẫn ở đó đường bay ghì vào hơi thở
Nơi khói trời trở dài dang dở
Sợi tơ lòng còn nức nở tiếng ru xưa
Có buổi đem chiếc bóng về thừa lại góc nhà
Nhăn nheo từng nếp xót
Vỡ òa theo ngón kỳ cọ lần thương.

LÊ TUYẾT LAN

LÊ HÀO

mưa tháng chạp

Mưa gảy đàn trên mái lá
cong cong mùa nằm
nghe hợp âm mưa và tiếng chuông nhà thờ vang vọng
mùa có nghe được hơi thở của bầy chim không?

Mưa xa mưa gần, mưa lâm râm ru căn nhà còn ngủ
sương đắp chăn cho tháng chạp
và khói bay bay
người đi đâu... thì về!

Mưa hát rong bên đường
khi phố xá đầy hoa và những cách cổng đã mở
hai người đi đôi bàn tay nắm chặt
mắt người trên khẩu trang nhìn nhau lấp lánh

Tháng chạp mưa rây rây gảy đàn, chờ tiết mục của Xuân
Xuân là ca sĩ
hát tình ca an ủi cuộc đời

thấu hiểu được mùa xuân
Sự sống nảy mầm trên vuông đất nhỏ ở ban công
và bầy chim đậu trên nóc nhà thờ
đan ngày bằng những sợi nắng trong tiếng chuông
gióng giả

Em tựa đầu vào vai anh
nghe nóng hổi

chúng ta nóng hổi vì nhau, vì sự sống xung quanh
mùa xuân về nóng hổi
trái đất của chúng ta nóng hổi

Em đưa bàn tay cho anh cầm
nhìn ngón tay trân quý
chúng ta trân quý những ngón tay của mùa xuân
chỉ cho ta lẽ đời
và níu giữ những gì thân thiết

Từ biến cố đau thương
chúng ta mới thấu hiểu được mùa xuân

(LH-11/2021)

cảm nghĩ của xuân
Cỏ hoa lại mọc xanh trên màu lá rụng
khi xuân về
mặt đất phập phồng thở
và những buồn làng thả khói bay lên nền trời biếc

Thành phố đeo khẩu trang nằm ngủ
xuân đắp chăn cho từng ngõ nhỏ
đâu đó cơn sốt còn chưa vơi

Xuân ngồi suy nghĩ về cõi phàm
mông lung những con đường dọc ngang
trong hóa thân và tham vọng...
rừng hóa thân củi lửa vì tham vọng màu gỗ
đồng xanh hóa thân bụi cát vì tham vọng màu đất
họ hóa thân... vì không màu không sắc

Xuân nhìn sâu thẳm vào cõi người
âm âm những niềm đau
miên man một con đường xuôi ra con sông nhỏ
nước trong veo mơ mộng tình yêu

(LH-11/2021)

*

mùa xuân se duyên
Có phải mùa xuân làm mai mối
cho cây làm bạn với nhau rồi sinh hoa sinh quả

Rồi sinh ra hạt mầm
cộng cỏ chăm nom
giọt sương làm bà đỡ cho cây chào đời

Cứ vươn lên mà bóng trở đằm đằm
đời xưa đời nay
cỏ xanh nằm lại
đừng buồn!
còn hoa vàng làm bạn

Rồi mùa đông mùa hè
bao nhiêu là trắc trở
rồi mùa xuân về xe duyên trâu cau

Ngày cây không còn xanh nữa
là tình yêu đã vun đầy cây con bên cạnh
mùa xanh cứ xanh hoài

LÊ HÀO

LÊ VĂN HIẾU

khúc ánh sáng

Cho BP thương yêu !

Câu thơ tôi bốc lửa thiêu cháy từ lồng ngực ám khói ,lượn
lờ vào không trung , bỗng dựng sinh ra hạt nước , gieo vào rẻo
đất hoang hóa bên kia bán cầu , nảy nở một chồi xanh .

Nảy nở một mầm thơ , tôi cột , nảy nở nòi thi sĩ , sẽ mọc
lên cây Du Dương -Và hát , khi bên này đầy nắng , bên kia là
khúc ru đêm .

Những khúc ru ánh sáng , được tôi luyện từ âm vực bóng
tối ,từ hơi thở khó nhọc , từ bước chân kiêu hãnh .

Khúc ánh sáng , được cất lên bằng ngôn ngữ của vùng
trời tự do , đa sắc . ..Sẽ thổi lịm mọi màu da , khúc ca vọng về nơi
sản sinh hạt nước .

Hạt nước được chưng cất từ nồng nàn tình ái , mang từ
đỉnh núi xuống , mang từ nỗi nhớ về ,mang từ giọt nước mắt ?

Mảnh đất mãi quặn đau nức vỡ , câu thơ cứ chồi lên quấy
đạp .

Và Thi Sĩ con nảy nòi khi còn trứng nước , biết lắng nghe
, biết giận hờn , biết lặn sâu trong vùng trời âm nhạc . Sớm nhận
biết ngoài kia – bầu trời – đang dẫn thiếu những khúc ca ánh
sáng .

thử neo nỗi buồn ,

Thử neo thơ
Một bài thơ hay chưa kịp viết
Một bài thơ kịp viết lại chưa hay .

Nỗi buồn , thật buồn chưa kịp tra vào câu chữ
Vài câu chữ vừa tra , lại bong ra những nỗi buồn .

Cứ thế , ta xếp vào chiếc hộp , vào chiếc lon
Ta đánh thức bằng cách rung lên , và gõ .

Ta gối đầu giường , ta nghe nhịp thở
Nỗi buồn rục rịch bên tai.

Không lách tách , không bi ai
Có tiếng hắt dài , ngân rất rõ .
Nỗi buồn chật , mồ hôi rịn tứa
Mồ hôi nỗi buồn - đáng thương .
Ta ném nỗi buồn cho nó rung reng
Ta cột sợi dây kéo lê theo mình cho đỡ nhớ .
Thử mài nhọn , thử đóng đinh , thử treo vào câu chữ
Thử neo vài câu chữ , thử neo thơ ...

LÊ VĂN HIẾU

LÊ MINH HIỀN
mùa xuân em về

Có giọt café ngập ngừng
có giọt café vội vàng
rơi xuống nằm bình yên
có cuộc tình qua nhanh
có cuộc tình đọng lại
giữ cho hay xuân đời

Café nào không đắng
vị tình đầu khó quên
café thành sương đọng
thơm ngát sáng tinh mơ
cuộc tình còn dang dở
đẹp như lời hẹn hò

Có giọt sương trong vắt
lăn tròn trên lá xanh
mắt xuân em long lanh
cơn mơ nào đêm nay
dễ thương em chưa hay
mùa xuân về đâu đây

*Stanton-Little Saigon, last edit
Dec. 18th, 2021 9:08 PM*

Một thuở giao thừa
Đêm giao thừa
tâm hồn ta mấy mùa
cơn trầm cảm xưa xa
đang lặng lẽ rút ra khơi
cuốn theo bao lớp rong rêu
bong ra từ trăm năm phố cũ

Nhấp những giọt rượu cuối cùng
thành sầu rạo rức
tiếc nuôi
một thời thanh xuân

Những ý thơ
khao khát chuyện yêu đương
như ngày nào
một thuở ngu ngơ
trong thần thờ
là bài tình ca khai bút một nhòai
nổi nhớ
Đại dương vẫn xanh
như ngàn năm qua
từ thiên cổ
xuân vẫn yên bình
và người con gái đẹp có bao giờ không ngoan

Những cơn mưa,
những cơn mưa xuân
ta nhớ về
những cơn mưa bóng mây
vùng địa đàng nào ẩn hiện ngọn ngọn
bến lén
gọi mời
biết bao lần đời ta khởi sự
sa lầy
Biển cả xôn xao
phận người hoang phế
ta bàng hoàng
dạt năm tháng ký ức
sững sờ...
ngõ thời khắc giao thừa nơi quê người
còn xa lắc xa lơ...

LÊ MINH HIỀN

NGUYỄN CẦN

bài ca tháng 12 số 1

Phố chẳng giăng dây - nhà dán đỏ
Nhìn nhau qua lớp khẩu trang xanh
Giáng sinh thông trắng , đèn không tỏ
Thao thức đêm đêm mộng chẳng lành

Chúa ở ngôi cao đành bất lực
Nhân loại điều linh dịch già tràn
Lũ đồ hạ nguồn con nước đục
Hỏi người dưới thế có bình an ?

Chấp tay cầu nguyện ngày đi chậm
Như giọt cà phê rót thẳng hàng
Người chào năm mới môi hồng thắm
Tò lại dung nhan đón nắng vàng

Đàn trẻ chờ Claus đêm lạnh
Quà Noel có cả vaccine
Mong sớm qua đi nghìn bất hạnh
Người lại tìm nhau kể chuyện mình

Và thấy nhân gian dần ấm lại
Bên bếp tình vui lửa thấp chiều

Một mai nếu em về...

Mai em về tìm lại những hàng cây
Nay sạch bóng con đường Tôn Đức Thắng
Mai em về thấy một vùng trống vắng
Thương xá Tax không còn gót trẻ lao xao

Mai em về Sài Gòn vào giữa trưa

Những vệt nắng loang trên lễ buồn bã
Lại nhớ café từng bùng phố xá
Thuở ta ngồi đồng dưới những hàng me

Bao chiều la cà quán cóc lang thang
Via hè Gia Long* những ngày rỗng túi
Bài thơ viết xong chuyển tay dấm dúi
Cất vùi những lời than thở vào tim

Sài Gòn của tôi chợt nắng chợt mưa
Nhưng tình yêu chẳng bao giờ bất chợt
Sâu lắng buồn vui vẻ ngoài hời hợt
Máu giang hồ khí khái dễ thương sao!

Mai em về qua những chuyến métro
Ai khóc thương hàng cây giờ đã mất
Những đứa con đi xa hay đã khuất
Vẫn yêu hoài lối nhỏ đến Eden

Espresso không thấm vị nhân tình
Giữa Starbucks nhớ café bit tắt
Nghe quanh tôi xe và người dẫu chật
Xa vắng rồi hương sắc của ngày xưa

Xa vắng rồi như cỏ dại hoang
Con đê khóc thiên đường không có mặt
Vẫn còn đó phố phường luôn tắt bật
Một chút Sài Gòn đã chết trong tôi...
Vậy thôi!

NGUYỄN CẦN

TRỊNH BỬU HOÀI

Cảm thức mùa đông

Cuộc đời tôi đã đi qua hơn sáu mươi mùa đông.

Sáu mươi mùa, khá nhiều so với đời người nhưng quá ít đối với dòng đời.

Có những mùa đông để lại ấn tượng một thời làm ta nhớ mãi. Có mùa đông ta đã quên bởi nó nhạt nhòa trong tâm khảm. Không mùa đông nào giống mùa đông nào, nhưng mùa đông nào cũng có sương lạnh và hoa lá đâm chồi để đón xuân sang.

Từ mùa đông giá buốt của tuổi thơ phải quẩn mẩn ngồi học bài bên ngọn đèn dầu mờ lạnh. Sương ngoài đông xa như len lỏi qua vách lá phả vào người, vào sách bút trên bàn một hơi lạnh vô hình nhưng tích tụ trong từng cảm giác. Cho đến những chiều giáp tết, anh em tôi ngồi quây quần bên cái nồi đất to tướng, nơi mẹ đang đốt lửa nướng bánh phồng. Vừa được nhận hơi ấm từ tấm lòng của mẹ, từ bếp lửa bập bùng; vừa nhai những miếng bánh phồng nếp dòn tan, ngọt lịm trong miệng. Bây giờ đâu dễ tìm lại hương vị ấy nên làm sao quên được.

Tôi vẫn còn nhớ những ngày đầu đông, cắp sách đến trường trong cơn mưa phùn, vào lớp rồi mà những hạt nước li ti vẫn còn lấp lánh trên chiếc áo len i i. Ngôi trường quê bằng tre lá bên cạnh cây đa cao to cả chục người ôm không giáp. Khi lớn lên phải đi học xa, mỗi lần về tới đầu làng nhìn thấy cây đa vươn tàn cao trên bầu trời là tôi biết sắp tới nhà. Cây đa và ngôi trường ấy không còn nữa. Cây đa cổ thụ đã chết, ngôi trường đã dời đi nơi khác, xây tường lợp ngói khang trang trên mảnh đất rộng hơn. Nhưng mùa đông của một thời xa xưa vẫn còn sống mãi trong tâm hồn chúng tôi, những đứa trẻ nhà quê trở mắt nhìn nhau vừa ngạc nhiên vừa thích thú khi nói chuyện mà miệng phả ra hơi.

Chúng tôi dần lớn lên, chia tay nhau khi hết bậc tiểu học. Trường đã hết lớp. Đứa nào học khá, nhà có điều kiện thì lên tỉnh vào trường trung học tiếp tục nghiệp bút nghiên. Đứa thì về nhà chăn bò, theo cha mẹ bắt cá, làm ruộng, làm thuê... Mùa

đông của những đứa may mắn còn cắp sách đến trường vẫn ấm áp và sung sướng hơn những đứa phải lam lũ trên đồng, hay phải đặt lợp, giở chà, mò cua, bắt ốc giữa cái lạnh cắt da trên kinh rạch.

Đặc biệt, xứ tôi không bao giờ có bão. Quá lắm bị giông lốc, nhà tốc mái, cây gãy nhánh là cùng. Vùng biên thùy Tây Nam nằm sâu trong đất liền, bão vào tới đây đã sức tàn lực kiệt, trở thành những cơn áp thấp, mưa mù. Nói đúng ra là quê tôi xưa nay chỉ bị ảnh hưởng bão chớ chưa bao giờ gặp bão. Thường bão chỉ diễn ra vào mùa gió chướng, gây mưa gây lụt. Cùng lắm là tới đầu đông, có gió bắc là hầu như không còn mưa bão. Người nông dân thời đó làm lúa mùa, nên khi sạ lúa thì đón mưa Vía Bà Chúa xứ núi Sam. Năm nào Vía Bà cũng có mưa, không nhiều thì ít. Thông thường thời điểm Vía Bà là khởi đầu mùa mưa, có khi chỉ mưa vài đám rồi ngưng, ít lâu sau mới có mưa tiếp. Nhưng chỉ vài đám cũng đủ để hạt lúa nảy mầm bám rễ vào đất. Cũng có những năm ngoại lệ, Vía Bà lại không mưa, nông dân đoán sai nên chịu mất mùa, lúa giống bị chim chuột ăn sạch, phải lo cái mới để sạ lại khi trời có mưa. Tuy nhiên, sạ trễ là nỗi lo của người nông dân, lúa lên không đúng thời vụ dễ bị nước nổi nhận chìm, gây thất mùa. Làm lúa mùa là phó mặc cho trời, năm nào mưa thuận gió hòa thì trúng; năm nào thời tiết bất thường lúa không đạt sản lượng hoặc mất trắng.

Hồi đó, mùa mưa thường kết thúc vào đầu mùa đông, nên dân gian có câu: Ông tha *nhưng bà hồng tha. Đánh cho một trận mùa ba tháng mười*. Đầu tháng mười xảy ra trận mưa nầy, có khi kéo dài hai, ba ngày; rồi trời chuyển bắc, hết mưa hoặc chỉ có mưa phùn lay phay.

Mùa theo thời tiết, thời tiết tạo ra mùa. Đó là tập quán và trở thành qui luật trong cuộc sống của người biên thùy Tây Nam. Ngày nay dù thời tiết có thay đổi, khí hậu đôi lúc trái khoáy, nhưng cơ bản vẫn không đảo ngược, cho nên các ngày lễ, tết dân gian vẫn là nhịp sống hài hòa và phù hợp với tâm hồn, tâm linh, sinh hoạt văn hóa của người dân. Thế mà có người lên tiếng đòi ăn tết theo Tây, xóa bỏ tết cổ truyền là tết Nguyên đán. Người ta có hiểu “tết” là do “tiết” mà ra! Thời tiết mỗi vùng một khác, cho

nên không thể nào nhập chung tết trên cả thế giới này vào một ngày được.

Năm nay, đã vào đông, bắc lạnh và rất lạnh, nhưng mưa bão vẫn chưa ngừng nghỉ. Con bão này nối đuôi cơn bão kia hình thành ngoài biển Đông rồi đổ bộ vào các đảo và đất liền hoành hành, tàn phá. Người chết, nhà sập, cây đổ, mùa màng hư hại là những thảm cảnh do bão mang tới. Nếu con người ngày nay có nhiều phương tiện hiện đại và điều kiện thuận lợi về dự báo cũng như phòng chống, thì bão cũng thêm phần hung hãn, bất thường và “ma lạnh” hơn. Hồi nào trung bình mỗi năm sáu, bảy cơn bão; cơn bão này tan một thời gian sau mới hình thành cơn bão khác. Bây giờ bão liên tục, cơn bão này chưa dứt hẳn đã hình thành cơn bão mới ngoài biển khơi. Một năm lên tới 16 cơn bão như năm nay, con người phải vất vả đối phó và gánh chịu hậu quả ngày càng nghiêm trọng hơn. May mà cuối cùng bão Tembin suy giảm nhanh thành áp thấp nhiệt đới khi vào miền Tây Nam bộ nên không gây thiệt hại bao nhiêu.

Miền Tây Nam bộ là vùng đất hiền với ruộng đồng bao la, vườn cây trái bạt ngàn. Thánh địa của nhiều tôn giáo dạy người tu nhân tích đức. Con người phóng khoáng, chân thành, hiếu khách và chịu chơi... với hai công tử Hắc, Bạch khét tiếng một thời. Đây là vùng đất mới, được khẩn hoang và bảo vệ bởi từng thế hệ lưu dân chỉ mới gần 300 năm nhưng hào khí ngất trời, phát triển vùn vụt, trở thành một châu thổ phì nhiêu với những đô thị sầm uất, dân cư đông đảo, có một quá khứ hào sảng và oai hùng.

Mùa đông đang nhẹ nhàng bước tới với những nhịp điệu lãng mạn của thời tiết để ngàn hoa vạn lá đâm chồi nẩy lộc và vụt nở khi đón ánh nắng vàng mùa xuân. Mùa đông sẵn sàng gánh lấy bầu trời u ám để cho mọi người được sáng trong trong sương lạnh, được ấm áp bên nhau trong những bàn tay mềm mại, giữa những trái tim nồng nàn, bên những bờ môi ướt với nụ cười như kem lạnh. Dù phải lo toan vất vả trước cơn bão muộn, nhưng tôi nhớ đã lâu lắm rồi mùa đông mới đủ lạnh như thế này. Quê tôi năm nay mới có một mùa đông đúng là mùa đông!

TRỊNH BỬU HOÀI

SCOTT S NGUYỄN
ALICE MUNRO Nobel Winner 2013



SỰ NGHIỆP VĂN chương thành danh của Alice Munro gồm 13 tuyển tập truyện ngắn bà diễn tả đa phần những việc xảy ra tại quê nhà Ontario, Canada, nhờ bà 'lột trần' được những nỗi u uất một cách trang nhã mà sắc sảo. Bà nhận nhiều giải thưởng tại Canada, tại Quốc tế như The Man Booker International và giải Văn chương Nobel năm 2013.

Alice Munro là bút danh, bà tên thật là Alice Ann Laidlaw sinh ngày 10/7/1931, tại Wingham, Ontario, Canada, theo học đại học Western Ontario, về Báo chí và Anh ngữ, nhưng sau hai năm thì kết hôn với James Munro (kết hôn 1951, ông mất 1972); và họ dọn về Victoria, Vancouver, British Columbia, để mở tiệm bán sách, trong thời gian này Bà viết truyện ngắn in trên nhiều tạp chí và chăm sóc ba cô con gái.

Tuyển tập truyện ngắn đầu tay được phát hành vào năm 1968 là Dance of the Happy Shades; gồm những truyện viết về quê hương Ontario được giải Governor General's Award về giả tưởng. Ba năm sau phát hành tập Lives of Girls and Women, gồm nhiều chuyện nặng về phân tích đạo đức và tâm lý.

Bằng cách khai thác về những chuyện xảy ra trong cuộc sống tại Ontario qua nhiều thập kỷ Alice Munro đúc kết trong các tập truyện *Who Do You Think You Are?* (1978), *The Moons of Jupiter* (1982); *Hateship, Friendship, Courtship, Loveship, Marriage* (2001), về sau dựng thành phim *Away from Her*, phát hành 2006 do đạo diễn Sarah Polley. Rồi tập *Runaway* (2004), và *The View from Castle Rock* (2006).

Ba mươi năm sau Bà nhận thêm giải Governor General's với tập *The Progress of Love*, 1998. Qua năm 2005, tạp chí *TIME* chọn Munro vào 'TIME 100' một trong 100 nhân vật xuất sắc trong năm tờ *Time* viết: "Alice Munro nay đã 73, bà đáng được nhận giải Nobel Prize, vì những truyện giả tưởng của bà được nhiều độc giả đón nhận bằng tất cả sự đồng cảm nhiều thân ái và trang trọng."

Năm 2009, Munro nhận giải thưởng Man Booker International, vinh danh sự tận tụy đóng góp cả đời, cùng năm đó bà phát hành tập truyện *Too Much Happiness*.

Munro xuất bản 13 tuyển tập truyện ngắn vào sinh nhật thứ 80. Năm 2012, xuất bản tập *Dear Life*—và cuối cùng bà tuyên bố sẽ giải nghệ từ tháng 6 năm 2013.

Vào tháng 10, 2013 ở tuổi 82 bà nhận giải thưởng văn chương Nobel, tại Thụy điển bà được vinh danh là "Nữ Hoàng truyện Ngắn của Thời đại." Như vậy Alice Munro là người đàn bà đầu tiên của Canada nhận giải văn chương Nobel, là người đàn bà độc nhất nhận giải này sau Herta Mueller năm 2009, và là người đàn bà thứ 13 nhận thưởng từ khi Nobel văn chương bắt đầu năm 1901. Bà là nhà văn Canada thứ nhì nhận giải thưởng văn chương Nobel sau Ông Saul Bellow năm 1976.

"Thật vui sướng được nhận thêm một vinh dự," Munro phát biểu khi được tin nhận giải thưởng tại Canada cho tập *Dear Life*. Khi tờ *The Canadian* báo tin về giải Nobel bà nói: "Tôi biết phải tập trung nhiều cố gắng, nhưng không nghĩ mình sẽ thắng," bà thêm: "tôi hy vọng việc này sẽ cho mọi người nhận thức truyện ngắn cũng là một nghệ thuật quan trọng, không phải thứ dùng để kiểm nghiệm bước đầu trước khi viết truyện dài."

Hiện Alice Munro sống tại Clinton một thành phố gần

nguyên quán nằm phía tây nam Ontario. Năm 1976 bà tái giá với nhà Địa lý học Gerald Fremlin; nhưng Ông Fremlin cũng mất vào tháng 4, 2013.

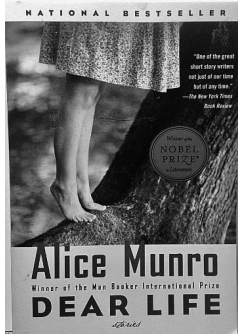
TÁC PHẨM

Dance of the Happy Shades—1968, Lives of Girls and Women—1971, Something I've Been Meaning to Tell You—1974, Who Do You Think You Are—1978, The Moons of Jupiter—1982, Friend of My Youth—1990, Open Secrets—1994, Selected Stories—1996, The Progress of Love—1998, The Love of a Good Woman—1998, Hateship, Friendship, Courtship, Loveship, Marriage—2001, Run-away—2004, The View from Castle Rock—2006, Away from Her (film)—2006, Too Much Happiness—2009, Dear Life—2012.

CÒN LẠI GÌ?

ALICE MUNRO (Dear Life) Nobel Văn Chương- SCOTT S NGUYỄN dịch

THUỞ XƯA KHI mỗi thành phố có một rạp chiếu phim thì tại 'thủ đô' Maverley nầy cũng có một rạp giống như mọi nơi, do Ông Morgan làm chủ vừa là người điều khiển máy. Ông không thích tiếp khách nên thường giấu mình trong phòng rất nhỏ trên lầu với máy chiếu mà điều hành, và Ông cũng bị làm phiền vì cô bán vé lên xin nghỉ để lo việc sanh con. Ông biết vì cô lấy chồng hơn năm qua và cô cũng không thể ngồi mãi trong phòng vé cho đến ngày sanh- nhưng Ông không thích sự thay đổi và tự hỏi sao cô lại xin nghỉ sớm vậy?



Cũng may, cô dẫn theo người để giới thiệu. Con bé ở

cạnh nhà cô có thể làm ca đêm, người nầy không thể làm ban ngày vì nó phải giúp mẹ chăm sóc các em nhỏ, nó trông khôn lanh, dù có chút e thẹn. Morgan cho thế cũng tốt vì Ông không muốn thuê người chỉ thích ba hoa với khách hàng.

Con bé tên Leah, Morgan chỉ hỏi một câu tại sao có tên nầy. Nó trả lời lấy từ kinh thánh. Ông thấy nó cũng chẳng trang điểm gì chỉ có đầu tóc lảng mướt và cái kẹp tóc nhỏ bằng kim loại, mới nhìn thấy non choẹt nhưng nhìn kỹ chắc trên mười sáu. Ông nhận nó làm hàng ngày có một xuất chiếu bắt đầu lúc tám giờ tối, chỉ cuối tuần có hai xuất thì bắt đầu lúc bảy giờ; riêng tối thứ Bảy nó phải đếm số vé và ở lại khóa cửa.

Có một trở ngại, nó có thể đi bộ về nhà mỗi đêm nhưng đêm thứ Bảy thì không mà cha nó cũng không thể đón về vì Ông phải làm ở nhà máy ca đêm. Morgan không hiểu tại sao họ lại ngại ở xứ bình yên như thế nầy, sợ lạc đường chẳng? và Ông nhớ đến một gã Cảnh sát hay tuần tra khu nầy và thỉnh thoảng gã còn ghé xem phim. Có thể nhờ gã đưa con bé về.

Nó nói sẽ hỏi ý của cha mình.

Cha nó đồng ý, nhưng Ông lại có thêm điều kiện là Leah không được để mắt trên màn hình và để tai khi có đối thoại; vì tôn giáo của nhà nó không cho phép. Morgan cũng không muốn thuê người bán vé luôn liếc trên màn hình và lắng nghe đàm thoại. Nhưng các Ông quả thật lo xa vì trong rạp tất cả tường đều cách âm.

Ray Elliot tên viên Cảnh sát, gã làm ban đêm vì ban ngày phải giúp vợ quán xuyến việc nhà. Gã chỉ ngủ năm tiếng vào buổi sáng cộng thêm giấc ngủ trưa, nhưng nhiều khi cũng không trọn vẹn vì gã phải làm nhiều việc vặt hay chuyện trò với vợ- vợ gã tên Isabel- họ chưa có con nên thường hay chuyện trò trên mọi đề tài; gã nói về những việc xảy ra trong thành phố để cho nàng cười, và nàng lại kể về quyển sách mà nàng đang đọc.

Ray gia nhập Không quân lúc mười tám tuổi mục đích để khám phá nhiều nơi và để dễ chết, gã là xạ thủ loại súng gì đó nàng không quan tâm, mà gã vẫn còn sống. Gần tàn cuộc chiến thì gã được chuyển đơn vị mới, chỉ vài tuần sau thì chiếc máy bay cũ bị đạn và mất tích. Khi trở về gã mang theo một ấn tượng

lờ mờ về cuộc sống về số phận mà không biết giải thích thế nào.

Việc đầu tiên gã trở lại trường để mong tốt nghiệp Trung học. Tại đây có mở lớp đặc biệt cho những cựu chiến binh tiếp tục Trung học rồi lên Cao đẳng với hy vọng sẽ đào tạo những công dân hữu dụng. Cô giáo dạy Anh ngữ và Văn chương tên Isabel, ba mươi tuổi có chồng, chồng cô cũng là cựu chiến binh, cô dạy toàn học sinh có đẳng cấp, tuổi cao hơn mình. Cô tính giúp cho những quân nhân đẩy lòng yêu nước và may mắn trở về thêm năm nữa rồi xin nghỉ để lo gia đình. Ray không thích nghe cô giảng bằng yêu cô, muốn tiến xa hơn, xa rất nhiều hơn mong đợi, việc có vẻ ngược đời với mọi người nhưng với họ thì không. Rồi cô ly dị - lại một rắc rối với đại gia đình và làm sủng sốt với chồng cô, người đã có vợ và con riêng. Với Ray thì đơn giản hơn vì gã độc thân chỉ có gia đình nhỏ mà ai cũng mong gã mau lập gia đình với một đàn con. Thế là họ lại bắt đầu một cuộc sống mới, và nàng sẽ tiếp tục dạy cho đến khi Ray học xong Cao đẳng rồi mới tính.

Nhưng việc đời không như mong ước. Cô lại trở bệnh, lúc đầu họ nghĩ vì quá lo lắng, bị chấn động, rối loạn cả lên. Cô thường bị đau mỗi khi thở mạnh, đau dưới xương ức và bên vai trái. Cổ dần những cơn đau và nói đùa rằng bị Chúa phạt vì quá si tình, hay không cầu nguyện, không tin Chúa?

Thật sự cô bị viêm màng tim một chứng bệnh nguy hiểm nếu không kịp chữa trị, một bệnh hay lây; có thể lây cho người chung quanh. Thế là Ray phải xin làm Cảnh sát tại một tỉnh nhỏ, miễn được sống bên nhau, họ không quan tâm; và cô bắt đầu ăn dật.

Nhưng chỉ một điều họ không bao giờ nói: liệu họ sẽ có những đứa con không? Họ lại nói về con bé đi bộ từ rạp về mỗi đêm thứ Bảy.

"*Thật tệ,*" khi nàng nghe có những phim bị cấm chiếu, mà nhút là việc con bé phải bỏ trường để ở nhà lo em giúp mẹ.

"*Và Anh nghĩ cô ta thông minh...*"

Ray không nhớ, gã chỉ nói con bé quá nhút nhát, những lúc cùng đi về gã phải suy nghĩ nên nói những gì và nói những chuyện không đầu không đuôi trong đời và trong phim cho

chóng hết đoạn đường dài.

TRƯỚC LỄ GIÁNG sinh, trời chưa lạnh lắm, khoảng nửa đêm vào một đêm giữa tuần Morgan đến trạm Cảnh sát báo tin Leah mất tích. Đêm đó sau khi bán vé như mọi lần nó đóng cửa để tiền vào tủ rồi ra về, Ông chỉ biết vậy. Phần Ông phải kiểm soát và đóng cửa rạp, khi ra ngoài Ông thấy người đàn bà lạ hỏi về Leah, té ra là Mẹ nó. Cho hay cha nó đương làm tại nhà máy, nên Ông nghĩ rằng con bé có thể đến thăm cha, nên Ông đề nghị họ cùng đến nhà máy thì bà ta lại không đi, nên Morgan phải đưa bà về hy vọng gặp con bé tại nhà, nhưng không... và Ông nghĩ nên đi tìm và cho Ray hay.

Và Ông cũng không muốn báo tin cho cha nó.

Dù có rất ít hy vọng, nhưng họ vẫn cùng đến nhà máy, vẫn không gặp nhưng người cha lại nổi cơn thịnh nộ với lý do người mẹ tự ý rời nhà. Ray không ngạc nhiên vì Leah cũng chẳng có bạn bè. Để Morgan đi về, Ray lại nhà gặp người mẹ trong tình trạng như quần trí bên những đứa trẻ thì tranh giành vừa la ó... bất kể trong nhà đang có người lạ và trong nhà thì rất lạnh.

Nên Leah thường mặc áo lạnh, giống như những đứa nhỏ, làm gã nhớ đến chiếc áo màu nâu rộng thùng thình nhưng chắc nó cũng giúp bớt lạnh nhứt là ban đêm vào mùa Đông của xứ này. Bây giờ thì tuyết cũng bắt đầu rơi nặng hạt.

Xong việc thì Ray về nhà và kể cho Isabel những gì xảy ra rồi gã lại đi tiếp mà nàng không hề ngăn cản.

Khoảng một giờ sau, gã trở về vẫn không kết quả chỉ có tin là các nẻo đường hầu như bị đóng vì cơn bão tuyết mùa Đông đang lù lù kéo đến nhanh.

Sáng sớm hôm sau thì thành phố hoàn toàn cô lập, xe ủi tuyết chỉ làm ở con đường chính, lần đầu tiên hầu hết những cửa hàng đều đóng và khu nhà của Leah bị cắt điện hoàn toàn không còn sinh hoạt nào vì gió làm cây nghiêng ngã la liệt rải khắp mặt đường.

Ray là hội viên của nhà thờ United nơi Leah hàng tuần vẫn đến để giúp cho bà Mục sư, nên gã đến nhờ Mục sư tiếp tay để tìm con bé mất tích vì gã nghĩ rằng nó đang tìm việc làm tốt

hơn là ngồi tại quầy vé, nhưng không có kết quả chỉ làm cho việc khuấy động thêm lên.

Gã cố gắng ngủ khoảng một tiếng vào buổi trưa ngoài ra cùng Isabel và vợ chồng Mục sư và số giáo dân đi lục soát bất kể thời tiết hay giờ giấc họ tìm ở những nhà kho nhỏ sau nhà, chuồng ngựa bỏ trống nhiều năm hay bất kể nơi nào tạm dùng làm nơi trú ẩn, nhưng không có tia hy vọng mặc dù báo cho hay thời tiết rất xấu.

Ray nghĩ, có thể con bé quá giang một chiếc xe nào đó ra đi trước cơn bão tuyết, việc này vừa tốt vừa xấu!!

Dự báo cho hay cơn bão đang ở dưới mức trung bình, chắc sắp tan làm gã nhớ lại con bé có mái tóc nâu, nâu đậm gần như đen.

Cha con bé cùng những phần tử trong gia đình không một ai tham dự; vì có con nhỏ và không được lệnh của cha chăng? Và người cha nghĩ rằng đứa con đã bỏ nhà để về tay Chúa? Và người cha cũng không hề mời Ray vào nhà dù biết trời rất lạnh.

Trưa hôm sau thì cơn bão cũng tan, tuyết được ủi dọn hai bên lề nên đường phố trở nên thông thoáng. Tất cả những tài xế đều nhận lệnh phải quan sát xem có xác người nào bị cuốn trong tuyết không.

Nhiều ngày sau những người phát thư đi qua nhưng tin nhận được không từ gia đình Leah mà từ bà Mục sư. Thư của Leah báo tin nó đã lập gia đình, chú rể là con trai Mục sư, là người thổi kèn của ban nhạc Jazz. Họ còn thêm chữ “Bất Ngờ, Bất Ngờ” ở góc dưới.

Chú rể không sống tại thành phố, lúc nhỏ Mục sư đã gửi đi một nơi khác, hiếm khi về thăm nhà, không ai biết mặt chú giống ai vì chú không bao giờ dự lễ. Vài năm trước chú có dẫn người đàn bà chung diện về giới thiệu là vợ, nhưng hình như không chánh thức.

Người ta lại thắc mắc làm sao con bé thỉnh thoảng mới đến lại gặp chàng trai ở phương xa về? Họ tìm hiểu, chẳng lẽ chúng chỉ gặp nhau có một lần? Và những chuyện Ray nghe tại trạm cảnh sát đồn đãi rất nhiều chỉ mỗi chuyện ‘đàn bà’.

Isabel nghĩ thì đây cũng thật buồn cười, và đây không

phải là trốn theo trai mà chỉ là việc đi trốn bão hay bay theo tìm mùi hương thơm ngào ngạt. Chỉ thoảng chút tình ái lãng nhãng hay bị giọng kèn quyến rũ, thế thôi.

Cô chọc Ray, có thể vì gã kể nhiều phim lãng mạn mở ra một chân trời mới nên con bé học theo. Và Ray cũng không dám thú nhận chính mình cũng bị trống vắng, ngơ ngẩn hay bị tổn thương khi nhận biết con bé đã ra đi, dù chỉ là một phần rất nhỏ của đời.

Gia đình họ và những đứa bé vẫn bình thường, xem như không việc gì xảy ra.

TUY ĐÃ HỮU trí nhưng vợ chồng Mục sư vẫn sống tại thành phố này, họ vẫn ở nhà cũ tuy trong có vài thay đổi. Vợ chồng Mục sư trẻ về, theo phát triển nên nhà thờ được sửa lại khang trang hơn và xây thêm nhà mới nên nhà được bán rẻ cho Mục sư cũ. Họ để một phòng dành cho chàng nhạc sĩ và vợ con, bây giờ đã có hai con; một trai một gái, thỉnh thoảng ghé về thăm thường chỉ có Leah vì nhạc sĩ bận đi biểu diễn. Có dịp hoặc Ray hoặc Isabel thường đến thăm chúng.

Sức khỏe của Isabel đã khá hơn, gần như bình phục, cô thường nấu ăn và hay hội họp đàm luận với các bà về những quyển sách mới mà họ cười đùa vui vẻ. Rồi từ mệt lã đến ngất xỉu nhưng cô vẫn không đi bác sĩ đến khi Ray nổi giận thì cô đổ thừa vì Ray làm cô bệnh, đến khi cô nhận lỗi và hứa sẽ chữa thì bệnh tình đã nặng; mỗi khi phải đi xa Ray phải mượn y tá trông nom. Cũng may, lúc này cô thừa hưởng một số gia tài và Ray cũng vừa mới tăng lương, nhưng gã vẫn tiếp tục làm ca đêm.

Vào một sáng mùa Hè, sau khi ghé bưu điện mà không có thư trên đường về trong ánh nắng bình minh gã gặp người đàn bà đẩy bé gái chừng hai tuổi theo sau là đứa bé trai lù đừ tay nắm váy mẹ họ đều mặc áo thun trắng rất rộng, mái tóc còn mượt hơn xưa và Leah mỉm cười, cảnh này gã chưa thấy bao giờ nó gợi lên một cái gì đấy thích thú. Dù không thư không mang tạp chí nào về cho Isabel vì lúc này nàng sống nhờ tin tức nhút là những hình vẽ dí dỏm trên báo làm nàng cười, ngay đến những quảng cáo về những bộ lông thú hay những đồ trang sức cũng

làm nàng vui với hy vọng nhờ đó nàng kéo dài cuộc sống. Nhưng bù lại hôm nay gã sẽ có đề tài; nói về Leah.

Leah chào hỏi với giọng đầy thân mật và rất vui khi gã nhận ra nó- vì trưởng thành và có nhiều thay đổi nó muốn trở thành một người đứng tuổi. Nó giới thiệu bé gái Shelley và đứa bé trai David đang nhìn ra quãng xa và miệng cầu nhau, nó chọc thằng bé vì hay nắm quần mẹ.

“Bây giờ chúng ta hãy băng qua đường, con cưng..”

Nó nói dẫn các cháu đến thăm người bà con nhân tiện ghé qua bưu điện.

Gã cho hay mới vừa ở bưu điện ra, giờ này họ lựa thư chưa xong.

“Ồ, thật tệ. Hy vọng sẽ nhận được thư của cha, phải không David?”

Thấy đứa bé lại nắm áo mẹ, gã nói:

“Chắc phải chờ người ta lựa xong, và lá thư sẽ còn ở đó.”

Thấy không còn gì thêm để nói nên gã: *“Anh phải đến nhà thuốc tây lấy thuốc cho bà xã.”*

“Hy vọng rằng chị không bị nặng.”

Và gã nặng nề rảo bước và nói gọn: *“Không, không nặng lắm.”*

Nó bước nhanh mà không quên chào những người vừa gặp bằng giọng đầy vui vẻ như chào Ray vậy.

Bà vợ trẻ của Mục sư mới muốn sửa lại một ít trong căn nhà nên có mời số giáo dân đến, bà hỏi hai người đã từng biết nhau chưa, cả hai đã gặp và trò chuyện cùng nhau nhiều lần. Ray thấy Ông ít khi mặc áo dòng nên hỏi như vậy có phạm tội gì không thì Leah xen vào:

“Thật may mắn, tôi muốn hỏi Mục sư vài điều, may quá gặp Ông”

“Thì tôi đây...” Mục sư đáp.

“Về lớp học ngày Chúa nhật, nhưng ngại quá, tôi có hai đứa nhỏ đang lớn nhưng tôi không biết thủ tục và mọi thứ như thế nào?”

“À, việc đó...chúng ta sẽ bàn, và nên làm cái hẹn.”

Ray thấy hình như Ông không được thoải mái khi nói

chuyện với những người như Leah và gã tìm có rút lui nên nói qua loa với nó và cuối đầu chào Ông, với hy vọng còn gặp lại đầu tình cờ.

Về nhà gã kể lại với Isabel về người con gái với nhiều thay đổi không lường trước được mà nhứt là giọng nói trong trẻo cách lạ thường!!! Nhưng nàng có vẻ gắt gỏng vì chờ gã khá lâu để có ly cafe' đen mà người giúp việc thì chín giờ mới đến. Dù sau tai nạn họ đã cố gắng tự điều chỉnh lại nhiều việc.

MỘT VÀI BIẾN cố bất lợi xảy ra trước lễ Giáng sinh khi Ray có dịp phải rời xa thành phố đến nơi mà gã đã tìm được bác sĩ chuyên khoa để kịp thời đưa Isabel vào bệnh viện với phòng bệnh đã chuẩn bị. Trước tiên gã đánh lạc hướng nàng bằng những ngày tràn đầy hạnh phúc trong quá khứ, hay những việc xảy ra tại bệnh viện bằng những bệnh nhân khác thường mà gã chỉ mới biết thoáng qua, gã lang thang cả ngày không quản mưa nắng và không quên mua những tờ báo về đọc tin tức và kể lại cho nàng nghe. Cuối cùng chỉ nghe nàng nói: *"Anh yêu, thật là quý giá nhưng đó là những gì thuộc về dĩ vãng."* *"Dĩ vãng sao?"* gã phản đối, thì được nàng an ủi, sau đó thì gã im lặng và tìm đọc những sách có trong thư viện của nhà thương. Được nàng âu yếm: *"Anh đừng lo, cứ mỗi lần nhắm mắt thì em lại thấy anh bên cạnh."*

Tại bệnh viện nàng đã được dời từ khu chăm sóc đặc biệt đến phòng chứa bốn bệnh nhân. Có lần gã vào thấy giường Isabel thường nằm lại thể người khác, bàng hoàng tưởng nàng qua đời mà không được báo tin, nhưng có bệnh nhân nằm tại góc reo lên: *"Trên Lầu."* Thì té ra nàng được chuyển lên lầu, và y tá hứa lần sau nếu có thay đổi sẽ báo trước.

Để tiện việc chăm sóc nên gã phải xin nghỉ cảnh sát và xin làm việc quét dọn và thuê phòng gần nhà thương. Trở về Maverley trong thời gian rất ngắn để bán căn nhà, gã cũng không muốn gặp hoặc giải thích với một người nào, dù ở đây khá lâu nhưng sức khỏe của vợ quan trọng hơn nên gã cũng chẳng lưu luyến mấy.

Nhưng tại đây gã lại nghe tin bà Mục sư trẻ ly dị vì

Ông ngoại tình, với cộng đồng và giáo dân đây là một tai tiếng lớn nhưng thay vì ém nhem và giữ kín tỏ vẻ ăn năng thì ngược lại Ông lên bục giảng về tình yêu và tình dục mà không chút e ngại, rụt rè và tuyên bố không thấy ngưỡng miêng rằng mình tự do là kẻ độc thân được tận hưởng những lạc thú trên đời. Theo nhiều người cho gã hay đối tượng vụ này lại là Leah, vợ nhạc sĩ, người vừa bị mẹ chồng đuổi ra khỏi nhà. Chuyện gã không tin nhưng có thật mà gã không biết phải kể lại cho vợ nghe thế nào!!!

Ray thấy lo về những tin đồn như vụ bê bối về rượu chè và trai gái không biết người nào đúng? kẻ nào sai? ai cần? hay dựa vào tiêu chuẩn nào? Những người vô công rồi việc nói về những cô gái cập kê thật phí thời giờ. Không biết rồi gã sẽ kể thế nào với Isabel, người vợ thương yêu vào giây phút lâm chung này chỉ cầu mong có một nụ cười héo trên môi?

VỚI TẤT CẢ sự kiên trì dù nàng không mở mắt nhưng gã luôn sát bên cạnh, bây giờ nàng rất ốm người rút lại chỉ còn bộ xương và thun lại như đứa trẻ mong manh, hơi thở rất yếu như có thể ra đi ở bất kỳ phút nào.

Trong khuôn viên bệnh viện có những phòng rất lớn dùng làm phòng hồi phục và tập thể dục cho bệnh nhân, gã thường thấy trống không có dụng cụ và cũng không thấy đèn, nhưng hôm nay tại góc kia lại có ngọn đèn sáng nên gã đánh một vòng qua đó xem sao. Nhìn kỹ gã thấy có người đàn bà, nàng đang ngồi dạng hai chân trên quả banh hơi khá lớn; không biết đang ngồi nghỉ mệt hay để toan tính sẽ đi ngã nào. Người trông giống như Leah, khi gã nhìn kỹ thì chính nó. Nếu biết trước gã không đến, nhưng để bước vào tắt ngọn đèn thì nó đã nhận ra. Nó ngồi thanh thoi với bộ đồ thể thao nên thấy người cô mập hơn: *“Tôi tính sẽ đón chờ anh... Còn Isabel sao rồi?”*

Có chút ngạc nhiên khi nó gọi tên Isabel, và nhắc một cách dịu dàng như hai người bạn thân nhau.

Gã chỉ nói sơ về tình trạng của Isabel, thật sự không muốn nói rõ.

“Anh còn kể nhiều chuyện với cô ta không?”

“Không nhiều lắm.”

“Ồ... Anh cố gắng, không nên bỏ cuộc..”

Không hiểu tại sao con nầy cũng biết nhiều việc quá.

“Anh không ngạc nhiên vì gặp tôi tại đây à? Anh biết không...”

Thật gã chẳng biết phải trả lời thế nào: “Thì...”

“Tôi mới đến xứ nầy và nghe tin Anh ở đây, và tôi nghĩ Anh cũng không biết tôi làm gì ở đây?... Tôi giúp tập cho những bệnh nhân bị ung thư để hồi sức... nếu họ cần...”

Gã nói đó là việc rất tốt.

“Tốt.. mà Anh cũng vậy. Tôi vẫn khỏe nhưng đôi khi, thường là sau bữa ăn tối, tôi cảm thấy trong người kỳ lạ sao đâu.”

Nó thấy như gã chưa hiểu gì nên- cố gắng- giải thích: “Tôi lo về những đứa con, không biết cha chúng lo thế nào?”

“Chắc không sao đâu...”

“Hy vọng... tôi nghĩ chắc bà nội chúng lo... chứ cha chúng còn ở trung tâm cai rượu, chính vì có bà nội nên tòa mới không cho tôi giữ..”

Cô nói với giọng ghen ngào và tay lơ đãng gạt nước mắt.

“Đừng ngại. Khóc có gì xấu đâu? Đó là phản ứng tự nhiên... lâu lắm... dầu tôi muốn khóc cũng không được?”

Người đang cai nghiện rượu là chàng nhạc sĩ thổi kèn. Nhưng không biết Ông Mục sư và những sự việc gì còn xảy ra ở nơi đó?

“Ồ, Ở đó... có nhiều chuyện động trời... làm tôi điên đầu... Ông Mục sư mới lại đi lấy vợ... và Ông thấy như vậy là hạnh phúc... ông ta đã lợi dụng tôi... chuyện thật buồn cười... ông đi lấy một bà Mục sư, thật tôi không biết lại có nữ Mục sư, bà ta là một... ông Mục sư đi yêu một bà Mục sư... thật vui chết đi được!!!!!!”

Thật là cười khô nước mắt... và còn nhiều còn nhiều chuyện nữa nhưng họ chưa nhớ hết.

“Làm việc ở đây và Anh có chỗ ở chứ?”

“Vâng...”

“Anh tự nấu ăn và dọn dẹp à?... thỉnh thoảng tôi có thể giúp Anh...”

Gã trân tráo nhìn cô một lúc... nói có thể nhưng nơi gã ở

quá nhỏ nếu chứa hai người thật khó xoay sở. Xong gã cho hay đã đến giờ phải thăm Isabel.

Cô thản nhiên gạt đầu và nói: “*Gặp Anh sau.*”

“*Gặp sau..*”

CẢ PHÒNG ĐANG chờ gã. Khoảng một giờ trước y tá kiểm soát cô vẫn yếu như mọi lúc nhưng bây giờ cô ‘đã ra đi’.

Thường thì không cảm thấy gì, nhưng bây giờ trong gã là tất cả sự trống vắng đến kinh hoàng, gã nhìn trần cô y tá trong yên lặng đến dị thường nên cô chỉ biết hướng dẫn gã làm thủ tục...

Dẫu rằng việc có thể đến trước rất lâu nhưng họ vẫn cố níu kéo, lôi kéo đến bây giờ... làm gã thấy cô đơn chơi vơi đến tận cùng. Chung quanh mọi hoạt động vẫn xôn xao nhưng bây giờ gã trở thành thụ động, ghi chữ này, ký chỗ khác... nhưng trong đầu gã, giờ này chỉ còn từ “Còn Sót Lại” tại sao nàng lại không ‘Còn Sót Lại’ để gã kể lại cảnh éo le trên đời mà gã từng gặp và đang gặp... nàng ‘đi rồi’ thì những việc này gã sẽ kể với ai???

Như còn sót lại giọt cafe’ khô dần rồi cô đọng thành một chấm đen rất nhỏ nằm dưới đáy, gã chỉ mong có một chấm đen dầu còn rất nhỏ nhưng tìm đâu bây giờ???

Bây giờ gã còn lại những gì? Những gì gã còn chỉ là sự thiếu vắng, thiếu không khí, thiếu hơi vào phổi hỏi làm sao gã sống? Nàng ‘đi rồi’ gã trở nên lơ lửng trên đời. Chưa đầy ba mươi nhưng gã chẳng còn gì, có chăng chỉ một tấm hình mỉm cười gằn cứng trên mộ bia để mỗi lần gã còn có nơi tỵ tề còn nơi than thở... cho số kiếp ngậm ngùi. *LasXVIISept26*

Scott Nguyên LasXVIISept26

PHAN THÀNH MINH

Chợ nổi

Tấp nập ghe thuyền đến bến xuân
Đêm cũng thức như ngàn sao đang thức
Quà quê thơm ngát
Rộn rã nói cười đối trao

Đêm bạc phơ bên khói thuốc缭绕
Bếp chưa ấm nên tiếng cười non lửa
Thời hạt gạo công lát khoai đâu còn nữa
Tin yêu xây đắp cuộc đời

Hạnh phúc an khang đến với mọi người
Hân hoan câu chúc
Lá thắm chồi non là lộc
Hoa cho đời
Xuân cho em

Mẹ & mùa xuân

Tròn năm tròn tháng
Chợ đi chợ về
Mồ hôi của mẹ
Thâm tình của quê

Đời còn ngựa xe
Đời còn gian khó
Đường muôn lối ngõ
Khơi vơi nỗi niềm

Bước đi âm thầm
Thời gian không đợi
Xuân còn trong cội
Mùa còn trong cây

PHAN THÀNH MINH

TRẦN HẠ VI một bức tâm thư

Năm thứ ba.

Hôm nay em muốn viết cho anh một lá thư, trong một tâm trạng điềm tĩnh an hòa, sau những suy nghĩ dồn nén gói ghém nảy sinh triển nở qua thời gian trong tâm trí em. Như là ghi lại những gì em suy nghĩ cho mối tình này. Cho anh. Cho em. Như là một kỷ niệm năm thứ ba tình cảm của chúng ta. Cho em. Cho anh. Đây sẽ là một lá thư dài.

Chúng ta đã đi qua một chặng đường khá dài cùng nhau, một chặng đường không phải lúc nào cũng êm đềm đẹp đẽ, nhưng có lẽ những khúc khuỷu trắc trở có khi đau đớn đó đã làm cho tình cảm chúng ta lớn dần lên, sâu đậm hơn, rất, rất nhiều. Em thậm chí nghĩ rằng nếu mọi sự êm đềm nhẹ nhàng và chúng ta cứ bên nhau đều đều đến giờ, có lẽ chúng ta đã chán nhau và tự chia tay lâu rồi. Xa cách dập tắt những ngọn lửa nhỏ và thổi bùng những ngọn lửa lớn. Em vẫn nghĩ mình lốt phốt như con bướm bay lượn nhẹ nhàng rồi biến mất, thế mà, đã bị trói chân trói cánh lại với mối tình này. Với anh. Giờ đã là năm thứ ba.

Anh nhớ không, khi anh bảo anh yêu em mãi mãi, em cười bảo là em không có khái niệm mãi mãi. Hay là, em yêu anh hai năm nha. Rồi tới đó, tính tiếp. Bây giờ đã quá hạn hai năm. Và vẫn còn bên anh. Anh biết em nghĩ gì không? Em đang ngồi nghĩ là ngày xưa em đã đại dốt ký vào tờ khế ước mười năm với anh bằng cách quàng chiếc khăn anh tặng để chụp hình cho quyển passport đầu tiên của em trên đất Canada này. Passport của em sẽ hết hạn năm 2029. Như vậy, có thể, chúng ta, sẽ tồn tại đến năm 2029? Em không biết, hiện tại đó là cách em tự dằn lòng mình không đòi chia tay, không đòi ra đi, chấp nhận là mình đã ‘ngủ đại’ ký khế ước (dẫu không cố ý) và mình sẽ ngồi đây yêu

anh đến thời gian đó. Rồi tính. Vàng, rồi tính.

Với anh, có lẽ cũng thế. Đầu tiên anh chỉ trêu ghẹo em cho vui, đá vàng gì đâu, nói ‘mãi mãi’ cho em nghe vui vậy thôi. Rồi dần dần, ngày qua ngày, sự việc này qua sự việc khác, nó lậm vào tim. Thành một thói quen. Đôi khi, còn hơn cả một thói quen, nó trở thành một phần hơi thở và dưỡng khí. Là miễn êm ái bản thân tìm về mỗi ngày, mỗi tuần, mỗi khi thanh tĩnh lòng. Là niềm vui. Là niềm khắc khoải. Và cả niềm đau. Là tình yêu.

Tình cảm chúng ta, có lẽ, đã trở thành một thực thể sống riêng lẻ, thậm chí không phụ thuộc vào chúng ta. Em nghĩ như thế. Một ‘institution’, theo cách mà em vẫn gọi. Nó tồn tại bên ngoài chúng ta, nó liên kết với chúng ta, nhưng nó có hơi thở riêng và sự sống riêng. Nó sản sinh oxytocin của nó và nối kết anh và em trong một mạng lưới sóng điện từ thần giao cách cảm chẳng chặt vô hình dai dẳng mãnh liệt. Ôi, em đã rất nhiều lần khăn gói ra đi để rồi khi anh nhớ em thì em quắt quay đau lòng khóc sụt sướt không chịu nổi và trở lại. Trong lần chúng ta chia tay nhau mấy tháng, anh đi chơi xa một tháng, em hoàn toàn vui vẻ hơn hờ không nghĩ gì đến anh, cứ tưởng đã quên anh rồi, thì đột nhiên một ngày nọ lại đau lòng khóc lóc tả tơi không nín được. Lên facebook xem, biết đó là ngày anh bay về nước. Khi bay, có nhiều thời gian rồi, không có việc làm bận trí, nhớ em. Anh vui vẻ thì em rạo rức hơn hờ, anh yêu thương thì em thấy lòng mình dịu dịu êm êm, anh nghĩ về em mà đau buồn thì em khóc không nín được. Vậy thì, hỏi anh, làm sao em có thể ra đi. Làm sao em có thể quên anh.

Hôm trước, sau khi đăng bài thơ “Tha thứ” viết về cuộc tình đầu tiên năm hai mốt tuổi của em, cuộc tình đã làm cho em đau khổ gần mười hai năm sau đó, người yêu mà em đã ‘re-surrect’* không biết bao nhiêu lần trên còi facebook thơ, em đột nhiên nghĩ đến anh, và chìm ngập trong một cảm giác biết ơn vũ trụ. Biết ơn đã được gặp anh, đã có tình yêu này, đến nỗi em nghĩ rằng ‘tất cả những khổ đau đã trải qua cũng là đáng để mình

đến được với tình cảm này hôm nay'. Trời ơi, nghĩ xong em giật mình. Anh có biết, trên đời này, đến giờ, chỉ có hai người làm cho em nghĩ được như vậy. Một người, là chồng em. Một người nữa, là anh. Anh cũng là một hình mẫu được 're-surrect' từ mối tình đó và anh là người cuối cùng làm lành (heal) trái tim em từ mối tình đầu tiên đó. Đúng là, phải cần nhiều hơn một tình yêu để có thể cứu rỗi một tình yêu. Những đau khổ miên miên day dứt tiếc nuối của em, cuối cùng cũng đã chấm dứt hoàn toàn. Sau anh, sẽ không có ai được re-surrect từ hình mẫu đó nữa. Vì, em đã yên lòng. Em đã hiểu được lời nhắn và bài học của vũ trụ. Em đã tìm thấy tình yêu, có thể, không có kết thúc vẹn toàn kỳ mỹ viên mãn, nhưng, là một tình yêu thật lòng.

2009, em gặp chồng em từ một game online. Một trò chơi. Em chẳng nghĩ gì nghiêm chỉnh cả, có game thì chơi thôi. Khi chồng em đề nghị sẽ sang Việt Nam gặp em, em nghĩ 'à, mình sẽ có một tuần vui vẻ', rồi thôi. Vậy đó, 'một tuần vui vẻ' đã thành một cuộc hôn nhân bước sang năm thứ mười ba. Và có lẽ là người chồng duy nhất của em trong cuộc đời này. 2019, em gặp anh trong 'trò chơi' văn thơ của em. Đúng, văn thơ cũng là một trò chơi của em thôi mà. Em đã nghĩ 'được vài tháng trôi qua vui vẻ' (và có lẽ anh cũng nghĩ thế), em đâu có biết, bây giờ đã đi tới năm thứ ba, em lại đang có ý nghĩ là sẽ ngồi yêu anh đến năm thứ mười, và biết đâu... Phải chăng là, vì bản thân em là người quá nghiêm chỉnh, nên tất cả những tình yêu thật sự của em, sẽ đến từ những trò chơi...

Em có yêu chồng em không? Có. Rất nhiều. Và vẫn sẽ yêu. Em có yêu anh không? Có. Rất nhiều. Và vẫn sẽ yêu. Gần như, hai điều đó không có gì nghịch lý cả. Anh có yêu vợ anh không? Có. Rất nhiều. Và vẫn sẽ yêu. Và em nghĩ anh cũng sẽ nói về em như thế. Em sẽ không vì anh mà bỏ chồng mình. Anh sẽ không vì em mà bỏ vợ mình. Tình cảm của chúng ta, chỉ song song tồn tại với tình yêu gia đình, trong một dạng 'open relationship', một mối quan hệ mở, thế thôi. Người đời, nói gì, là chuyện của người đời. Ở đây, là cuộc sống của chúng ta. Trái tim của chúng ta. Và

tình yêu của chúng ta.

Đã nhiều lần em không dám dùng khái niệm ‘twin flames’ với anh. Twin flames là những mối tình thắm thiết tuy quần áo trong xa cách nhưng cứ mãi miên miên trường tồn. Tự thân là một ngọn lửa, khi xuống đến trái đất này thì tách làm hai, và qua nhiều kiếp sẽ tìm thấy nhau, nhưng là những tình cảm giằng xé đau đớn, xa cách, trái ngang, dù không thể ngừng yêu nhau. Đến kiếp cuối cùng trên mặt đất thì hai lưỡi lửa twin flames đó mới tìm thấy và hòa nhập vào nhau. Có nhiều người tin, mình sống với linh hồn tri kỷ (soul mate) của mình, và yêu twin flame của mình. Em, không nghĩ như thế. Em nghĩ đơn giản là chúng ta là những linh hồn tri kỷ (soul mates), và mỗi người có nhiều hơn một linh hồn tri kỷ trong đời, có nhiều hơn một nửa trong đời. Phiêu diêu qua nhiều kiếp, tái sinh tiêu thất hủy diệt, nhưng luôn có cách tìm thấy nhau. Tìm thấy nửa nào trước hay ân tình duyên nợ nặng hơn với một nửa nào đó thì có duyên làm chồng vợ với nhau. Không đủ duyên, hoặc muộn màng đến sau, thì có lẽ cũng giống như anh với em, hiện nay, vậy. Những linh hồn tri kỷ, song song.

Lá thư này, là một lá thư riêng, nhưng sẽ dành cho nhiều người đọc. Có lẽ, vì em quen thể hiện tình cảm như thế rồi. Em có thể nói với cả thế giới rằng em yêu anh, nếu như anh muốn. Là một người đàn bà văn chương, tình yêu của em tất nhiên bước vào văn thơ của em, và văn thơ sẽ thay em lưu giữ tình cảm của chúng ta, mãi mãi, cho tới khi nào, còn có người nhớ đến và đọc những bài thơ của em. Em, sống, yêu, viết, và tồn tại, tự hủy và đứng dậy, tổn thương và lên xuống, đau khổ và hạnh phúc, theo cách của riêng em. Cảm ơn anh đã đến trong cuộc đời em để làm lành những vết thương từ thời trẻ dại của em, và để em tin rằng, em là người đàn bà rất may mắn trong đời, vì có hơn một tình yêu. Em yêu anh.

06.01.2022

TRẦN HẠ VI *re-surrect: làm khôi phục, sống lại

PHAN NI TẤN

ngày xuân con én

Cứ mỗi độ xuân về chim én lại xuất hiện bay rợp trời trên cao nguyên quê tôi. Chim én là biểu tượng của mùa xuân, và là hình ảnh rất quen thuộc với người Việt mình. Hồi nhỏ tôi tưởng chim én là chim yến, nhưng lớn lên tìm hiểu mới biết không phải. Chim én là chim én, cũng không phải là chim yến như nhiều người ngộ nhận, còn chim yến gọi là yến biển. Hai loài chim này mới nhìn thấy giống nhau, có cùng sở thích bay lượn và săn mồi trên không, còn thì khác nhau ở nhiều điểm.

Chim én có lông màu đen hoặc xanh đen, mỏ lớn hơn mỏ chim yến. Chim én có thể đậu trên dây điện nhờ đôi chân cứng cáp, trong khi chim yến không đậu được vì chân rất yếu. Bù lại, chim yến bay cao hơn, nhanh hơn chim én và bay lượn suốt ngày. Khi bay, đôi cánh chim yến xòe ra rất rộng, còn cánh của chim én có hình cánh cụp, đuôi chim yến cũng chẻ hai nhưng không nhọn và dài như chim én. Chim én thường xây tổ trong hang hay trong khe hở các mái nhà, còn chim yến thường xây tổ ngoài đảo. Nhìn chung, loài chim này bay nhanh nhất thế giới so với các loài chim khác.

Có hai loại yến là yến đảo và yến nuôi. Yến đảo làm tổ trên những vách đá cao, dựng đứng hoặc trong những hang động cheo leo, hiểm trở. Tổ chim yến có hình dạng như cái chén, to, dày và cứng để bảo vệ trứng và chim non. Tổ làm bằng bùn

đất, rong, rêu, cỏ, lông và lá cây kết bằng nước miếng của chúng. Thức ăn sẵn từ thiên nhiên nên tổ chim yến rất tinh khiết và quý hiếm, được coi là một dược phẩm thượng hạng. Đời vua chúa ngày xưa bên Trung Hoa, tổ yến dùng để tiến vua. Ngày nay, ngoài thị trường tổ yến có giá rất cao, nhưng ai cũng có thể mua được, vì thiết giả lẫn lộn.

Yến nuôi là yến được nuôi trong nhà. Chuồng yến na ná như chuồng bồ câu nhưng lớn như nhà ở cất trên gác thượng. Chuồng được trang bị hệ thống sưởi ấm, tạo mùi hoang dã, tiếng chim mỗi cũng giả. Chim yến ngoài thiên nhiên nghe tiếng kêu của đồng loại sẽ tụ lại, nếu thích nghi sẽ ở luôn. Sáng sáng chúng bay đi tìm thức ăn từ thiên nhiên, chiều bay về tổ.

Hiện nay ở Rạch Giá, khu lấn biển trên đường Lâm Quang Ky, nhiều nhà dân cất chuồng nuôi yến thu được nhiều lợi nhuận. Nhưng vì là yến nuôi nên giá cả rẻ hơn yến đảo.

Trong thi ca Việt Nam, chim én được nhắc tới nhiều hơn chim yến. Thí dụ:

- *Một con én không làm nên mùa xuân*
(Ngạn ngữ))

- *Nhạn về biển Bắc nhận ơi*
Bao thuở nhận hồi để én đợi trông
(Ca dao)

- *Én bay thấp, mưa ngập bờ ao*
Én bay cao, mưa rào lại tạnh
(Tục ngữ)

- *Những là én Bắc nhận Nam*
Cánh hoa mặt nước biết làm sao đây
(Bích Câu Kỳ Ngộ)

- *Ngày xuân con én đưa thoi*
(Truyện Kiều)
- *Nhạn về én lại bay đi*
Đêm thì vượn hót, ngày thì ve ngâm
(Tản Đà)

- *Mỗi kỳ nghỉ em lại bay đi mất*
Én mùa xuân, ơi con én của anh
(Lê Phong Trần – Nghỉ Giáng Sinh)

- *Ngày cũng vừa xanh đáng tịch liêu*
Đường xa sấu tiếp với cây chiều
Bầy chim én cũ qua thành phố
Về gọi thời gian vỗ cánh theo
(Nhã Ca – Ngày Tháng Trôi Đi)

Én cũng là đề tài trong các bài hát mừng xuân của các nhạc sĩ như *Chinh Phụ Ca* (Phạm Duy), *Mùa Xuân Đầu Tiên* (Văn Cao), *Xuân Và Tuổi Trẻ* (La Hối – Thế Lữ), *Nếu Xuân Này Vắng Anh* (Bảo Thu), *Xuân Này Con Không Về* (Trịnh Lâm Ngân), *Mùa Xuân Xôn Xao* (Hàn Châu), *Tạm Biệt Chim Én* (Trần Tiến), *Những Cánh Én Mùa Xuân* (Nguyễn Hiền), *Mùa Chim Én Bay* (Anh Thơ), *Xuân Ở Xuân* (Nguyễn Ngọc Thiện), *Khi Chim Én Về* (Võ Công Anh) v.v...

Tóm lại, chim én là loài chim quen thuộc đã bay vào tâm thức của người Việt từ bao đời. Nó có mặt trong mọi lãnh vực văn học nghệ thuật: thơ, văn, nhạc, họa.

Ngoài chim én, Truyện Kiều Nguyễn Du cũng có nói về chim yến, nhưng thường ghép với chim vàng anh, như:

Điều đầu lấy yến làm anh
Ngây thơ chẳng biết là danh phận gì
...
Nàng rằng: Trời nhé có hay!
Quyến anh rủ yến sự này tại ai.

Nói tới chim yến tôi bồi hồi nhớ lại hồi nhỏ tôi và năm ba thằng bạn hay tắm biển Nha Trang. Tuổi trẻ hăng máu nghịch ngợm thích chọn bãi nào có những lượn sóng dữ dằn đập âm âm vào bờ, sủi bọt trắng xóa là lao mình xuống. Vẫy vùng trước cái bao la hùng vĩ của sóng biển từ sáng tới trưa xong lên bờ rượt bắt mấy chú còng, mệ thì nằm dài trên cát, nghe hàng dương vi vu, ngắm mây trời lộng gió, ngó về Cầu Đá, ngó ra Hòn Tre, nhất là neho mắt ngó ra Hòn Yến tí ngoài khơi xa.

Hồi nhỏ tôi thích đọc truyện đường rừng, truyện phiêu

lưu, mạo hiểm, ưa nhìn những gì mờ ảo xa xôi. Sau này lớn lên, có dịp trở lại Nha Trang, đứng trước biển tôi đều nhìn lung ra ngoài khơi coi Hòn Yến... còn đó hay không.

Có lần tôi xuống xóm Cồn, gần Cầu Đá thăm thằng bạn tắm biển ngày xưa được vợ chồng nó đãi rượu đậu nành dưa cay bằng ghẹ luộc, ốc nướng và chén cháo yến thơm điếc mũi. Lúc ngà say nó oang oang kể về nghề săn bắt tổ yến nghe mà mê. Trong đám bạn tắm biển hồi đó, nó là thằng chì nhất, chẳng sợ biển cao sóng cả là gì. Chính nó là... “thằng thầy” dạy tôi dùng cảm lao mình vào những đợt sóng lớn, sùng sục sôi trào đổ áp vào bờ. Nó cũng dạy tôi chèo thuyền thúng mà “người ở núi” như tôi chèo gì thì chèo nó vẫn lắc lư, xoay tròn một chỗ.

Thuyền thúng đan bằng tre, hình tròn, chở được một hai người, chỉ có ở các làng chài Việt Nam, dùng để ngư dân nuôi hải sản di chuyển. Lớn lên tụi tôi đều vào lính, riêng nó - con một - trở thành tay săn bắt tổ yến chuyên nghiệp. Vào mùa khô, nó theo ba nó dong ghe ra Hòn Yến, cách bờ biển Nha Trang khoảng 12 hải lý (25km) săn bắt tổ yến. Năm 1985, ở hải ngoại tôi nghe tin nó bị té chết trong hang yến vào tháng 3, đầu mùa thu hoạch tổ yến.

Nghĩ tới nó mà xót xa. Nhưng dù sao, trong đám bạn tắm biển Nha Trang hồi nhỏ, nó là thằng sau cùng chết ở ngoài đảo so với bốn thằng bạn kia lần lượt hy sinh trên rừng trên núi âm u. Bây giờ còn lại mình tôi ngối nhớ lại những chuyện ngày xưa mà thương cho tuổi trẻ Việt Nam trong thời khói lửa, đao binh. Mỗi lần nhớ tới những thằng bạn chết trẻ tôi lại bùi ngùi. Có trời mới biết hồn tụi nó bây giờ ở đâu, đã giạt về phương nào hay còn vất vưởng đâu đó trên quê hương khốn khổ kia.

Thôi thì tôi cũng cầu mong cho tụi nó bay cao hơn chim yến trên trời đầy mây trắng hồng sớm tiêu điều miền cực lạc nào đó xa xăm.

PHAN NI TẤN

NGỰ THUYẾT sông nước

Nhớ Ân, Oanh.

The Snow of Kilimanjaro (Tuyết Trên Đỉnh Kilimanjaro) của Hemingway là một truyện ngắn đặc sắc. Cùng với những hồi ức của một nhân vật sống sôi nổi và thích phiêu lưu, là cái ân hận đã không ghi lại, trước khi lìa đời, những gì đáng nhớ.

Chẳng hạn, nhân vật đó trải qua một Giáng Sinh đã xảy ra rất lâu và đầy biến cố, *Nhưng hắn không hề viết một dòng nào về chuyện ấy, cũng không viết gì về ngày Giáng Sinh lạnh lẽo, sáng rực, có những ngọn núi chạy băng ngang qua những đồng bằng ...* (But he had never written a line of that, nor of that cold, bright Christmas day with the mountains showing across the plains ...)

Trong một đoạn khác nói về cuộc tình đổ vỡ trong bối cảnh của một thế giới lắm đổi thay mà hắn là nhân chứng -- *hắn là người trong cuộc, đã nhìn thấy cuộc sống ấy, và có bốn phận ghi chép lại; nhưng bây giờ hắn không còn viết được nữa rồi* (he had been in it and he had watched it and it was his duty to write of it; but now he never would.)

Lại một đoạn khác: *Không, hắn không bao giờ viết về Paris. Không phải thú Paris mà hắn quan tâm. Nhưng những thú khác hắn cũng chưa bao giờ viết đến thì sao? Chẳng hạn cái trang trại và màu xám bạc của lùm ngải đắng, dòng nước trong chảy nhanh dưới những mương rãnh, và màu xanh đậm của cỏ linh lăng. Những con đường mòn chạy lên những ngọn đồi và đàn gia súc vào mùa hè nhút nhát như nai. Tiếng kêu và tiếng động*

đều đều và cả đàn súc vật di chuyển chậm chạp làm bụi tung lên khi người ta lùa chúng xuống vào mùa thu ... (No, he had never written about Paris. Not the Paris he had cared about. But what about the rest that he had never written? What about the ranch and the silvered gray of the sage brush, the quick, clear water in the irrigation ditches, and the heavy green of the alfalfa. The trails went up into the hills and the cattle in the summer were shy as deer. The bawling and the steady noise and the slow moving mass raising a dust as you brought them down in the fall ...)

Cứ thế, chen lẫn những hồi ức là những ăn năn, hối tiếc đã không ghi lại những trải nghiệm đáng nhớ trong đời mình. Có lẽ người viết nào cũng hơn một lần mang tâm trạng hối tiếc đó.

Tôi xa quê hương lâu ngày. Cách đây trên dưới 20 năm, tôi trở về thăm. Bà con, bạn bè đón tiếp quá ư niềm nở -- điều đó khỏi phải nói nhiều. Nhưng tôi rất ngại một chuyện. Tôi không muốn gặp công an khóm phường để phải khai báo tạm trú, tạm vắng. May thay, mấy người em họ của tôi biết ý đã rất chu đáo làm công việc đó cho tôi. Chuyển về thăm ấy đã để lại trong tôi ngổn ngang trăm thứ chuyện, vui buồn lẫn lộn. Tôi chỉ ghi lại một vài mẩu chuyện mà tôi còn nhớ rõ như thể nó mới xảy ra hôm qua, mà đáng lẽ tôi phải ghi lại ngay khi hai người bạn rất thân yêu của tôi còn tại thế, gọi là chút kỷ niệm san sẻ cho nhau. Hơn thế nữa, tôi đã chịu khó ghi lại trong cuốn sổ nhỏ mấy chi tiết mà tôi cho là cần thiết.

Rồi tôi cứ hẹn rày, hẹn mai, không chịu viết ngay. Bây giờ thì đã quá muộn màng. Dù vậy tôi vẫn cảm thấy như mang một món nợ đối với hai người bạn, và mấy người em họ, không trả không yên tâm. Cho nên hết nằm lại gối, cố nhớ lại, dần dần nhớ hết từng chuyện đã xảy ra của quãng thời gian xa xôi, thăm thẳm đó. Và loay hoay ghi chép.

Sau khi ở lại Sài Gòn mấy ngày, tôi ra thăm Huế. Cùng đi, có người em họ, A., và người bạn, O., hai người rất thân thiết. Hai bạn đã phải ráng thu xếp công việc làm ăn hàng ngày để có

thể dành riêng hơn một tuần lễ cho tôi. Chúng tôi đồng ý với nhau đi bằng xe đò, được dễ dàng ghé lại nhiều nơi, tha hồ nhìn ngắm cảnh cũ. Xa quê nhà lâu ngày, tôi mong được nhìn lại. Có nơi nguyên vẹn như xưa, có nơi đổi thay không nhận ra nổi.

Xe ghé lại Nha Trang khá lâu cho hành khách nghỉ ngơi, giãn tay giãn chân, và ăn trưa. Quán ăn khá thơm tất. Tôi và A. ngồi vào bàn chọn món ăn trên thực đơn trong khi O. đi quanh. Chàng này tính vốn hiếu động, xe dừng nơi nào là cũng rảo chân đi nhìn cái này, ngắm cái kia. Chỉ một chốc sau, O. trở lại bàn ăn với nụ cười toe toét. Xin mở dấu ngoặc: Trước 1975, cả ba chúng tôi đều có dạy môn Anh văn.

O. nói:

“Cái con nhỏ đó ngồi một mình, trông tội nghiệp quá. Moa kêu nó tới đây nghe.”

Chúng tôi quay nhìn. Một cô nàng phương Tây trẻ tuổi, khoảng dưới 30, khá đẹp, ngồi cách chúng tôi mấy bàn. Chẳng biết O. trở tài tán tỉnh như thế nào, cô ta cùng O. tới. Thì ra cô là người Anh, tên là Katherine Faulkner. Sau biết thêm cô là bác sĩ mới ra trường, đi du lịch mấy nơi ở Châu Úc, châu Á, trước khi trở về Tô Cách Lan làm việc cho một bệnh viện. Cô cho biết cô vừa từ nước Lào qua, và rất thích dân Lào hiền hòa. Tôi vẫn biết người Tây phương dù là phái nữ không ngại đi du lịch một mình ở những xứ lạ.

Từ đó về sau, chúng tôi đi đâu, Katherine theo đấy, ở chung khách sạn riêng phòng.

Ra đến Hội An, chúng tôi ở lại qua đêm tại một khách sạn lớn, và hẹn nhau sáng ngày hôm sau dậy sớm tranh thủ đi bộ xem những con phố cổ còn say ngủ. Nghe nói Hội An trong buổi sáng tinh sương êm đềm và tĩnh lặng vô cùng.

Ngủ dậy, không thấy O. đâu cả. Chờ một chốc, không thấy, hai chúng tôi cùng nhau ra đi. Lúc trở về, cũng không thấy cái anh chàng mê gái này, chúng tôi tới phòng tiếp tân hỏi. Được trả lời, Hai anh thử ra tìm ngoài hồ bơi. Không xa đâu.

Quả nhiên O. và Katherine đang ngồi bên nhau chuyện trò, không mặc đồ tắm. Thấy chúng tôi, Katherine vốn vã, O. “thanh minh thanh nga.” Khi chia tay trở về phòng chuẩn bị đi

ăn sáng, O. mời cô nàng cùng đến ăn, và bạo mồm tỏ tình với cô nàng trước mặt hai chúng tôi: *I love you*. Sau một phút hơi lúng túng, cô ta nói rằng bạn của hai anh quả là người nhanh nhẩu, vui tính, luôn luôn muốn làm kẻ khác hài lòng. Thế thôi.

Ra đến Huế, chúng tôi ở tại một khách sạn gần sông Hương. Sau mấy ngày đi thăm bà con, thăm mộ, thăm lại vài thắng cảnh, mấy đứa em họ rủ chúng tôi đi “chơi trên sông, trên nước, mênh mông, ướt át”. Chúng tôi hoan nghênh ngay, dù mùa này Huế đang mưa. Katherine xin đi theo.

Một chiếc thuyền có hai mái chèo, có máy nổ, có mái che. Thuyền khá lớn đủ để chở bốn người chúng tôi và khoảng mười người nữa -- đó là những người em họ, vài đứa cháu của tôi, và vài đứa bạn của các cháu. Nhưng không có phao nổi để phòng thuyền đắm. Katherine nêu lên điều đó. Chúng tôi bảo không phao cũng không sao. Cô nàng có vẻ ngạc nhiên, và im lặng. Thật ra về sau này nhờ “văn minh”, có nhiều phương tiện, và biết quý mạng sống, nên đi thuyền trên sông, trên biển phải có phao, hoặc áo phao. Trước kia khác.

Chúng tôi sẽ theo đường thủy đến núi Tuý Vân, có ngôi chùa cổ. Khá xa. Tuý Vân gần cửa Tư Hiền, đi thêm một đoạn sẽ đến Cảnh Dương rồi Cảng Chân mây. Tiếp theo sẽ đến Lăng Cô và Đèo Hải Vân.

Trời đang mưa nhẹ. Thuyền neo tại bến đàu gần cầu Trường Tiền. Lên thuyền lúc 8 giờ sáng, và hướng về Ngã Ba Sinh, chỗ gặp của sông Hương và sông Bồ. Nhìn phía trái, xa xa là lò gạch Nam Thanh chìm trong mưa mù, nằm giữa những cánh đồng xanh ngát và ướt át. Sóng càng lúc càng lớn khi thuyền đến gần ngã ba sông.

Thuyền ghé lại chợ Quy Lai mua thịt heo, đùi heo còn tươi gói vào lá chuối xanh, rau sống, ớt tỏi, chai nước mắm, bánh mì và mười lon bia. Nhân tiện tới thăm đình làng Quy Lai cổ kính gần đó, được xếp vào Di Sản Văn Hóa Quốc Gia.

Tới ngã ba sông, nếu rẽ trái sẽ đi trên sông Bồ, sẽ chạy tới các làng Vân Cù, Liễu Cốc bên trái con sông, Phù Lương bên phải, gần đấy. Sông Bồ dài lắm, còn chảy qua nhiều làng quê nữa.

Nhưng chúng tôi rẽ phải hướng về cửa Thuận An từ đó nếu theo hướng bắc sẽ đến bến đò Ca Cút, các làng Thế Chí, Quảng Công, ..., và Phá Tam Giang. Chúng tôi lại theo hướng nam tiến đến Đầm Thanh Lam rồi Đầm Hà Trung, vân vân.

Mưa càng lúc càng nặng hột, sóng lớn. Mái thuyền không đủ che kín con thuyền. Phái nữ được ngồi giữa lòng thuyền. Cũng may trên thuyền có mấy cuộn bao ny-lông. Những chàng thanh niên vội lấy kéo cắt cuộn ny lông ra thành từng vuông quấn vào người. Tuy thế ai nấy đều ướt át, không ít thì nhiều, vì trên thì mưa, dưới thì sóng lớn bắn vào. Thuyền bươn bươn tiến nhanh, cá dưới sông tránh thuyền chốc chốc nhảy tung lên khỏi mặt nước khoe bụng trắng bóng lánh.

Thuyền đi đã hơn 3 tiếng đồng hồ, mọi người ướt và đói. Các cô, các cậu bèn hè nhau, người thì lấy gàu múc nước từ dưới sông, dưới đầm lên để rửa sạch những gói thịt heo, kẻ thì chặt thịt ra thành những miếng to bằng mấy ngón tay rồi cho vào nồi đun sôi lên bằng lò ga mang theo. Khi nước đã sôi, thả thịt heo vào. Chờ nước sôi lại, cái nồi cạn bớt chút ít, thêm nước lạnh vào. Nước thì khỏi lo, chỉ việc lấy nước ngay bên mạn thuyền từ dưới đầm màu bạc trắng đục chứ không trong trẻo như nước máy. Cứ làm như thế mấy lần cho đến khi thịt heo chín. Tôi ngạc nhiên hỏi, một cô em nói luộc thịt heo theo cách đó thì mới thơm, ngon.

Katherine chẳng biết phải làm gì, và chẳng chẳng ai giao việc cho. Cô ta ngồi yên nhìn ngơ ngác. Một em có vẻ ngại ngần nói, Chắc cái o này “gớm” cái lối nấu ăn của tụi mình. Một em khác tiếp lời ngay, Mặc kệ o đó. Các em nói bằng tiếng Việt, chắc chắn Katherine chẳng hiểu gì.

Quên mang theo chén, đĩa, đũa, muỗng. Tay làm đũa, muỗng, lá chuối làm chén, đĩa. Nước mắm chế vào lon bia đã uống cạn cắt chừa phần dưới. Chia làm hai loại, một nửa có cho vào chút ớt thôi, nửa kia rất nhiều ớt và tỏi. Tỏi tươi và ớt trái còn xanh, mỗi trái ớt to bằng và dài hơn ngón tay cái, cay, giòn, thơm. Bánh mì thì dễ, ai ăn bao nhiêu bẻ ra mà ăn, khỏi cần cắt thành lát..

Từ lâu tôi biết thịt heo tại những vùng quê ở Huế ngon

lắm. Heo được cho ăn thân chuối tươi trộn với nước mả (nước vo gạo) và cám, nấu sôi lên. Hồi trẻ còn đi học tại Sài Gòn, thỉnh thoảng nhận được quà Huế của hai O gửi vào: cái đùi heo luộc -- đùi trước nhiều thịt, mỡ, da, núc ních. Mấy chàng sinh viên nhớ nhà tranh nhau ăn, trăm trổ khen. Lần này trên con thuyền trôi nhanh, dưới cơn mưa lạnh, sóng nước lênh láng, mà bụng thì đói, món thịt heo luộc chấm nước mắm cay “xé họng” ăn với bánh mì nướng nóng hổi, và được trợ hứng bằng bia lon. Sao mà ngon đến thế.

Katherine nhìn chúng tôi ăn uống “xộc xộc”, tỏ vẻ ngạc nhiên. Cô ta chỉ khe khẽ ngút chút bánh mì gặm gặm như thỏ ăn lá bìm bìm. O. mời cô ta ăn thịt heo, cô lắc đầu. Tôi bồi thêm, Ngon lắm, ăn thử một miếng chơi thôi, không răng mô (Trong lúc vui miệng tôi định nói *no tooth where*, sợ cô không hiểu). Nể mặt lòng, cô nàng thò hai ngón tay nhón lấy miếng thịt heo nhỏ không mỡ. Tôi vội dặn thêm, Nhớ chấm thịt vào lon ít ớt nhé. Ăn xong miếng thứ nhất, không ai mời thêm, cô đã vội vàng “vỗ” miếng thứ hai, rồi thứ ba, thứ tư ... không chút ngại ngùng.

Chúng tôi cười to, mấy người em cũng kín đáo cười. Katherine cố làm tỉnh. Trong mấy người đó, cũng có một người em dạy tiếng Anh tại một trường trung học ở Huế, một người cháu làm việc tại sở Du Lịch thành phố, cả hai đều nói tiếng Anh khá lắm. Nhưng không hiểu vì sao không ai chịu bắt chuyện với Katherine. Hay là họ muốn đặc biệt dành cho ông O. cái hân hạnh thủ tiếp “người đẹp của ông”. Bù lại họ luôn luôn giữ một thái độ nhã nhặn vừa phải, không quá vồn vã, cũng không lạnh nhạt. Mọi người đều cảm thấy vui vẻ, tự nhiên, thoải mái. Tuổi trẻ bây giờ tự tin hơn. Ngày xưa có người gặp dịp nói chuyện với người nước ngoài, nhất là người Âu, Mỹ, thường xoắn xuýt quá đáng.

Thuyền vẫn chạy dưới cơn mưa tạnh dần giữa cái đêm mênh mông, sóng nước lênh láng. Lám lúc tiếng máy nổ nghe chát chúa, tiếng sóng vỗ mạnh vào mũi thuyền, át cả tiếng hát vang vang. Vâng, có mấy em hát hay. Tôi thích đi thuyền bằng mái chèo hơn, nhưng đường xa, chèo thuyền thì bao giờ mới tới.

Trời lạnh thêm. Chúng tôi đi lạc vào vùng nước ngư dân

giăng dăng đó nhiều nơi. Phải mất hơn một tiếng chúng tôi mới thoát ra khỏi “mê cung”. Chúng tôi đã cẩn thận quay thuyền lại con đường cũ, và tìm đường mới mà đi chứ không “làm liều” phá những cái đố cái đặng để băng qua cho mau. Và thế là đã đi gần hết Đầm Hà Trung, sắp đến Đầm Cầu Hai. Nhìn xeo xéo bên phải, núi Bạch Mã ẩn hiện khi mờ khi tỏ theo những cơn gió thổi khiến những làn mưa uốn éo trông như những dải lụa trắng xoá khổng lồ vờn vờn trước núi. Bên trái là một vùng cây cối xanh tươi, thỉnh thoảng điểm những cánh cò trắng xiêu bạt dưới mưa, thuộc làng Mỹ Lợi nổi tiếng trồng thuốc lá.

Qua gần hết Đầm Cầu Hai, thuyền rẽ trái, và đập vào chân núi Túy Vân. Núi thấp, leo lên đỉnh dễ dàng. Chúng tôi tới thăm ngôi chùa cổ đã gần như mục nát. Chùa vắng teo. Không thấy thầy trụ trì hay mấy chú điệu (chú tiểu) tóc ba chòm. Thế mà chúng tôi cũng rần rật vào sâu trong chùa, trèo lên thang gác ọp ẹp, nhìn xa bốn phương.

Đã trưa rồi, nhưng 2 giờ chiều chợ mới nhóm. Ngồi bệt xuống đất chờ độ nửa tiếng tại một ngõ trúc xanh biếc, chúng tôi vào chợ mua cá thu nướng và chả Cầu Hai. Dem về thuyền ăn với bánh mì còn lại. Cũng ngon quá đi lận. Và sửa soạn trở về.

Thế là đã tới đích. Vui quá. Niềm vui hiện rõ lên nét mặt, lên cặp mắt của mọi người. Nhưng cái vui không phải vì tới đích mới vui. Vui đã tràn ngập trên đường đi, trong sự hăm hở, trong chờ đợi.

Trên đường trở về thành phố Huế, thuyền đi lạc. Quay lui tìm đường lại mất cả tiếng đồng hồ. Mưa đổ xuống ào ào, lạnh quá. Cháu H. cho mượn chiếc áo mưa ny-lông trong và mỏng dính. Khoác vào, lạ quá, thấy ẩm hần lên. Để đền ơn, tôi ngồi đặng trước án ngữ che mưa cho cháu.

Trời chiều và tối dần, thuyền lại không có đèn pha. Lấy đèn bấm ra dọi, sợ thuyền đi quá sát bờ sông, bờ đầm, lau lách san sát. Hoặc có thể đụng vào những thuyền khác đang ngược xuôi. Hoặc lủi vào những đặng, đó. Thật ra chúng tôi định trở về sớm hơn lúc trời còn sáng. Bị một lần lọt vào “mê cung” trong chuyến đi, lần về lại lạc đường.

Trời tối hẳn, đường về còn xa. Cuối cùng, may quá,

chúng tôi cũng tìm thấy bến sông trước chợ Quy Lai nơi chúng tôi mua thức ăn hồi sáng. Không dám chạy tiếp vào ban đêm tối tăm, không đèn đóm, không phao nổi, rất nguy hiểm, chúng tôi neo thuyền ở đó. May kêu được tắc-xi. Gần 10 giờ tối mới về đến nhà.

Sau chuyến đi đó, và rất lâu sau này nữa, tôi tự bảo nếu thích phiêu lưu, mạo hiểm, hay muốn thoát ra khỏi nếp sống đều đặn nhàm chán hàng ngày, hay muốn gặp chuyện bất ngờ, hay muốn có những kỷ niệm đáng nhớ, thì phải làm gì? Câu trả lời có thể như thế này chẳng. Trước khi ra đi, đừng nhọc công nghiên cứu phong tục, tập quán, địa hình, địa vật, sinh hoạt, của nơi sắp đến; đừng sửa soạn, tính toán kỹ lưỡng, nào thức ăn thức uống quen bụng, quen miệng, nào áo quần ấm hay mát cho hợp thời tiết, khí hậu, nào thuốc men cho đầy đủ, phủ phê phòng khi bị té ngã, thương tích, vân vân. Làm như thế là vô tình đánh mất tất cả mọi cái ngạc nhiên, cái hăm hở rất cần thiết. Có lẽ những người đồng hành với tôi cũng chia sẻ, không ít thì nhiều, ý nghĩ nói trên. Cho nên khi chia tay, đối lạnh, và ướt át, nhưng mọi người đều không vì thế mà bức bối, nhăn nhó, khó chịu. Trái lại rất hài lòng, và hẹn nhau tổ chức những cuộc “phiêu lưu bỏ túi” khác nữa.

Chuyến đi thiếu chuẩn bị và gặp nhiều gian nan này đã để lại cho chúng tôi những kỷ niệm khó quên.

NGỰ THUYẾT

1/2022

**Toàn BBT và quý cộng tác viên
tạp chí VĂN HỌC MỚI :**

Thương tiếc Nhà thơ BT ÁO TÍM

Tên thật : TRẦN THỊ BÊ TƯ

- Sinh ngày : 15 - 1 - 1949

- Mất ngày. : 17 - 1 - 2022

- Hưởng thọ 74 tuổi

**An táng lúc 17 giờ ngày 18 - 1 tại Nghĩa trang gia đình ở
Cà Mau.**



**Chúng tôi thành kính chia buồn cùng gia đình và thân bằng quyến thuộc
NHÀ THƠ BT ÁO TÍM.**

Cầu hương hồn người quá cố an lạc nơi cõi vĩnh hằng

Nguyễn Thị Thảo An, Thùy An, Nguyễn Lương Ba, Nguyễn Thị Thanh Bình, Phạm Quốc Bảo, Nguyễn An Bình, Hoàng Chính, Lâm Chương, Nguyễn Hàn Chung, Khaly Chàm, Hà Nguyên Du, Quỳên Di, Đông Duy, Quan Dương, Phan Hạ Du, Viên Dung, Hoài Ziang Duy, Triều Hoa Đại, Phạm Xuân Đài, Đào Trung Đạo, Nguyễn Tiến Đức, Trần Vạn Giã, Vũ Uyên Giang, Nguyễn Trung Hối, Hạ Quốc Huy, Thái Tú Hạp, Ngã Phương Huyền, Mộng Yên Hà, Phan Tấn Hải, Trần Việt Hải, Nguyễn Thị Hồng Hải, Lê Hữu, Trần Yên Hòa, Trần Nghi Hoàng, Nông Thị Hưng, Lê Văn Hiếu, Khế Iêm, Đỗ Kh, Nguyễn Vỹ Khanh, Khê Kinh Kha, Doãn Khánh, Sa Chi Lệ, Mã Lam, Khánh Lan, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Đình Từ Lam, Thanh Lan, Nguyễn Lạc, Nguyễn Lê, Nguyễn Vĩnh Long, Trần Dạ Lữ, Trang Luân, Hồng Lĩnh, Lê Tuyết Lan, Nguyễn Thị Khánh Minh, Miêng, Phan Thành Minh, Chu Vương Miện, Trâm Cà Mau, Nguyễn Minh, Phan Thành Minh, Ngô Nguyễn Nghiễm, Chu Thụy Nguyên, Cổ Ngự, Mai Ninh, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Huỳnh Liễu Ngan, Minh Nguyễn, Quang Nguyễn, Quỳnh Nga, Trần Thoại Nguyên, Nguyễn Quang Nhạc, Gia đình Trần Văn Nam, Nhật Nguyễn, Đức Phổ, NP Phan, Nguyễn Nguyên Phương, Phan Tường Niệm, Bạch Xuân Phê, Đặng Phùng Quân, Đỗ Quỳên, Phan Công Quan, Hà Bạch Quỳên, Lữ Quỳnh, Nguyễn Văn Sâm, Tuệ Sĩ, Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Đình Toàn, Hoàng Ngọc-Tuấn, Nguyễn Minh Triết, Phan Ni Tấn, Trần Văn Tích, Đinh Phụng Tiến, Trần Hoài Thư, Nguyễn Đức Tùng, Khánh Trường, Ngự Thuyết, Thành Tồn, Thu Thuyền, Phan Thị Trọng Tuyền, Quỳnh Thi, Đặng Thơ Thơ, Lê Hưng Tiến, Lê Hữu Minh Toán, BT Áo Tím, Xuân Thủy, Trần Đức Tín, Nguyễn Trí, Huỳnh Viết Tư, Phạm Hồng Thái, Monghoa Vothi, Nguyễn Hải Thảo, Trần Danh Thùy, Trần Hoàng Vỹ, Trần Hạ Vi, Ngô Thế Vinh, Hư Vô, Lưu Diệu Vân, Nguyễn Đình Phương Uyên, Nguyễn Khôi Việt, Ngô Tinh Yên...

**Toàn BBT và quý cộng tác viên
tạp chí VĂN HỌC MỚI :**

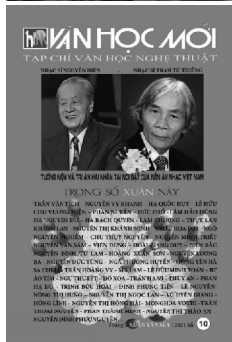
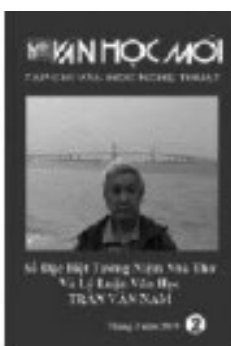
**Thương tiếc Giáo sư dân tộc nhạc học, Nhạc sĩ
TRẦN QUANG HẢI .**

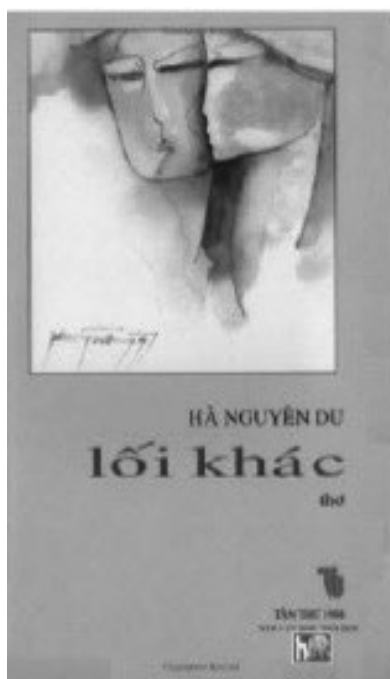
**Ông qua đời lúc 0 giờ 46 phút ngày 30/12/2021 tại Pháp.
Sinh ngày 13 tháng 5, 1944 tại Linh Đông Xã , tỉnh Gia Định, Nam Việt
Nam. Con trai trưởng của GS TS Trần Văn Khê
Hưởng thọ 73 tuổi**



**Chúng tôi thành kính chia buồn cùng Nữ Ca sĩ Bạch Yến, con gái Trần
Minh Tâm cùng chồng Thierry Panchaud và cháu ngoại Hugo Panchaud
Cầu hương hồn Nhạc sĩ quá cố an lạc nơi cõi vĩnh hằng**

Nguyễn Thị Thảo An, Thùy An, Nguyễn Lương Ba, Nguyễn Thị Thanh Bình, Phạm Quốc Bảo, Nguyễn An Bình, Hoàng Chính, Lâm Chương, Nguyễn Hàn Chung, Khaly Chàm, Hà Nguyên Du, Quỳên Di, Đông Duy, Quan Dương, Phan Hạ Du, Viên Dung, Hoài Ziang Duy, Triều Hoa Đại, Phạm Xuân Đài, Đào Trung Đạo, Nguyễn Tiến Đức, Trần Vạn Giã, Vũ Uyên Giang, Nguyễn Trung Hối, Hạ Quốc Huy, Thái Tú Hạp, Ngã Phương Huyền, Mộng Yên Hà, Phan Tấn Hải, Trần Việt Hải, Nguyễn Thị Hồng Hải, Lê Hữu, Trần Yên Hòa, Trần Nghi Hoàng, Nông Thị Hưng, Lê Văn Hiếu, Khế Iêm, Đỗ Kh, Nguyễn Vỹ Khanh, Khê Kinh Kha, Doãn Khánh, Sa Chi Lệ, Mã Lam, Khánh Lan, Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Đình Từ Lam, Thanh Lan, Nguyễn Lạc, Nguyễn Lê, Nguyễn Vĩnh Long, Trần Dạ Lũ, Trang Luân, Hồng Linh, Lê Tuyết Lan, Nguyễn Thị Khánh Minh, Miêng, Phan Thành Minh, Chu Vương Miện, Trâm Cà Mau, Nguyễn Minh, Phan Thành Minh, Ngô Nguyễn Nghiễm, Chu Thụy Nguyên, Cổ Ngư, Mai Ninh, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Huỳnh Liễu Ngan, Minh Nguyễn, Quang Nguyễn, Quỳnh Nga, Trần Thoại Nguyên, Nguyễn Quang Nhạc, Gia đình Trần Văn Nam, Nhật Nguyễn, Đức Phổ, NP Phan, Nguyễn Nguyên Phương, Phan Tường Niệm, Bạch Xuân Phê, Đặng Phùng Quân, Đỗ Quỳên, Phan Công Quan, Hà Bạch Quỳên, Lữ Quỳnh, Nguyễn Văn Sâm, Tuệ Sĩ, Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Đình Toàn, Hoàng Ngọc-Tuấn, Nguyễn Minh Triết, Phan Ni Tấn, Trần Văn Tích, Đinh Phụng Tiến, Trần Hoài Thư, Nguyễn Đức Tùng, Khánh Trường, Ngự Thuyết, Thành Tồn, Thu Thuyền, Phan Thị Trọng Tuyền, Quỳnh Thi, Đặng Thơ Thơ, Lê Hưng Tiến, Lê Hữu Minh Toán, BT Áo Tím, Xuân Thủy, Trần Đức Tín, Nguyễn Trí, Huỳnh Viết Tư, Phạm Hồng Thái, Monghoa Vothi, Nguyễn Hải Thảo, Trần Danh Thùy, Trần Hoàng Vỹ, Trần Hạ Vi, Ngô Thế Vinh, Hư Vô, Lưu Diệu Vân, Nguyễn Đình Phương Uyên, Nguyễn Khôi Việt, Ngô Tinh Yên...





DOCTOR OFFICE
KELVIN MAI
INTERNAL
MEDICINE




(714) 332-1069
Uy tín - Tận tâm

CHUYÊN TRỊ:

- Bệnh Nội Khoa như bệnh tim mạch, cao áp huyết, cao mỡ, tiểu đường, gan, thận, phổi.
- Các bệnh thần kinh, đau nhức, phong thấp.
- Bệnh đường ruột, đường tiểu.
- Yếu sinh lý cùng bệnh nhòai da, nám da...
- Trị theo lối, đốt mụn cóc, thịt dư...
- Có chích ngừa các loại...
- Có máy đo tim, theo dõi tim suốt 24 giờ.
- Máy thử thính lực và máy đo chức năng phổi.
- Có chích thuốc bổ, thuốc trụ sinh, truyền nước biển.
- Chữa trị đau nhức hiệu quả bằng bấm huyết, nắn xương, chỉnh gân và bắp thịt.
- Chích thuốc đau nhức, chích thuốc nhờn cho đầu gối.
- Có siêu âm gan, thận, mạch máu và các loại siêu âm khác tại phòng mạch.

Chúc Mừng Xuân Kỷ Hợi
An Khang Thịnh Vượng

Địa Chỉ 1:
1002 N. Fairview Street,
Santa Ana, CA 92703
Tel: (714) 332-1069
Fax: (714) 709-4205

Giờ làm việc:
Thứ Hai, Tư, Sáu:
8:30AM – 5:00PM
Thứ Bảy:
8:00AM – 1:00PM
Chủ Nhật: Đóng Cửa
Giờ Lunch:
1:30PM – 2:00PM

Địa Chỉ 2:
12666 Brookhurst Street, #130
Garden Grove, CA 92840
Tel: (714) 332-1069
Fax: (714) 709-4205

Giờ làm việc:
Thứ Ba & Thứ Năm:
8:30AM – 5:00PM
Thứ Bảy:
8:00AM – 12:00PM
Chỉ làm hẹn với Bác Sĩ
Kelvin Mai
Chủ Nhật: Đóng Cửa
Giờ Lunch:
1:30PM – 2:00PM

Nhà Thuốc Tây

PROFESSIONAL PHARMACY WESTMINTER

7631 Westminster Blvd., Suite D, Westminster, CA 92683
P: (714) 893-2464 | F: (714) 893-4255
T2-T6: 9am - 6pm | T7: 9am - 2pm



Được sĩ Denise Lê và toàn thể nhân viên chân thành cảm ơn quý vị đã cho chúng tôi cơ hội được phục vụ trong nhiều năm qua, và mong tiếp tục được sự ủng hộ của quý vị trong nhiều năm tới.

Đến với nhà thuốc, quý khách sẽ được giúp đỡ tận tình.

Chúng tôi:

- Nhận mọi bảo hiểm
- Chích ngừa các loại
- Giao thuốc miễn phí đến tận nhà.

Được sĩ Denise Lê trân trọng kính mời!

PROFESSIONAL PHARMACY FAIRVIEW ST.

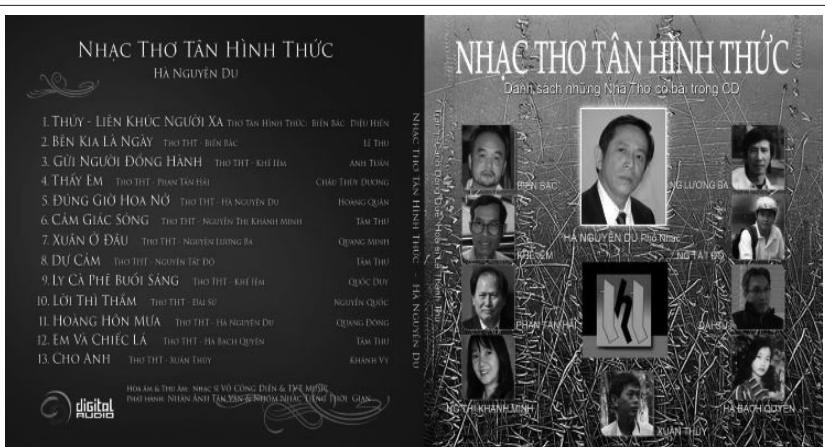
1002 N. Fairview St., Santa Ana, CA 92703
P: (714) 881-0012 | F: (714) 881-4321
T2-T6: 9am - 6pm | T7: 9am - 1pm



PROFESSIONAL PHARMACY FIRST ST.

2339 W. First St., Santa Ana, CA 92703
P: (714) 278-4800 | F: (714) 278-4769
T2-T6: 9am - 6pm | T7: Đóng Cửa





Với những người ưa chuộng thi ca, thi thơ Tân Hình Thức, hầu như ai cũng biết, cũng nghe qua, đọc qua. Nhưng “nhạc Tân Hình Thức” thì đây là lần đầu tiên tôi mới được Nhà thơ Hà Nguyễn Du cho nghe.

Hà Nguyễn Du là một trong những người tham gia sớm và cũng đầy mạnh phong trào thơ Tân Hình Thức, sau khi Nhà thơ Khế Iêm là người khởi xướng. Nhưng phổ nhạc từ thể thơ này thì được biết, hẳn anh là người tiên phong. Thơ Tân Hình Thức vốn không dễ làm, nên nhạc Tân Hình Thức càng không dễ phổ thành ca khúc.

Vì thơ Tân Hình Thức như là một loại văn xuôi được cấu trúc dưới hình thức vật dòng, phá cách, không vần điệu, theo ngữ ngôn, thất ngôn hay lục bát... mà thành. Cho nên khởi xướng thành nhạc từ thể loại này rất dễ bị ảnh hưởng vào cung cách của văn xuôi.

Tuy nhiên, thơ Tân Hình Thức cũng có nhạc tính nên khi phổ nhạc Hà Nguyễn Du đã cố gắng thoát ra khuôn sáo trường quy mà tạo được một hình thức tương đối mới lạ trong âm nhạc và lời ca. Đặc biệt, khi phổ nhạc, Hà Nguyễn Du chấp nhận để ý nguyên gốc, đã không sửa đổi hay thêm thắt chữ nào, y náo từ bài thơ của các nhà thơ Tân Hình Thức.

Âm nhạc khởi lên từ thơ hình thức, ngôn ngữ và hình ảnh nghe như của văn xuôi, nên lời ca được Hà Nguyễn Du khéo léo thấp cánh nâng lên, bay bổng bằng nhạc thuật, dù giản dị nhưng đi thẳng vào tâm tưởng người nghe... **Nhạc sĩ Phan Ní Tấn**

Hà Nguyễn Du là một trong những người làm thơ nổi tiếng ngay từ trước 1975 và khi ra hải ngoại, với nhiều thi tập đã được xuất bản và được giới yêu thơ dành cho nhiều hảo cảm đặc biệt...

Thi sĩ còn ở trong cương vị của một người làm thơ Tân Hình Thức, với cung cách tích cực đầy mạnh phong trào, ngay từ khởi đầu tham gia.

Thơ THT vốn là một thể loại thơ mới lạ, khó đọc, khó làm vì phá khổ phá luật, vì thế không phải ai cũng có thể tác tạo được một bài thơ – giống như một ma thuật huyền hoặc những hình ảnh trong ngôn ngữ – nếu người làm thơ không phải là người có kỹ năng sáng tạo cao độ cả về thi ngôn lẫn bề dày kinh nghiệm sống sâu sắc trong cuộc đời.

Hà Nguyễn Du, gần như là người viết nhạc duy nhất đã thổi hồn nhạc thù dệt nên những bài thơ nhạc qua thể loại Tân Hình Thức, mà không cần sự chea hay thêm bớt một chữ. Đó là biệt tài ngoại hạng mà không phải ai cũng có thể hoàn tất được.

Để chứng minh điểm son này, tôi nghĩ, những người yêu thơ, nhất là đối với thể loại thơ Tân Hình Thức do Hà Nguyễn Du phổ nhạc, rất nên tìm nghe CD Nhạc Thơ Tân Hình Thức do ông miệt mài thực hiện suốt hơn 3 năm qua với nhiều thủ thuật cả về vật chất, kỹ thuật, lẫn tinh thần.

Nguyễn Hà- Nhạc sĩ / Kỹ giả / TB Sống & Saigon Mới Magazine.

Viết về CD “Nhạc Thơ Tân Hình Thức” của Hà Nguyễn Du

Như mới đây tôi đã viết như sau về tập thơ anh sắp xuất bản: Xin trích:

Và cứ như thế, tôi lại kinh ngạc, khi khám phá ra thêm một phương diện nào khác về Hà Nguyễn Du. Thi dụ, khi biết rằng anh sáng tác nhạc, và các ca khúc lại rất mục xuất sắc...Và, xin trích:

Có một điều tôi biết chắc rằng, đối với Hà Nguyễn Du, thơ là cơm hàng ngày để ăn, là nước hàng buổi để uống, và là khi trôi trong từng khoảng khắc anh hít thở.

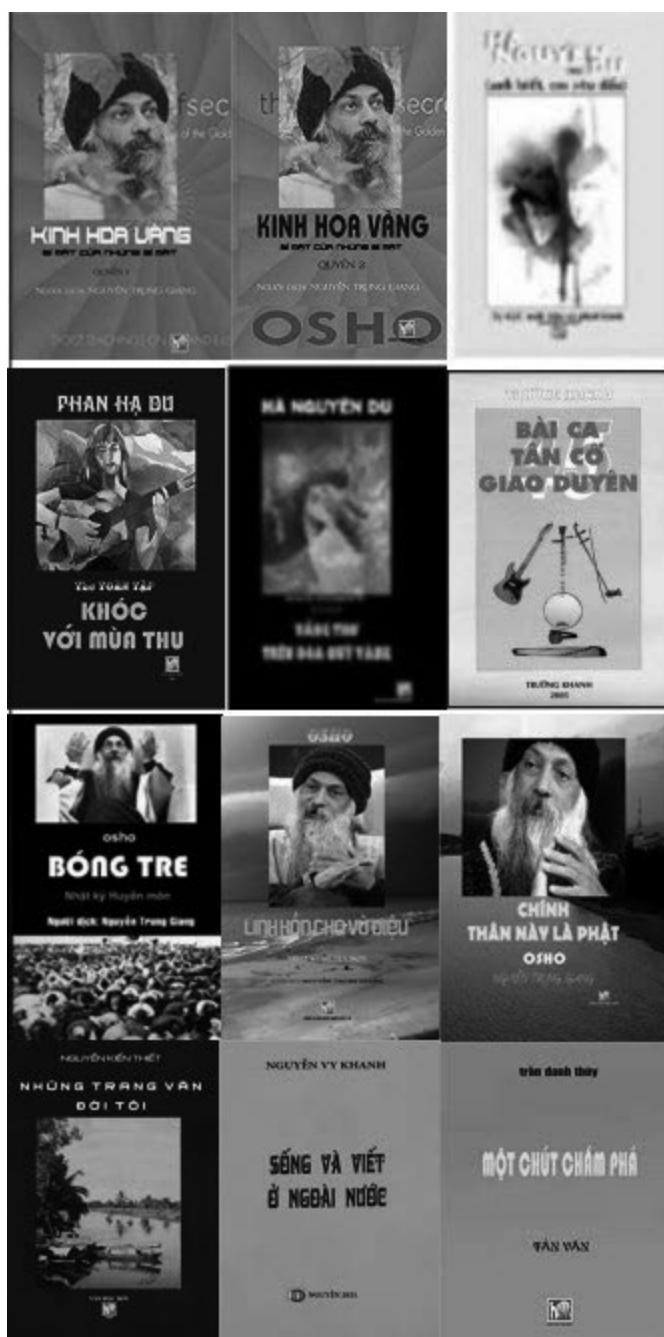
Thi này, việc sáng tác nhạc vào đời thơ làm tăng hoa cuộc sống khôn khó. Đây cũng là “khi trôi trong từng khoảng khắc anh hít thở”.

Tôi chỉ là người nghe nhạc lâu năm, nên thêm vài trở thành tôi quen... Vì thế tôi để nhận ra hay đó của một ca khúc...

Về thơ Tân Hình Thức là loại thơ không vần điệu, với ngôn ngữ đời thường. Dù chỉ để phổ nhạc Hà Nguyễn Du khám phá ra tính nhạc của nó không kém, so với thơ truyền thống. Từ đó, cách đây 3 năm cho tới nay, anh vẫn là người đầu tiên công bố với nỗ lực để hoàn thành sứ mệnh “phổ nhạc thơ Tân Hình Thức” Với tâm niệm: Một bài đã được phổ ứng họ nhiệt liệt chưa từng có, của qui anh em là những Nhà thơ ở hải ngoại cũng như trong nước... Thi dù khó khăn nào, anh cũng đi đến hoàn thành thật đẹp, như hôm nay tôi có trong tay và đã nghe đi nghe lại nhiều lần. Tôi không ngại để nói lời khen như trích dẫn ở trên là “các ca khúc rất mục xuất sắc”. Tôi nghĩ, khi qui vị nghe thi sẽ có đồng nhận định như tôi.

Tuy nhiên, Hà Nguyễn Du vẫn không ngại, mà vẫn nỗ lực ngày từ đầu cùng mục đích với người khởi xướng phong trào là Nhà thơ Khế Iêm. Quyết cùng nhau đẩy mạnh một trào lưu lịch sử, thật mới mẻ, cũng từ đó của thơ Việt là thơ Tân Hình Thức.

Và kỹ diệu thứ, anh đã thành công, nổi bật nhất là anh “không sáng một chữ nào” Anh vẫn giữ nguyên bản gốc của các Nhà thơ, mà nhạc anh phổ, khi nghe qua vẫn hay như những ca khúc hiện hành... **Nguyễn Giác Phan Tấn Hải**



NXB VĂN HỌC MỚI
TRẦN TRỌNG
GIỚI THIỆU SÁCH ĐÃ ẤN HÀNH VÀ
GIÁ SÁCH BÁN TRÊN CỬA HÀNG AMAZON

oOo

1. Lối Khác - Thơ Hà Nguyên Du
Giá \$ 18.00
2. Anh Biết Em Yêu Dấu - Thơ Hà nguyên Du
Giá \$ 20.00
3. Gene Đại Dương - Thơ Hà Nguyên Du
Giá \$12.00
4. Vầng Thơ Trên Đóa Quỳ Vàng - Thơ Hà Nguyên Du
Giá \$20.00
- 5., Văn Học Mới số 1
Giá \$ 15.00
6. Văn Học Mới số 2
Giá \$ 18.00
7. Văn Học Mới số 3
Bìa mềm giá \$ 18.00 - Bìa cứng giá \$ 35.00
8. Văn Học Mới số 4
Giá \$ 18.00
9. Văn Học Mới số
Giá \$ 20.00
10. Văn Học Mới số 6
Giá \$ 20.00
11. Văn Học Mới số 7
Giá \$ 20.00
12. Văn Học Mới số 8
Giá \$ 20.00
13. Truyện thơ Thạch Sanh Lý Thông
- Nguyễn Văn Sâm
Giá \$ 15.00
14. Thơ Quỳnh- Hoàng Xuân Sơn
Giá \$ 18.00
15. Văn Chương Nobel - Scott Nguyen
Giá \$ 18.00

16. Con Đường Tâm Linh - Tập 1
Dịch giả Nguyễn Trung Giang
Giá \$ 23.00
17. Con Đường Tâm Linh - Tập 2
Dịch giả Nguyễn Trung Giang
Giá \$ 23.00
18. Bóng Tre
Dịch giả Nguyễn Trung Giang
Giá \$ 23.00
19. Chính Thân Đây Là Phật
Dịch giả Nguyễn Trung Giang
Giá \$ 17.00
20. Linh Hồn Cho Vũ Điệu
Dịch giả Nguyễn Trung Giang
Giá \$ 28.00
21. Nhịp Đập Trong Nhau -Thơ Phan Hạ Du
Bìa mềm giá \$ 12.00_Bìa cứng \$20. 32
22. Thôn Thức Nhau Từ Ấy -Thơ Phan Hạ Du
Bìa mềm giá \$ 12.00_Bìa cứng \$22.00
23. Thương Nhớ Người Dưng-Thơ Phan Hạ Du
Giá \$ 12.00
24. Dấu Mốc - Nguyễn Lương Ba
Bìa mềm giá \$ 12. 00- Bìa cứng \$ 25.00
25. Có Một Thời Ở Quê Hương Tôi - Phan Ni Tấn
Giá \$ 18.00
26. Ngòi Viết Lang Thang- Phan Ni Tấn
Giá \$ 30.00
27. Người Tôi Yêu- Phan Ni Tấn
Giá \$ 20.00
28. Tuyển Tập Thơ Đức Phổ
Bìa mềm giá \$ 20.00 - bìa cứng \$ 40.00
- 29 . CD Nhạc Thơ Tân Hình Thức Giá \$10.00
30. Kinh Hoa Vàng tập 2 - bìa mềm - giá \$ 23.00
31. Khóc Với Mùa Thu - thơ toàn tập - bìa mềm giá \$25.00
32. Thơ Toàn Tập 1 Hà Nguyên Du - bìa mềm \$ 40.00 - cứng \$65.00



TRẢ LỜI THƯ TÍN

1/ Tòa soạn Văn Học Mới, xin chân thành cảm ơn quý thân hữu là Nhà thơ, Nhà văn, Nhà Phê Bình, Biên khảo đã hết lòng ủng hộ..

Rất cảm ơn quý vị đã vì yêu mến VHNT nên không chút lo ngại khi nhiệt tình mua báo dài hạn.

Một niềm hạnh phúc nồng nàn đầy chất khích lệ là gia hạn sự ủng hộ cũng như tiếp tục đóng góp bài vở thường xuyên ... của quý tác giả, quý mạnh thường quân...

Tòa soạn VHM cũng không quên cảm ơn quý vị mua tạp chí của chúng tôi trên Amazon, kể cả mua trong những nhà sách ...

1/ Những dự trù, những phương án cho tương lai VHM trong lúc này vẫn không thực hiện được, như thêm vào những tiểu mục cần thiết cho tờ báo có đầy đủ sắc màu ... Dù sự thật... vẫn chính là nội dung bài vở đóng góp có tầm cỡ hay giá trị đúng của một tạp chí VHNT hay không...

2/ Ngày càng có nhiều tác giả trong nước yêu cầu VHM phát hành xuyên địa lý, nhưng BBT chúng tôi tiếp tục vẫn một mực giữ giới hạn, vì vì những sự tế nhị và lòng tự trọng mang tính nhân bản đúng nghĩa ...



Thể lệ gửi bài về



Gởi sáng tác, xin kèm theo địa chỉ, tên thật (có thể), số phone và email. Gởi đến Văn Học Mới, xin vui lòng đừng gởi báo khác. Nếu tác phẩm đã từng dùng hay phổ biến dưới dạng thức nào, quý vị nên cho bốn báo hay biết. Nhất là **không nhận đăng bài đã đăng trên Facebook và không nhận bài vở viết tay...**

oOo

Bài vở, đánh máy một mặt giấy. Xin dùng Microsoft Word với công cụ Uni Code hay Unikey là tốt nhất. Cần theo font chữ Arial hay Time New Roman. Bài không đăng không trả lại. Thời gian không đăng khoảng 2 số liên tiếp, quý vị có quyền gởi báo khác..

TẠP CHÍ VĂN HỌC MỚI:

PHÁT HÀNH 6 SỐ / NĂM

(Tức 2 tháng ra 1 số)

Chấm dứt không nhận bài vào ngày 30 của tháng thứ nhất

Gởi bài vở cho Văn Học Mới, theo 2 Email :

1/ hanguyendu@gmail.com

2/ vanhocmoi68@gmail.com

Ngân phiếu / chi phiếu xin để:

HA NGUYEN

10291 Arundel Ave

Westminster, CA 92683 - 5821- USA

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN 6 số / NĂM

HOA KỲ / MỘT NĂM / \$120.00. HAI NĂM \$ 220.00

MUA _____ / NĂM

CANADA / MỘT NĂM / \$120.00. HAI NĂM \$ 220.00

**Á CHÂU, ÂU CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM / \$120.00
HAI NĂM \$220.00**

MUA _____ / NĂM

Giá bán tại các nhà sách US \$20.00 / Cuốn

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN 6 số / NĂM

HOA KỲ / MỘT NĂM / \$120.00. HAI NĂM \$ 220.00

MUA _____ / NĂM

CANADA / MỘT NĂM / \$120.00. HAI NĂM \$ 220.00

**Á CHÂU, ÂU CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM / \$120.00
HAI NĂM \$220.00**

MUA _____ / NĂM

Giá bán tại các nhà sách US \$20.00 / Cuốn

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN 6 số / NĂM

HOA KỲ / MỘT NĂM / \$120.00. HAI NĂM \$ 220.00

MUA____/ NĂM

CANADA / MỘT NĂM / \$120.00. HAI NĂM \$ 220.00

**Á CHÂU, ÂU CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM / \$120.00
HAI NĂM \$220.00**

MUA____/ NĂM

Giá bán tại các nhà sách US \$20.00 / Cuốn

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN 6 số / NĂM

HOA KỲ / MỘT NĂM / \$120.00. HAI NĂM \$ 220.00

MUA____/ NĂM

CANADA / MỘT NĂM / \$120.00. HAI NĂM \$ 220.00

**Á CHÂU, ÂU CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM / \$120.00
HAI NĂM \$220.00**

MUA____/ NĂM

Giá bán tại các nhà sách US \$20.00 / Cuốn



Chúng tôi NHẬN in ấn tác phẩm thuộc VHNT

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC MỚI

Phát hành toàn cầu qua hệ thống Amazon.

Sẽ giao đến tận nhà quý vị. Trên
tinh thần ủng hộ quý Văn Nghệ Sĩ
và thân hữu trong giới sáng tác
Liên lạc Hà Nguyên Du

vanhocmoi68@gmail.com

hanguyendu@gmail.com



Hình bìa : bức họa phát họa truyền thần của HS Lương Trường Thọ
cùng với hình bìa 2 bản nhạc nổi tiếng nhất của Nhà thơ Kim Tuấn

Bìa & Nội dung: HÀ NGUYỄN DU

Copyright © 2021 vanhocmoi magazine.

All rights reserved

Số ghi danh Quốc Hội Hoa kỳ: ISSN 2690 - 4276

